

Số

\*

-BC/BCSD

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2024

## BÁO CÁO

**Nghiên cứu, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay. Bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới**

-----

### Đặt vấn đề

#### 1. Sự cần thiết nghiên cứu, đánh giá, tổng kết

##### 1.1. Vai trò của kết cấu hạ tầng và công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn

###### a) Vai trò của kết cấu hạ tầng

Kết cấu hạ tầng (KCHT) là tổng thể các cơ sở vật chất, kỹ thuật, kiến trúc trong các hoạt động kinh tế - xã hội, có chức năng phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống của nhân dân, được bố trí trên một phạm vi lãnh thổ nhất định; trong đó, KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông<sup>1</sup> là trọng yếu, nền tảng có vai trò quyết định đến phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

- KCHT phát triển mở ra khả năng thu hút các luồng vốn đầu tư đa dạng cho phát triển kinh tế- xã hội.

- KCHT phát triển đồng bộ, hiện đại là điều kiện để phát triển các vùng kinh tế động lực, các vùng trọng điểm và từ đó tạo ra các tác động lan toả, lôi kéo các vùng liên kề phát triển.

- KCHT phát triển trực tiếp tác động đến các vùng khó khăn, hộ nghèo thông qua việc cải thiện hạ tầng và nâng cao điều kiện sống của nhân dân.

- Phát triển KCHT góp phần vào việc giữ gìn môi trường.

---

1. KCHT công nghiệp là hệ thống công trình có tính chất phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho hoạt động sản xuất và phát triển công nghiệp, bao gồm: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp; các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp; hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào, phục vụ hoạt động của khu, cụm công nghiệp và các dự án công nghiệp bên ngoài các khu, cụm công nghiệp.

KCHT đô thị bao gồm hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống công trình hạ tầng xã hội trong đô thị.

KCHT giao thông bao gồm công trình đường bộ, đường thủy, đường sắt; hành lang bảo vệ và các công trình phụ trợ khác cho đường bộ, đường thủy, đường sắt phục vụ cho giao thông, vận tải. Ngoài ra, còn các công trình cảng, nhà ga, bến bãi... phục vụ hàng hải và hàng không.

- Đầu tư cho KCHT, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn, đem đến tác động cao nhất đối với giảm nghèo.

- Phát triển KCHT tạo điều kiện nâng cao trình độ kiến thức và cải thiện tình trạng sức khỏe cho người dân, góp phần giảm thiểu bất bình đẳng về mặt xã hội cho người nghèo.

Tóm lại, KCHT đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, địa phương, tạo động lực cho sự phát triển. Hệ thống KCHT phát triển đồng bộ, hiện đại sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội. Ngược lại, một hệ thống KCHT kém phát triển là một trở lực lớn đối với sự phát triển. Ở nhiều nước đang phát triển hiện nay, KCHT thiếu và yếu đã gây ứ đọng trong luân chuyển các nguồn lực, khó hấp thụ vốn đầu tư, gây ra những “nút cổ chai KCHT” ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế.

### **b) Vai trò của công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn**

Tổng kết thực tiễn là một khâu không thể thiếu và có vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của lý luận. Tổng kết thực tiễn, xét về bản chất là quá trình bằng tư duy khoa học với phương pháp biện chứng duy vật làm cơ sở để chủ thể tổng kết, phân tích, đánh giá, khái quát kinh nghiệm thực tiễn nhằm kiểm tra sự đúng sai của lý luận, từ đó bổ sung, hoàn thiện, phát triển lý luận và rút ra những bài học kinh nghiệm chỉ đạo tổ chức thực tiễn và hoạt động lý luận tiếp theo.

Tổng kết thực tiễn chỉ có giá trị và ý nghĩa khi những bài học kinh nghiệm được rút ra từ tổng kết thực tiễn có vai trò chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động tổ chức thực tiễn tiếp theo, nghĩa là phải gắn với định hướng nghiên cứu lý luận và định hướng chính sách. Do đó, về bản chất, tổng kết thực tiễn cũng là nghiên cứu lý luận. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế”*<sup>2</sup>;

Lý luận bắt nguồn từ thực tiễn, được hình thành, bổ sung, phát triển từ tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Chính vì vậy, trong công tác lý luận, Đảng ta ngày càng nhận thức rõ và đề cao vị trí, vai trò của hoạt động tổng kết thực tiễn. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về *“Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”* đã khẳng định phải: *“Coi trọng việc tổng kết thực tiễn trong nghiên cứu lý luận và trong hoạt động của các cấp ủy đảng; coi tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành; gắn nghiên cứu thực tiễn Việt Nam với tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của nhân loại”*<sup>3</sup>.

2. Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, H.2011, tập 5, tr.273

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương IX, NXB CTQGST, H.2002, tr.134-135

## 1.2. Sự cần thiết nghiên cứu, đánh giá, tổng kết

KCHT là cơ sở vật chất - kỹ thuật nền tảng, thiết yếu đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội, trong đó hệ thống KCHT giao thông, công nghiệp và đô thị là trọng tâm, có ý nghĩa hết sức quan trọng, mang tính đột phá và phải đi trước một bước tạo ra không gian, động lực mới thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã dành sự quan tâm lớn cho đầu tư phát triển hệ thống KCHT kinh tế, xã hội. Đại hội XI của Đảng đã xác định một trong ba đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 đó là “*Xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn*”; Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 “*Về xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*”; Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định đột phá chiến lược: “*Xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu...*”.

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của KCHT đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá những tồn tại, hạn chế: “*Hiện trạng KCHT và đô thị trên địa bàn tỉnh còn nhiều yếu kém và bất cập... Việc đầu tư KCHT không đồng bộ, đấu nối giữa công trình mới và công trình cũ còn nhiều bất cập. Các khu đô thị, khu dân cư, khu, cụm công nghiệp phát triển chậm và thiếu đồng bộ, hiệu quả đầu tư chưa cao...*” là điểm yếu, gây cản trở sự phát triển. Từ năm 2010 đến nay, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bắc Giang đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách, huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống KCHT kinh tế - xã hội, bước đầu đạt được kết quả quan trọng, góp phần đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, nâng cao đời sống nhân dân, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền. Hạ tầng công nghiệp đã được đầu tư, nâng cấp, mở rộng; nguồn lực đầu tư phát triển KCHT ngày càng lớn và đa dạng; nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, đường vành đai, đường trục kết nối đã hoàn thành đưa vào sử dụng; phát triển một số khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị hiện hữu theo hướng văn minh, hiện đại, đã tạo ra không gian, động lực phát triển mới, giúp kinh tế của tỉnh có bước phát triển đột phá. Tuy nhiên, mặc dù đã được tập trung đầu tư nhưng hệ thống KCHT vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định còn nhiều hạn chế trong phát triển KCHT như: “*chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển*”, “*hệ thống KCHT kinh tế, xã hội phát triển chưa đồng bộ*”, đòi hỏi trong thời gian tới cần tiếp tục có những giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hơn nữa, đảm bảo tính đồng bộ, hợp lý, hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2023; Hướng dẫn số 02-HD/TW ngày 08/02/2018 của Ban Bí thư về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý

luận; ngày 13/5/2022, BTV Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 54 - KH/TU về tổ chức nghiên cứu, tổng kết thực tiễn trên một số lĩnh vực của tỉnh từ nay đến năm 2025. Trong đó, việc nghiên cứu, đánh giá, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay là một nội dung tổng kết thực tiễn nhằm cung cấp những luận cứ khoa học, đúc kết bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trong xây dựng chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện phát triển KCHT trên địa bàn tỉnh thời gian tới.

Với ý nghĩa đó, việc nghiên cứu, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay; Bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới là nhiệm vụ quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, hoạch định chủ trương, định hướng cho giai đoạn tiếp theo.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá, tổng kết thực tiễn**

### **2.1. Mục tiêu**

Nghiên cứu, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay, nhằm cung cấp những luận cứ khoa học, đúc kết bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trong xây dựng chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện phát triển KCHT trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 và thời gian tiếp theo.

### **2.2. Nhiệm vụ**

- Nghiên cứu các chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ở Trung ương về xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông).

- Nghiên cứu quan các điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang qua văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang các nhiệm kỳ 2010-2015, 2015-2020, 2020- 2025, các văn bản lãnh đạo và các nội dung tổng kết, đánh giá của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy về xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) từ năm 2010 đến nay.

- Điều tra, thống kê, tổng hợp tài liệu lưu trữ của tỉnh Bắc Giang về thực trạng về xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) từ năm 2010 đến nay. Trên cơ sở kết quả tổng hợp tài liệu, tiến hành so sánh, đối chiếu dữ liệu để đánh giá thực trạng phát triển KCHT, từ đó phát hiện vấn đề còn bất cập, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp khắc phục trong xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh thời gian tới.

- Tổ chức lấy ý kiến của một số cơ quan, đơn vị liên quan; tham gia đánh giá kết quả và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

- Đánh giá đúng, chỉ ra được những kết quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến nay, rút ra bài học kinh nghiệm.

- Đề xuất phương hướng và các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện có hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

### **3. Đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu, tổng kết thực tiễn**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông trên địa bàn tỉnh.

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện của HĐND, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông trên địa bàn tỉnh.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian: Nghiên cứu tổng thể, toàn diện về các nội dung liên quan đến kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến hết năm 2023.

- Về không gian: Báo cáo đánh giá tổng thể về thực trạng xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến hết năm 2023.

- Về phạm vi nghiên cứu các nội dung, chỉ tiêu chính trên các lĩnh vực:

+ Về KCHT công nghiệp: Đánh giá, tổng kết theo các chỉ tiêu: KCHT KCN, CCN; một số KCHT chủ yếu phục vụ công nghiệp (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc, nhà ở cho công nhân).

+ Về KCHT đô thị: Đánh giá, tổng kết theo các chỉ tiêu: Phát triển hệ thống đô thị; các KCHT chính, hạ tầng khung đô thị (khu đô thị, giao thông đô thị, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng, cây xanh đô thị, một số hạ tầng xã hội chủ yếu phục vụ đô thị).

+ Về KCHT giao thông: Đánh giá, tổng kết theo các chỉ tiêu: KCHT giao thông đường bộ, hạ tầng đường thủy, hạ tầng đường sắt.

#### **3.3. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam để nghiên cứu, thực hiện chuyên đề tổng kết thực tiễn; sử dụng bộ công cụ (phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh...) để đánh giá, tổng kết thực tiễn. Quá trình tổng kết thực tiễn, tiến hành một số hoạt động (tổ chức hội nghị phản biện khoa học, tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học...) để nội dung tổng kết phản ánh đúng kết quả thực tiễn.

## Phần thứ nhất

# THỰC TRẠNG KẾT CẤU HẠ TẦNG (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2010

## 1. Vị trí địa lý và thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2010 có tác động đến KCHT

### 1.1. Vị trí địa lý tỉnh Bắc Giang

Tỉnh Bắc Giang có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực chuyển tiếp từ vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến vùng đồng bằng Sông Hồng, thuộc vùng thủ đô Hà Nội và nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn- Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; diện tích tự nhiên là 3.895,48 km<sup>2</sup>. Tỉnh có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi với hệ thống đường bộ, đường sắt và đường sông; đường bộ gồm các quốc lộ 1A cũ và mới, QL 31, Quốc lộ 37, Quốc lộ 279; các tuyến đường sắt: Hà Nội - Lạng Sơn, Quảng Ninh - Kép - Thái Nguyên; đường sông với 3 con sông lớn trên địa bàn là sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam đảm bảo kết nối thuận lợi với cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng nội địa Gia Lâm, cảng nước sâu Cái Lân, cảng Hải Phòng, các cửa khẩu quốc tế trên biên giới Lạng Sơn và các tỉnh trong khu vực. Ngoài ra, tỉnh có vị trí khá thuận lợi, do cách không xa các trung tâm công nghiệp, đô thị lớn của “Tam giác kinh tế phát triển”: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Địa hình của tỉnh thấp dần từ phía Bắc xuống phía Nam, độ cao và độ dốc trung bình giảm dần; địa hình chia thành 2 tiểu vùng: Vùng trung du có đồng bằng xen kẽ chiếm 28% diện tích (bao gồm huyện Hiệp Hoà, thị xã Việt Yên và thành phố Bắc Giang); Vùng miền núi chiếm 72% diện tích (bao gồm các huyện: Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn, Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng và Lạng Giang), đây là vùng núi vừa và núi cao, địa hình chia cắt mạnh, tiếp giáp với đỉnh Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh và vùng núi tỉnh Lạng Sơn. Do địa hình đa dạng, bị chia cắt mạnh bởi đồi núi, sông ngòi, dân cư ở không tập trung nên việc bố trí không gian phát triển, đầu tư phát triển hệ thống KCHT gặp nhiều khó khăn, chi phí lớn, nhất là hệ thống hạ tầng công nghiệp, đô thị, giao thông.

### 1.2. Thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang năm 2010

Năm 2010, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã tổng kết, đánh giá những kết quả phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh giai đoạn 2005-2010: Về tốc độ tăng trưởng (GDP) bình quân 9%/năm; tỷ trọng công nghiệp- xây dựng trong cơ cấu kinh tế đạt 33,2%, nông nghiệp còn 32,7%, dịch vụ 34,1%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 650 USD. Số thu ngân sách trên địa bàn năm 2010 đạt khoảng 1.500 tỷ đồng (không tính nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu ngân sách nội địa đạt khoảng 860 tỷ đồng), chi ngân sách năm 2010 đạt khoảng 3.866 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cả nhiệm kỳ 2006-2010 đạt gần 34.000 tỷ đồng, gấp 3 lần giai đoạn 2001-2005. Về đầu tư phát triển KCHT: Đã quy hoạch và thành lập được 04 KCN, trong đó: Đình Trám đã đi vào hoạt động, 03 khu: Quang Châu, Vân Trung, Song Khê- Nội Hoàng đang được đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hình thành 25 cụm công nghiệp. Đã nâng cấp các tuyến Quốc lộ 31, 37, 279 và tỉnh lộ 398, 242; xây mới cầu Mỹ Độ, cầu Bến Đám, cầu Bến

Tuần, đường nội tỉnh lộ 398 với Quốc lộ 18. Giao thông đến trung tâm các huyện cơ bản thuận tiện, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm, tỷ lệ kiên cố hoá giao thông nông thôn đạt 48%. Hạ tầng đô thị thành phố Bắc Giang và một số thị trấn được tăng cường đầu tư xây dựng khang trang hơn.

Tuy nhiên, Đại hội cũng đã thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá những hạn chế, tồn tại “*Bắc Giang vẫn là tỉnh kém phát triển về kinh tế, thu nhập bình quân đầu người thấp so mức bình quân chung cả nước*”; chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư chưa cao; việc khai thác, huy động, sử dụng một số nguồn lực còn hạn chế; đầu tư cho công tác quy hoạch còn ít; một số quy hoạch còn phải điều chỉnh nhiều. Sự phát triển hạ tầng (nhất là giao thông, đô thị, điện lực...) chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội, chưa tạo được sức hấp dẫn và phát huy hiệu quả đầu tư. Đầu tư còn dàn trải, thiếu tập trung; chất lượng một số công trình chưa tốt; lãng phí trong đầu tư còn lớn. Công tác bồi thường, GPMB còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiều dự án đầu tư. “*Hiện trạng KCHT và đô thị trên địa bàn tỉnh còn nhiều yếu kém và bất cập... Việc đầu tư KCHT không đồng bộ, đấu nối giữa công trình mới và công trình cũ còn nhiều bất cập. Các khu đô thị, khu dân cư, khu, cụm công nghiệp phát triển chậm và thiếu đồng bộ, hiệu quả đầu tư chưa cao...*” là điểm yếu, gây cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2. Thực trạng KCHT công nghiệp năm 2010**

### **2.1. KCHT KCN năm 2010**

Năm 2010, trên địa bàn tỉnh có 04 KCN được thành lập, đang đầu tư xây dựng KCHT, tổng diện tích quy hoạch là 1.024,9ha, gồm:

- KCN Đình Trám là KCN tập trung đầu tiên của tỉnh được thành lập năm 2003, diện tích 98,1ha (chưa sát nhập CCN Đồng Vàng), sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư, cơ bản hoàn thành hệ thống hạ tầng trong và ngoài KCN, đã thu hút đầu tư cơ bản lấp đầy vào năm 2009.

- KCN Quang Châu thành lập năm 2006, diện tích 426ha (đã cơ bản hoàn thành hạ tầng được 100ha, bao gồm cả hệ thống xử lý nước thải, cấp nước sạch và đã thu hút đầu tư).

- KCN Song Khê - Nội Hoàng thành lập năm 2006, diện tích 149,8ha;

- KCN Vân Trung thành lập năm 2008, diện tích 351ha (phần diện tích do Công ty Fugiang làm chủ đầu tư 237ha, đã san lấp mặt bằng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật trên 170ha).

Ngoài ra, có 02 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch gồm: năm 2008 chấp thuận KCN Việt Hàn diện tích 200ha và năm 2010 chấp thuận KCN Châu Minh- Mai Đình diện tích 208ha.

**Bảng I.1. Hiện trạng các KCN tỉnh Bắc Giang năm 2010**

T T	KCN	Tình hình triển khai				
		Năm thành lập	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất công nghiệp (ha)	Diện tích đã đầu tư hạ tầng (ha)	Diện tích đất đã cho thuê (ha)
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>1.432,9</b>			
<b>I</b>	<b>KCN đang hoạt động, đầu tư</b>		<b>1.024,9</b>			
1	KCN Đình Trám	2003	98,1	68,6	98,1	68,6
2	KCN Quang Châu	2006	426	275	100	42,1
3	KCN Vân Trung	2008	351	249	170	0
4	KCN Song Khê – Nội Hoàng	2006	149,8	110,6	85	64,7
<b>II</b>	<b>KCN được bổ sung quy hoạch</b>		<b>408</b>			
1	KCN Châu Minh- Mai Đình	2010	208	140		
2	KCN Việt Hàn	2010	200	136		

*Nguồn: Ban quản lý các KCN*

## **2.2. KCHT cụm công nghiệp năm 2010**

Năm 2010, toàn tỉnh có 25 cụm công nghiệp được hình thành, với tổng diện tích 457,3ha; trong đó, thành phố Bắc Giang 05 CCN, tổng diện tích 40,21ha; huyện Việt Yên 03 CCN, tổng diện tích 27,96ha; huyện Yên Dũng 03 CCN, tổng diện tích 64,09ha; huyện Lạng Giang 03 CCN, tổng diện tích 63,16ha ; huyện Tân Yên 01 CCN diện tích 29,66ha ; huyện Hiệp Hòa 03 CCN, tổng diện tích 122,73ha ; huyện Yên Thế 02 CCN, tổng diện tích 27,1ha; huyện Lục Nam 03 CCN, tổng diện tích 54,2ha; huyện Lục Ngạn 02 CCN, tổng diện tích 28,16ha. Có 11 CCN đã được lập quy hoạch chi tiết, 09 CCN đã lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, 05 CCN đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật.



### 2.3. KCHT phục vụ công nghiệp năm 2010

- Hệ thống giao thông: Các KCN, CCN đã và đang hình thành chủ yếu nằm gần các tuyến đường QL1A mới, QL37, QL31 và các đường tỉnh nên thuận lợi về giao thông.

- Hệ thống cung cấp điện: Các KCN hiện có được cấp điện đầy đủ từ lưới điện quốc gia thông qua các Trạm biến áp tại Đồi Cốc (trạm 220/110/22kV Bắc Giang công suất 1x125 MVA) và Đình Trám (110kV). Các CCN được đảm bảo yêu cầu sử dụng qua các trạm biến áp khu vực do ngành điện triển khai xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến từng KCN, CCN.

- Hệ thống cấp nước sạch: Năm 2010, các KCN Đình Trám và Song Khê-Nội Hoàng đang được cấp nước từ nhà máy nước thành phố Bắc Giang (công suất 20.000m<sup>3</sup>/n.đ). Đối với các KCN đang hình thành đang được triển khai các dự án cung cấp nước cho các KCN (KCN Đình Trám công suất 25.000m<sup>3</sup>/n.đ; KCN Vân Trung công suất 50.000 m<sup>3</sup>/n.đ; KCN Quang Châu công suất ban đầu 10.000 m<sup>3</sup>/n.đ).

- Hệ thống thoát nước:

+ Nước mưa được thu gom vào hệ thống mương rãnh dọc theo các tuyến đường trong KCN và được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực (Ngòi Bún đối với các KCN Đình Trám, KCN Song Khê- Nội Hoàng; trạm bơm Quang Biều, Trúc Tay, Đông Tiến với KCN Quang Châu và Vân Trung).

+ Nước thải công nghiệp sau khi đã được xử lý cục bộ tại các nhà máy được thu gom và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung để xử lý lại đảm bảo yêu cầu mới xả ra hệ thống thoát nước chung. Tuy nhiên các KCN chưa xây dựng xong các khu xử lý nên chưa thực hiện được (hiện mới có KCN Đình Trám xây dựng nhà máy xử lý nước thải).

- Các hạ tầng khác liên quan:

+ Thông tin liên lạc: Tất cả các KCN, CCN đều nằm trong vùng phủ sóng và có mạng lưới thông tin liên lạc thuận lợi. Ngành bưu chính viễn thông đảm bảo yêu cầu sử dụng của các nhà đầu tư.

+ Các KCN được hình thành khi quy hoạch đã quan tâm đến việc gắn với các đô thị, các điểm dân cư và hình thành các khu nhà ở công nhân.

+ Các KCN không có khu xử lý rác thải riêng mà vẫn vận chuyển và chôn lấp rác thải chung với bãi chôn lấp rác của khu vực.

### 2.4. Đánh giá chung hiện trạng KCHT công nghiệp năm 2010

- Ưu điểm: KCHT các KCN, CCN đều được quy hoạch và triển khai thực hiện bám theo các trục đường giao thông chính trên địa bàn tỉnh (Quốc lộ, đường tỉnh), thuận lợi cho kết nối các hạ tầng kỹ thuật bên ngoài; hạ tầng kỹ thuật trong các KCN, CCN từng bước được đầu tư xây dựng, hoàn thành, thu hút đầu tư các dự án thứ cấp vào hoạt động và có đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế của địa phương.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Về KCHT các KCN: Việc đầu tư hạ tầng các KCN của tỉnh đều được triển khai theo hình thức cuốn chiếu, vừa đầu tư xây dựng hạ tầng, vừa thu hút đầu tư, phần lớn các KCN đầu tư không bài bản, chất lượng đầu tư hạ tầng thấp (trừ phần diện tích do Công ty TNHH Fugiang làm chủ đầu tư tại KCN Vân Trung); tiến độ đầu tư hạ tầng chậm, chủ đầu tư chỉ quan tâm đến đầu tư xây dựng phần diện tích đất công nghiệp cho thuê, chưa quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật phụ trợ như cây xanh, bãi đỗ xe, dịch vụ...

+ Về KCHT các CCN: Các CCN đã đi vào hoạt động được bố trí cơ bản trải đều trên địa bàn các huyện, thành phố (riêng huyện Sơn Động chưa có). Đặc điểm các CCN có diện tích nhỏ, chủ yếu do UBND các huyện, thành phố làm chủ đầu tư hạ tầng bằng nguồn NSNN, nhằm di dời các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nằm ở các khu đông dân cư và thu hút một số doanh nghiệp vừa và nhỏ dịch chuyển về khu vực nông thôn để giải quyết việc làm tại chỗ, tận dụng được hạ tầng chung về xã hội. Tuy nhiên, do NSNN còn hạn chế, công tác đầu tư hạ tầng các CCN trên địa bàn tỉnh vẫn còn chậm, hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu thu hút đầu tư. UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh hạ tầng cũng chưa thực sự quan tâm, chủ động trong việc đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng các CCN được giao làm chủ đầu tư, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải tập trung (mới chỉ có 02 CCN đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; cơ bản các CCN chưa xây dựng đường giao thông nội bộ).

+ Về hạ tầng phục vụ công nghiệp: Hệ thống hạ tầng giao thông kết nối các KCN, CCN còn thiếu, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các KCN, CCN theo quy hoạch; hệ thống cấp nước, đầu nối thoát nước, xử lý nước thải bên ngoài hàng rào các KCN, CCN chưa đồng bộ; các hạ tầng xã hội như nhà ở công nhân, thương mại, dịch vụ, nhà trẻ, thiết chế văn hóa, thể thao xung quanh các KCN, CCN còn thiếu, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người lao động và gây khó khăn, bức xúc đối với công tác quản lý xã hội.

### **3. Thực trạng về KCHT đô thị tỉnh Bắc Giang năm 2010**

#### **3.1. Về hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang năm 2010**

Năm 2010, tỉnh Bắc Giang có 17 đô thị gồm: Thành phố Bắc Giang là đô thị loại III; 16 thị trấn là đô thị loại V. Dân số đô thị trên 145.000 người, chiếm 9,36% dân số toàn tỉnh; tổng diện tích đất 14.184 ha, chiếm 2,65% đất tự nhiên của toàn tỉnh.

#### **3.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị năm 2010**

- Về giao thông đô thị: Đường đô thị có tổng chiều dài 111km, trong đó: Giao thông đối ngoại 28 km chiếm 25,5%; giao thông đối nội 83km chiếm 74,5%. Các tuyến này đã và đang được đầu tư, nâng cấp nhưng chưa đồng bộ. Đa số đường trong khu nhà ở, đường ngõ, xóm trong khu dân cư là đường bê tông.

- Về cấp, thoát nước và vệ sinh đô thị: Thành phố Bắc Giang có nhà máy nước với công suất 25.000m<sup>3</sup>/ngày cấp nước sạch cho nhân dân và một số vùng lân cận. Các thị trấn có trạm cấp nước hợp vệ sinh với quy mô còn nhỏ; Thành phố

Bắc Giang có hệ thống thoát nước tương đối hoàn chỉnh cho cả nước mưa và nước thải sinh hoạt, chiếm 35,2% so với chiều dài đường phố. Một số thị trấn có đường ống thoát nước mưa chung với nước thải, còn lại chủ yếu thoát nước tự nhiên. Thành phố Bắc Giang có bãi xử lý và chôn lấp rác thải đạt tiêu chuẩn; các đô thị khác chỉ có các bãi chôn lấp không qua xử lý.

- Về cấp điện: Các đô thị chủ yếu vẫn sử dụng các mạng điện nổi. Lưới điện phân phối còn tồn tại nhiều cấp điện áp, khả năng tải và cung cấp điện còn hạn chế.

### **3.3. Đánh giá chung KCHT đô thị năm 2010**

- Ưu điểm:

+ Các đô thị trên địa bàn tỉnh đã từng bước được quan tâm quy hoạch, đầu tư xây dựng, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Hệ thống đô thị đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội, đóng góp quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhất là các tuyến giao thông liên kết vùng, giao thông liên huyện đã tương đối định hình, thuận lợi để tỉnh kết nối với các tỉnh khác trong vùng, vận chuyển hàng hóa và phục vụ tốt an ninh - quốc phòng. Đã cơ bản hình thành khung KCHT toàn tỉnh và các đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Công tác phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, hệ thống đô thị phân bố chưa hợp lý; quy mô đô thị nhỏ; hạ tầng kỹ thuật còn thiếu đồng bộ; tỷ lệ đô thị hóa còn thấp so với trung bình cả nước; kinh tế đô thị chưa có đột phá; nếp sống văn minh đô thị chuyển biến chậm. Công tác quản lý nhà nước về đô thị còn nhiều bất cập; việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị chưa đầy đủ, thiếu tầm nhìn dài hạn. Hệ thống đô thị thiếu sức hút, sức cạnh tranh và chưa thật sự là động lực dẫn dắt sự phát triển. Hầu hết các đô thị phát triển trên nền hệ thống cũ, thiếu quy hoạch, hạn chế về không gian.

+ Việc đầu tư xây dựng KCHT đô thị vẫn còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế nguồn lực thực hiện nên chưa đáp ứng được yêu cầu. Vẫn còn tình trạng xây dựng tự phát lộn xộn, thiếu mỹ quan tại các đô thị, đặc biệt là tại các khu dân cư nông thôn tập trung dọc các tuyến quốc lộ và đường tỉnh. KCHT đô thị đã được quan tâm đầu tư, nhưng còn thiếu và chưa đồng bộ, các đô thị đều cơ bản thiếu chỉ tiêu cây xanh, mật độ đường giao thông, hệ thống thoát nước, cung cấp nước, công trình thể thao, văn hóa, không gian công cộng... những hạn chế trên đang là những rào cản đối với sự phát triển đô thị.

## **4. Thực trạng về KCHT giao thông tỉnh Bắc Giang năm 2010**

### **4.1. Giao thông đường bộ năm 2010**

Tổng chiều dài đường bộ tỉnh Bắc Giang năm 2010 có khoảng 9.866,75 km, trong đó: Quốc lộ 251,8 km chiếm 2,55%; Đường tỉnh 411,8 km chiếm 4,17%; Đường huyện 694,5 km chiếm 7,04%; Đường xã 2.055,6 km chiếm

20,83%; Đường thôn xóm 6.171,35 km chiếm 62,55% và Đường đô thị khoảng 281,7 km chiếm 2,86%. Tỷ lệ trải mặt đường BTXM, BTN chiếm 34,94%; đá dăm nhựa 8,42%; cấp phối, đất, gạch chiếm 56,64%.

**Bảng I.2. Tổng hợp hiện trạng đường bộ tỉnh Bắc Giang năm 2010**

Loại đường	Dài (km)	BTXM	BTN	Đá dăm nhựa	Cấp phối, Đất	Gạch, khác	Tỷ lệ
<b>Loại mặt đường</b>							
Quốc lộ	251,80		191,40	60,40			2,55%
Đường tỉnh	411,80	4,30	75,60	294,30	37,60		4,17%
Đường huyện	694,50	101,08		307,75	285,67		7,04%
Đường xã	2.055,60	457,24		140,90	1.312,76	144,70	20,83%
Đường thôn xóm	6.171,35	2.362,93		15,41	3.489,06	303,95	62,55%
Đường đô thị	281,70	151,45	103,32	12,35	14,58		2,86%
<b>Cộng</b>	<b>9.866,75</b>	<b>3.077</b>	<b>370,32</b>	<b>831,11</b>	<b>5.139,67</b>	<b>448,65</b>	<b>100%</b>
	100,00%	31,19%	3,75%	8,42%	52,09%	4,55%	

*Nguồn: Sở GTVT; các huyện, thành phố.*

#### **4.2. Đường thủy nội địa năm 2010**

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 3 sông chính chảy qua gồm sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam, tổng chiều dài khoảng 354 km; trong đó 222 km do Trung ương quản lý (theo Quyết định số 970/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2009 của Bộ Giao thông vận tải), đảm bảo cho các phương tiện thủy có trọng tải từ 40 tấn đến 500 tấn qua lại được; 130 km do địa phương quản lý, chủ yếu cho các phương tiện thủy loại nhỏ hoạt động; ngoài ra còn có các sông nhánh. Các bến cảng được hình thành từ các bến bốc xếp thô sơ, có 1 cảng sông, 3 cảng chuyên dùng và 14 bến thủy nội địa.

#### **4.3. Đường sắt năm 2010**

Trên địa bàn tỉnh có 3 tuyến đường sắt quốc gia chạy qua, gồm Hà Nội - Đồng Đăng dài 167 km, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Giang dài 40 km; Kép - Hạ Long với tổng chiều dài 106 km, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Bắc

Giang dài 32,77 km và Kép - Lưu Xá tổng chiều dài 57 km, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Giang dài 23 km, không kể tuyến chuyên dùng phục vụ cho Nhà máy Đạm và hoá chất Hà Bắc.

#### **4.4. Đánh giá chung thực trạng KCHT giao thông năm 2010**

- Ưu điểm:

+ Về KCHT giao thông đường bộ: Mạng lưới quốc lộ chiếm khoảng 2,59% tổng số km đường bộ, tạo thành các trục chính quan trọng để các trục đường địa phương kết nối vào; đường tỉnh chiếm 4,23% tổng số km đường bộ trên địa bàn tỉnh; kết nối giữa thành phố Bắc Giang với thủ đô Hà Nội và các tỉnh liền kề đã thuận lợi hơn so với trước đây, đặc biệt với Hà Nội và Lạng Sơn; kết nối từ thành phố Bắc Giang đi các huyện Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang, Yên Thế tương đối thuận lợi. Đối với khu vực nông thôn, 100% các xã đã có đường ô tô đến trung tâm, mạng lưới GTNT tương đối dày và phân bố hợp lý, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân; hệ thống đường vành đai, đường phân bổ chức năng tại các đô thị được hình thành cơ bản theo hiện trạng đô thị.

+ Về KCHT giao thông đường thủy, đường sắt: Hệ thống sông ngòi, đầm hồ trên địa bàn có quy mô và phân bố khá hợp lý, có một số cảng sông và bến thủy hoạt động nhưng quy mô nhỏ; về đường sắt trên địa bàn có 03 tuyến đường sắt đi qua và 01 tuyến đường sắt chuyên dùng nối tới Nhà máy Đạm và Hóa chất Hà Bắc (trong đó 02 tuyến đang khai thác là Hà Nội - Đồng Đăng và Kép - Hạ Long), có nhiều tiềm năng cho phát triển giao thông đường thủy, đường sắt.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Về KCHT giao thông đường bộ:

++ Về mạng lưới các trục đường quốc lộ chủ yếu đi qua trung tâm đô thị gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là vào các dịp lễ hội, thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; mạng lưới đường tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu nên cần thiết phải xây dựng thêm một số tuyến đường tỉnh để thuận tiện giao thông và phát triển kinh tế xã hội; mạng lưới GTNT tương đối dày nhưng chất lượng mặt đường còn thấp (64,7% xấu và 4,2% là rất xấu); mạng lưới giao thông đô thị nói chung còn thiếu, các đoạn quốc lộ, đường tỉnh được các địa phương sử dụng như đường đô thị còn phổ biến (đặc biệt là tại các khu vực thị trấn); hệ thống đường vành đai, đường phân bổ chức năng tại các đô thị, thị trấn còn thiếu và chưa hoàn chỉnh để kết nối giữa giao thông đối ngoại và giao thông đối nội.

++ Kết nối Bắc Giang với các tỉnh Hải Dương, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Quảng Ninh còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu; kết nối từ thành phố Bắc Giang đi các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động còn gặp nhiều khó khăn do chỉ có một trục dọc là QL31, mới đạt cấp V, năng lực thông qua còn hạn chế. Đối với khu vực nông thôn, do chất lượng đường GTNT còn kém, còn nhiều cầu – cống tạm, ngầm tràn nên khả năng kết nối còn hạn chế, gây mất an toàn giao thông, đặc biệt là vào mùa mưa lũ.

++ Chất lượng đường: Mặc dù quốc lộ là những tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh, có mật độ giao thông cao nhưng có quy mô thấp, chủ yếu mới đạt cấp V, IV; Quốc lộ 1 là trục quan trọng quốc gia cũng như của tỉnh Bắc Giang, mật độ giao thông lớn nhưng chỉ đạt cấp tiêu chuẩn đường cấp III, thường xuyên ách tắc và xảy ra TNGT. Đường tỉnh chủ yếu mới gần đạt tiêu chuẩn đường cấp V, có tuyến mới đạt cấp VI; đường huyện chủ yếu mới đạt GTNT loại A, B; đường xã chủ yếu đạt loại B và nhiều đoạn chưa vào cấp kỹ thuật.

+ Về KCHT giao thông đường thủy: Hệ thống sông ngòi đầm hồ chưa được quan tâm đầu tư khảo sát, xây dựng quy hoạch phát triển để khai thác hết tiềm năng; hàng thông qua cảng chính còn thấp; có nhiều bến bãi dọc sông tự phát, chưa được quy hoạch phát triển đồng bộ, còn nhiều bến đò ngang. Công tác quản lý, khai thác đường thủy nội địa còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được lợi thế. Hệ thống cảng sông chưa được đầu tư, khai thác, quản lý chặt chẽ, phát huy hiệu quả thấp; không khai thác được lợi thế tự nhiên vốn có.

+ Về KCHT giao thông đường sắt: Hai tuyến đường sắt đang khai thác Hà Nội - Đồng Đăng và Kép - Hạ Long chưa được nâng cấp, chủ yếu mới đầu tư để duy trì khai thác; tuyến Kép - Lư Xá vẫn dừng hoạt động, chưa được khai thác trở lại; tuyến đường sắt chuyên dùng nối tới Nhà máy Đạm và Hóa chất Hà Bắc chưa được khôi phục. Dọc tuyến đường sắt có nhiều đường ngang đường bộ giao cắt với đường sắt, đặc biệt là nhiều đường ngang dân sinh tự phát không quản lý được.

## Phần thứ hai

# KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY

## I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Quán triệt các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XI, XII, XIII của Đảng và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống KCHT; Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã chủ động, không ngừng đổi mới, kịp thời ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn, quan trọng thể hiện rõ quan điểm, định hướng và các giải pháp mang tính đột phá để phát triển hệ thống KCHT trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, theo từng giai đoạn, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong Đảng bộ tỉnh cụ thể hóa thành các quy định, chương trình, đề án, kế hoạch, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, cụ thể, sát thực tế và quyết liệt chỉ đạo thực hiện, cụ thể:

### 1. Việc ban hành các chủ trương, chính sách về phát triển KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) từ năm 2010 đến nay

#### 1.1. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2011-2015

##### a) Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy

Giai đoạn 2011-2015, là giai đoạn có bước mở đầu quan trọng về phát triển KCHT, BCH Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 về “05 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm, giai đoạn 2011-2015, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII”, trong đó gồm “Chương trình phát triển KCHT và đô thị giai đoạn 2011-2015”; đồng thời, ban hành Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 về xây dựng NTM tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; BTV Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 182-NQ/TU ngày 08/11/2011 về phát triển thành phố Bắc Giang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 81-KL/TU ngày 17/7/2015 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII năm 2010 xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2015: “Đưa Bắc Giang vượt qua tình trạng chậm phát triển trước năm 2015 và trở thành tỉnh trung bình khá trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc về chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người và chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế. Phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội; bảo vệ môi trường...”; các chỉ tiêu chủ yếu liên quan đến phát triển KCHT: Vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 80 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ dân số thành thị 14-16%; 99% dân thành thị sử dụng nước sạch; 88% dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh. Đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, trong đó: Nâng cao hiệu quả các KCN hiện có. Chú trọng công tác quy hoạch, khai thác lợi thế hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Nâng cấp KCHT giao thông, thủy lợi, điện, cấp, thoát nước. Phát triển đô thị thành phố Bắc Giang và các trung tâm

huyện, thị trấn...; nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách. Xây dựng và triển khai thực hiện 5 chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm, trong đó có Chương trình phát triển KCHT, đô thị.

- Chương trình phát triển KCHT và đô thị trong Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh đã phân tích hiện trạng KCHT giao thông; hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp và đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2010; chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân; đề ra các mục tiêu, giải pháp và đặc biệt là nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2015 trên một số mặt như sau:

+ Mục tiêu tổng quát đến năm 2015: **“Về phát triển KCHT: Đảm bảo, nâng cao năng lực giao thông, gắn mối liên hệ với hệ thống cảng sông, cảng cạn và các vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Xây dựng, cải tạo các công trình thủy lợi để tăng khả năng điều tiết nguồn nước và diện tích tưới, tiêu. Phát triển KCHT kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp và các công trình ngoài hàng rào tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư. Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở y tế theo hướng từng bước hiện đại hoá, tạo cơ hội thuận lợi cho người dân được bảo vệ và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho trường học, trường đào tạo nghề. Từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống lưới điện cao thế, trung thế, hạ thế theo quy hoạch; Về phát triển đô thị: Xây dựng bộ mặt kiến trúc mới, góp phần tạo nên hình ảnh đô thị hiện đại, văn minh, trên cơ sở kế thừa, bảo vệ các công trình kiến trúc có giá trị và phát triển kiến trúc đô thị mới hiện đại. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, bao gồm: Giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công viên cây xanh. Dành đủ đất đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật để đô thị phát triển bền vững”.**

+ Mục tiêu cụ thể đến năm 2015:

++ Về giao thông: Tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng đường nối ĐT398 đi QL18, ĐT398 đoạn Đồng Việt đi QL1A, cải tạo nâng cấp ĐT293, ĐT295, nâng cấp đoạn đường đất ĐT 297, các tuyến đang bị hỏng thuộc ĐT290, ĐT291, ĐT298 và xây dựng cầu Đông Xuyên, Cầu Lãn Chè. Nâng cấp một số tuyến đường huyện quan trọng đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Một số tuyến đến trung tâm xã đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A, B, tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá đạt 20%.

++ Về hạ tầng kỹ thuật KCN, CCN: Hoàn thành hạ tầng kỹ thuật KCN Quang Châu, Song Khê - Nội Hoàng; triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Vân Trung, Việt Hàn, Châu Minh - Mai Đình. Hoàn thành đường ngoài KCN Vân Trung, Việt Hàn, Song Khê - Nội Hoàng. Xây dựng và nâng cấp hệ thống lưới điện và các trạm điện 110Kv phục vụ các KCN. Triển khai xây dựng một số nhà ở công nhân KCN.

++ Về hạ tầng kỹ thuật đô thị: Cùng với tốc độ đô thị hoá tăng, mạng lưới đô thị được mở rộng và phát triển. Đến năm 2015, tỉnh Bắc Giang có 33 đô thị; tập trung đầu tư hệ thống KCHT thành phố Bắc Giang, 04 đô thị trọng tâm vùng (Chũ, Thắng, Bích Động và Vôi) và các đô thị hiện hữu; đối với KCHT thành phố Bắc Giang: Đầu tư xây dựng từ 25-50% các Khu đô thị mới phía Nam, Tây



Nam và Tây Bắc thành phố Bắc Giang; các khu dân cư nhỏ lẻ trên địa bàn các phường, xã; hoàn chỉnh hạ tầng các khu nhà ở trong đô thị; xây dựng các tuyến đường vành đai, cầu vượt sông, nút giao thông khác cốt đường Hùng Vương, đường Nguyễn Thị Minh Khai...; xây dựng nhà máy cấp nước số 2 TP Bắc Giang, công suất 25.000 m<sup>3</sup>/ngày; xây dựng nghĩa trang nhân dân và nhà máy xử lý rác thải thành phố; tập trung hoàn thiện Công viên Hoàng Hoa Thám; Khu Trung tâm Văn hóa, thể thao - dịch vụ 14,5 ha; quy hoạch và xây dựng khu di tích chiến thắng Xương Giang; xây dựng các khu nhà ở mới, nhất là chung cư dành cho người có thu nhập thấp, xây dựng hoàn thiện khu nhà ở cho sinh viên. Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Khu chung cư công nhân nhà máy Phân đạm, khu chung cư Đồng Cửa; nâng cấp, hoàn thiện hệ thống dịch vụ công cộng; xây dựng hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại; triển khai ngầm hóa hạ tầng viễn thông; chỉnh trang các khu phố cũ.

- Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của BCH đảng bộ tỉnh về xây dựng NTM tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 với quan điểm, mục tiêu chủ yếu: *“phát huy nội lực của cộng đồng dân cư là chính, chủ thể là các nông hộ, lấy địa bàn xã là đơn vị xây dựng NTM”*, *“xây dựng nông thôn tỉnh Bắc Giang có KCHT kinh tế- xã hội từng bước hiện đại”*, trong đó nổi bật là cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường trục thôn, liên thôn tạo thành phong trào rộng khắp, có sức lan tỏa; diện mạo nông thôn được đổi mới, khang trang, sạch, đẹp hơn, hạ tầng cơ sở đã tạo thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất và sinh hoạt của người dân nông thôn.

***b) Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2011-2015***

Để cụ thể hóa các chủ trương, Chương trình phát triển KCHT và đô thị giai đoạn 2011-2015, HĐND tỉnh đã ban hành 06 Nghị quyết; UBND tỉnh đã ban hành 01 Chương trình, 09 Kế hoạch, 28 Quyết định, thông qua 03 Đề án để cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chương trình; Các sở, ngành có liên quan và cấp ủy cấp huyện, UBND các huyện, thành phố đều triển khai việc xây dựng các nghị quyết, chương trình hành động, đề án, kế hoạch để triển khai thực hiện Chương trình phát triển KCHT và đô thị giai đoạn 2011-2015 phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, đơn vị<sup>4</sup>.

Chính sách nổi bật của giai đoạn này là việc triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển KCHT, đô thị và xây dựng NTM, cụ thể: HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về thông qua danh mục các dự án ĐTXD KCHT sử dụng quỹ đất để tạo vốn năm 2013; điều chỉnh quy hoạch phát triển GTVT tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030; quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016-2025; điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; quy định mức hỗ trợ ĐTXD một số hạng mục công

---

**4. Giai đoạn 2011-2015**, thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TU của Tỉnh ủy các Huyện ủy, Thành ủy đã ban hành: Chương trình số 01-CTr/TU của Thành ủy Bắc Giang; Nghị quyết số 33-NQ/HU của Huyện ủy Việt Yên; Nghị quyết số 59-NQ/HU ngày 29/3/2011 của Huyện ủy Yên Thế; Nghị quyết số 03-NQ/HU của Huyện ủy Tân Yên; Nghị quyết số 30-NQ/HU của Huyện ủy Lục Nam; Nghị quyết số 75-NQ/HU của Huyện ủy Yên Dũng; Nghị quyết số 65-NQ/HU, Chương trình hành động số 02-CTr/HU của Huyện ủy Hiệp Hòa; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TU của các Huyện ủy Lạng Giang, Lục Ngạn, Sơn Động.

trình ở các xã xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, 2014-2016<sup>5</sup>; UBND tỉnh đã phê duyệt các quy hoạch phát triển về công nghiệp, đô thị, giao thông; ban hành một số quy định quan trọng về quản lý ĐTXD phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông<sup>6</sup>.

## 1.2. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2016-2020

### a) Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy

Giai đoạn 2015-2020, Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã ban hành các Chương trình, Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch chuyên đề về phát triển KCHT như: Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2015 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về phát triển KCHT giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của BTV Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 06/5/2016 của Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 139-NQ/TU ngày 01/9/2016 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017 của BTV Tỉnh ủy về một số chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn; vấn đề thiếu lớp học, thiếu giáo viên ở bậc học mầm non; vấn đề giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh; Kết luận số 104-KL/TU ngày 31/5/2018 của BTV Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Tỉnh ủy; Kết luận số 201-KL/TU ngày 30/5/2019 của BTV Tỉnh ủy về đầu tư phát triển KCHT giao thông trên địa bàn huyện Lục Ngạn giai đoạn 2019-2025; Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của BTV Tỉnh ủy về chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Các văn bản lãnh đạo được ban hành nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII với chủ trương, quan điểm phát triển đến năm 2020: *“Phát triển toàn diện các lĩnh vực, các khu vực, các vùng miền...; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Phát triển kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống KCHT đi trước một bước để tạo tiền đề cho phát triển kinh tế- xã hội”*; với mục tiêu: *“phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của địa phương, sức mạnh tổng hợp của nhân dân, đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc...; có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn tốc độ chung của cả nước, có cơ cấu kinh tế hợp lý, có*

---

5. Các Nghị quyết: số 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2012, số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2013, 03/NQ-HĐND ngày 10/4/2014, số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2015, số 12/NQ-HĐND ngày 10/7/2015, số 28/NQ-HĐND ngày 11/12/2015.

6. Quyết định số 475/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 về quản lý đầu tư và xây dựng, Quyết định số 139/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 về ĐTXD khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 124/2012/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 về quản lý và bảo vệ KCHT giao thông đường bộ; Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 10/02/2012 về quản lý, bảo trì đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 79/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư BT trên địa bàn tỉnh năm 2014, tiền đề triển khai các dự án BT trên địa bàn tỉnh...

*KCHT phát triển đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn...; ví dụ, hình ảnh tỉnh Bắc Giang được nâng lên tầm cao mới*”; một số mục tiêu cụ thể liên quan đến phát triển KCHT: “Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 230 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ dân số đô thị từ 22-23%; tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt trên 90%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%”, trong đó một số quan điểm, chủ trương lớn, nổi bật về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông, cụ thể:

- Chương trình hành động số 01-Ctr/TU ngày 07/12/2015 của Tỉnh ủy đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2016-2020 đối với KCHT như sau:

+ Tiếp tục quy hoạch, đầu tư hạ tầng giao thông, tạo quỹ đất sạch để mở rộng không gian phát triển công nghiệp. Hoàn chỉnh hạ tầng các KCN: Song Khê – Nội Hoàng, Vân Trung, Quang Châu. Triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng KCN: Châu Minh – Mai Đình (Hiệp Hòa), Tăng Tiến (Việt Yên). Quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng CCN Yên Lư (Yên Dũng), Mỹ An (Lục Ngạn), Hợp Thịnh – Đại Thành (Hiệp Hòa).

+ Tập trung phát triển hạ tầng đô thị. Tiến hành quy hoạch mở rộng diện tích, đầu tư xây dựng thành phố Bắc Giang tiệm cận các tiêu chí đô thị loại I vào năm 2020. Huy động các nguồn lực xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Nam thành phố; nâng cấp thị trấn Thắng, thị trấn Chũ hướng tới các tiêu chí đô thị loại III.

+ Đầu tư xây dựng đường vành đai Đông Nam thành phố Bắc Giang và 2 cầu qua sông thương tại khu vực cảng Đòng Sơn, cảng Á Lữ. Tích cực phối hợp triển khai dự án đường cao tốc Hà Nội- Lạng Sơn và đề nghị đầu tư quốc lộ 17, đường vành đai IV (Hà Nội) địa phận Bắc Giang.

- Nghị quyết 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của BCH đảng bộ tỉnh đã đánh giá kết quả đạt được về KCHT giao thông giai đoạn trước, đồng thời thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, bất cập: Giao thông đường bộ còn nhiều khó khăn, phần lớn đường nhỏ hẹp, chất lượng thấp và quá tải; hệ thống cầu đường bộ còn thiếu, còn một số cầu yếu và có tải trọng thấp; giao thông kết nối khu vực, nhất là với các tỉnh lân cận, trung tâm các huyện, thành phố, các khu, cụm công nghiệp, điểm du lịch trong tỉnh... chưa đồng bộ. Giao thông đường sắt, đường thủy nội địa chưa phát triển. Hệ thống các công trình hạ tầng đường bộ còn nhiều bất cập. Đồng thời đưa ra quan điểm chỉ đạo xuyên suốt giai đoạn 2016-2020: Phát triển KCHT giao thông phải được các cấp ủy, chính quyền xác định là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, có tầm nhìn dài hạn và ưu tiên thực hiện trước một bước để tạo tiền đề, động lực cho sự phát triển của các ngành, địa phương. Huy động tối đa mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển KCHT giao thông. Đây là kim chỉ nam trong việc phát triển về KCHT giao thông trong giai đoạn 2016-2020 để các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện.

- Nghị quyết 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của BTV Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã

đánh giá công tác phát triển đô thị giai đoạn trước còn nhiều hạn chế, phân bố chưa hợp lý, quy mô nhỏ, hạ tầng kỹ thuật thiếu đồng bộ, chưa tạo ra đột phá trong phát triển kinh tế đô thị; xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển đô thị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo hình thành một số đô thị lớn có KCHT hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; có chất lượng môi trường tốt, đảm bảo sáng- xanh- sạch- đẹp, hài hòa với thiên nhiên.

- Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của BTV Tỉnh ủy về chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 xác định mục tiêu *“Huy động mọi nguồn lực để phát triển công nghiệp nhanh, bền vững; tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh, trở thành nền tảng kinh tế và quyết định sự phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc của địa phương. Phấn đấu đến năm 2030, Bắc Giang là một trong những trung tâm công nghiệp trong khu vực”*, trong đó xác định một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Mở rộng không gian phát triển công nghiệp, trọng tâm là xây dựng các KCN, CCN (rà soát, mở rộng quỹ đất, quy hoạch xây dựng các khu, cụm công nghiệp đảm bảo đồng bộ với quy hoạch hạ tầng về giao thông kết nối, hạ tầng thoát nước, hệ thống điện nước, hạ tầng xã hội và dịch vụ...). Định hướng và quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trọng tâm (lựa chọn một số ngành công nghiệp nền tảng để ưu tiên phát triển và có chọn lọc...).

- Ngay sau khi Luật Quy hoạch năm 2017 có hiệu lực ngày 01/01/2019, BTV Tỉnh ủy đã chủ động ban hành Kết luận số 227-KL/TU ngày 09/9/2019 về đề cương, nhiệm vụ và tiến độ triển khai lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định những định hướng, phương pháp, nội dung quan trọng để lãnh đạo triển khai thực hiện. Kết quả, Bắc Giang đã là tỉnh đầu tiên trong cả nước hoàn thành lập và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

***b) Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2016-2020***

HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch<sup>7</sup> về thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội 05 năm, giai đoạn 2016-2020 để chỉ đạo, tổ chức thực hiện; đồng thời, cụ thể hóa các Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch chuyên đề của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông, như sau: Thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Tỉnh ủy, Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017 và Kết luận 104-KL/TU ngày 31/5/2018 của BTV Tỉnh ủy về phát triển KCHT giao thông (*HĐND tỉnh đã ban hành 03 Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng KCHT giao thông; UBND tỉnh ban hành 03 Đề án, 02 Quy hoạch, 01 Quyết định liên quan trực tiếp đến công tác đầu tư, phát triển, quản lý và bảo vệ KCHT giao thông vận tải*); thực

---

7. Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020.

hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của BTV Tỉnh ủy về phát triển đô thị (*UBND tỉnh đã ban hành 02 Kế hoạch, 07 Quyết định, 01 Chỉ thị và 01 Chương trình liên quan đến đầu tư phát triển KCHT đô thị; xác định 75 nhiệm vụ cụ thể giao các cơ quan, địa phương thực hiện; 10/10 huyện, thành phố đã ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện*); Thực hiện Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 06/5/2016 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của BTV Tỉnh ủy liên quan đến phát triển công nghiệp (*HĐND tỉnh đã ban hành 03 Nghị quyết; UBND tỉnh đã ban hành 06 Kế hoạch, 01 Quyết định liên quan đến phát triển công nghiệp, xác định 68 nhiệm vụ cụ thể để giao các cơ quan, địa phương thực hiện*). Các sở, ngành có liên quan và cấp ủy cấp huyện, UBND các huyện, thành phố đều triển khai việc xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, đơn vị<sup>8</sup>.

Nổi bật trong giai đoạn 2016-2020 là việc đẩy mạnh phát triển KCHT theo chiều sâu trên cả 03 lĩnh vực công nghiệp, đô thị, giao thông; nhất là chính sách hỗ trợ phát triển đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 13/7/2017, số 06/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh, Đề án phát triển GTNT giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, tạo được sự đồng thuận trong nhân dân, có sức lan tỏa lớn và tạo thành phong trào rộng khắp trên toàn tỉnh; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C, nhằm tăng tính chủ động, rút ngắn quy trình, thời gian ĐTXD. Các chính sách về quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đối với khu, cụm công nghiệp, đầu tư khu đô thị, khu dân cư; đề án phát triển cảng, bến thủy nội địa giai đoạn 2016-2020, hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải đưa đón công nhân giai đoạn 2017-2020<sup>9</sup>... đã được ban hành đầy đủ, kịp thời, tạo ra hành lang pháp lý quan trọng để phát triển KCHT trên địa bàn tỉnh.

### **1.3. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2021-2023**

#### ***a) Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy***

Giai đoạn 2020-2023, mặc dù mới trải qua thời gian nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, trên cơ sở kế thừa các thành quả đã đạt được, tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của giai đoạn trước, Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã kịp thời, chủ động ban hành nhiều chủ trương lớn, quan trọng, mang tính đột phá về phát triển KCHT để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới (gồm: 02 Chương trình<sup>10</sup>; 01 Nghị quyết về phát triển KCHT công nghiệp<sup>11</sup>; 01 Kết luận về phát

<sup>8</sup> **Giai đoạn 2016-2020**, thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU, Nghị quyết số 138-NQ/TU: 09/09 Huyện ủy, Thành ủy đã xây dựng Kế hoạch thực hiện (*riêng Huyện ủy Yên Thế đã chỉ đạo UBND huyện xây dựng Kế hoạch để tổ chức thực hiện*).

<sup>9</sup> Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013, số 535/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016, số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019, số 756/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 về phát triển cảng, bến thủy nội địa; số 327/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 về phát triển hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải đưa đón công nhân...

<sup>10</sup> Chương trình số 03-CTr/TU ngày 04/12/2020 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình số 15-CTr/TU ngày 31/5/2021 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

triển KCHT giao thông<sup>12</sup>; 01 Kết luận<sup>13</sup>, 03 Nghị quyết<sup>14</sup> và 01 Kế hoạch<sup>15</sup> về phát triển KCHT đô thị; ban hành một số Nghị quyết chuyên đề liên quan trực tiếp đến phát triển KCHT<sup>16</sup>; ngoài ra, đề chủ động phát triển các KCHT đối ngoại, nhằm phát huy, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong hỗ trợ liên kết vùng, BTV Tỉnh ủy đã ban hành các Kết luận, Biên bản ghi nhớ phối hợp, liên kết phát triển với BTV Tỉnh ủy của các địa phương<sup>17</sup>).

- Các văn bản lãnh đạo nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX với chủ trương, định hướng phát triển đến năm 2025: *“Phát triển toàn diện các ngành kinh tế: Công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, trong đó công nghiệp là động lực chủ yếu, nông nghiệp làm nền tảng bảo đảm, dịch vụ làm điều kiện thúc đẩy. Phát triển đồng bộ và hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội và môi trường; đồng bộ và hài hòa giữa thành thị với nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi... Tăng trưởng kinh tế nhanh, đồng thời bảo đảm điều kiện để không ngừng hỗ trợ cho bảo vệ và phục hồi môi trường sinh thái. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả đất đai, tài nguyên”*; các mục tiêu tổng quát về phát triển KCHT: *“Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của địa phương, sức mạnh tổng hợp của nhân dân, đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc; có tốc độ tăng trưởng kinh tế nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước; KCHT phát triển đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị... Phân đấu Bắc Giang nằm trong nhóm 15 tỉnh đứng đầu cả nước về quy mô GRDP; thu nhập bình quân đầu người GRDP/người/năm cao hơn bình quân cả nước. Vị thế, hình ảnh tỉnh Bắc*

**11.** Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030.

**12.** Kết luận số 55-KL/TU ngày 07/3/2021 của BTV Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển KCHT giao thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

**13.** Kết luận số 103-KL/TU ngày 09/6/2021 của BTV Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của BTV Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

**14.** Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 156-NQ/TU ngày 10/8/2021 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Bắc Giang, giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 162-NQ/TU ngày 10/9/2021 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển huyện Việt Yên trở thành thị xã vào năm 2025.

**15.** Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 07/4/2022 của BTV Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**16.** Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của BTV Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 110-NQ/TU ngày 09/6/2021 về việc phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

**17.** Kết luận số 352-KL/TUQN-TUBG-TUHD ngày 10/3/2022 về triển khai các biện pháp thúc đẩy liên kết vùng giữa 03 tỉnh Quảng Ninh - Bắc Giang - Hải Dương giai đoạn 2022 -2025; Kết luận số 211-BB/TUBG-TUBN ngày 09/02/2023 về triển khai các biện pháp phối hợp, liên kết phát triển giữa tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022 -2025 và những năm tiếp theo; Biên bản ghi nhớ số 234-BB/TUBG-TUTN ngày 29/3/2023 về việc triển khai các biện pháp phối hợp, liên kết phát triển giữa hai tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên giai đoạn 2023 -2025 và những năm tiếp theo; Biên bản ghi nhớ số 245-BB/TUBG-TULS ngày 21/4/2023 về việc triển khai các biện pháp phối hợp, liên kết phát triển giữa tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn giai đoạn 2023 -2025 và những năm tiếp theo; Kết luận số 221-KL/TUBG-TUHD ngày 25/4/2023 về việc đẩy mạnh thực hiện các nội dung phối hợp, liên kết phát triển giữa tỉnh Bắc Giang và tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023 -2025.

*Giang tiếp tục được khẳng định ở tầm cao mới*”; mục tiêu, giải pháp cụ thể: Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 470 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (đạt tiêu chuẩn QCVN 02 trở lên) đạt 82,7% (trong đó tỷ lệ dân số thành thị đạt 94,8%; tỷ lệ dân số nông thôn đạt tiêu chuẩn QCVN02 trên 80%); Tỷ lệ dân số đô thị đạt 32,4%. Phát triển nhanh công nghiệp - xây dựng với tốc độ cao, lấy công nghiệp làm trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các lĩnh vực khác. Xây dựng môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh, xây dựng các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, nhất là hạ tầng kỹ thuật, cải cách hành chính, hạ tầng kết nối... Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển đô thị; xây dựng các đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, làm trung tâm dẫn dắt sự phát triển của các tiểu vùng. Tiếp tục rà soát, thực hiện điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính một số thị trấn để phát triển đô thị. Thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Tập trung xây dựng hệ thống KCHT kinh tế và xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng các KCN, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục và y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin - công nghệ số, tạo nền tảng để phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Nổi bật giai đoạn này là Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp giai đoạn 2021-2030, tiếp tục khẳng định công nghiệp là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 23,2%/năm, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác phát triển theo hướng tích cực, đưa Bắc Giang trở thành điểm sáng về thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư. Nhằm thực hiện khát vọng phát triển, Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo với quan điểm đầy mạnh phát triển công nghiệp đến năm 2030: lấy công nghiệp là trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; đồng bộ với phát triển đô thị, dịch vụ để tạo ra “*hệ sinh thái công nghiệp*”. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp lớn có tính chất dẫn dắt, kết nối doanh nghiệp khác; chấp thuận có chọn lọc các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp theo phương châm lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Mục tiêu đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh trọng điểm về công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, là một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng.

Ngoài ra, để đảm bảo giải quyết tốt các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển công nghiệp, nhất là vấn đề giải quyết nhà ở cho công nhân, BTV Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 110-NQ/TU ngày 09/6/2021 về việc phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với quan điểm: Phát triển nhà ở xã hội cho công nhân là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cộng đồng và nhân dân; quy hoạch và xây dựng nhà ở phải bảo đảm thuận tiện cho công nhân, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phát triển lâu dài và bền vững, đáp ứng các điều kiện về dịch vụ, tiện ích xã hội cho công nhân, người lao động có cuộc sống ổn định, an toàn, môi trường bền vững, thích ứng với khả năng biến đổi khí hậu, tiết kiệm tài nguyên đất đai của tỉnh. Với mục tiêu từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của công nhân lao động, bảo đảm nhu cầu an sinh xã hội, thiết chế văn

hóa tại các khu nhà ở công nhân; phấn đấu đến năm 2025 giải quyết khoảng 80% số công nhân có nhu cầu về nhà ở tại các KCN, CCN, đến năm 2030 giải quyết khoảng 90% số công nhân có nhu cầu về nhà ở tại các KCN, CCN.

- Về phát triển đô thị trong giai đoạn này được đặc biệt quan tâm, đẩy mạnh sắp xếp đơn vị hành chính, mở rộng đô thị theo các Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 156-NQ/TU ngày 10/8/2021 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Bắc Giang, giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 162-NQ/TU ngày 10/9/2021 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển huyện Việt Yên trở thành thị xã vào năm 2025; Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 của BTV Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nhằm từng bước hoàn thiện Quy hoạch tỉnh, với mục tiêu: Sắp xếp và nâng cấp đô thị một số đơn vị hành chính cấp huyện (*gồm Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng, Việt Yên và thành phố Bắc Giang*) phù hợp với quy hoạch chung, thực tiễn phát triển của tỉnh. Xây dựng các đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hoàn thiện cơ bản các tiêu chí đô thị loại I đối với thành phố Bắc Giang đến năm 2025, được công nhận là đô thị loại I trước năm 2030, xây dựng thành phố theo hướng đô thị xanh- thông minh; tập trung xây dựng huyện Việt Yên đạt các tiêu chí của đô thị loại IV và trở thành thị xã vào năm 2025; huyện Hiệp Hòa, thị trấn Đồi Ngô và thị trấn Vôi đạt đô thị loại IV; nâng cao chất lượng tiêu chí đô thị loại IV đối với thị trấn Chũ; từng bước xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung các đô thị.

***b) Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2021-2023***

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các Nghị quyết, kết luận, kế hoạch của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy về phát triển KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị; HĐND tỉnh đã ban hành 08 Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành 28 Quyết định, Quy định, 08 Kế hoạch; các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đều ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao<sup>18</sup>.

Nổi bật giai đoạn 2021-2023 là việc hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 về chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các quy định, chính sách về phát triển KCHT, làm cơ sở triển khai các dự án công nghiệp, đô thị, giao thông như: quy định quản lý đầu tư và xây dựng, về quản lý và trình tự thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư, quy định về quản lý cây xanh đô thị; đầu tư dự án bên ngoài KCN, quy chế

---

<sup>18</sup>. **Giai đoạn 2021-2023**, thực hiện các Nghị quyết, kết luận, kế hoạch của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã ban hành về phát triển KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị: 10/10 Huyện ủy, Thành ủy đã xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện trên các lĩnh vực tại địa phương, đảm bảo toàn diện, đồng bộ.



phối hợp quản lý nhà nước tại các KCN<sup>19</sup>...; đặc biệt, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 thành lập Tổ công tác nghiên cứu danh mục, cơ chế phát triển KCHT giao thông của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, nhằm tập trung nguồn lực, lựa chọn thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án giao thông có tính đột phá, đem lại hiệu quả cao nhất.

*(Có Biểu số 01. Tổng hợp các văn bản chủ trương của Đảng về phát triển KCHT; Biểu số 02. Tổng hợp các văn bản quy định, chương trình, đề án, kế hoạch để thực hiện phát triển KCHT kèm theo).*

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách về phát triển KCHT**

Thực hiện các Chương trình, Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy về chủ trương phát triển hệ thống KCHT từ năm 2010 đến nay, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng và cơ chế chính sách cụ thể hóa của HĐND, UBND tỉnh về phát triển KCHT với nhiều hình thức phong phú, thiết thực, hiệu quả, đảm bảo sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân<sup>20</sup>. Tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò đặc biệt quan trọng của phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh; đã tạo sự đồng thuận cao, tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị và mọi người dân tham gia thực hiện xây dựng phát triển KCHT, thể hiện rõ nét nhất trong việc người dân tích cực đóng góp tiền của, công sức, hiến đất làm đường, xây dựng công trình trong phong trào xây dựng NTM...

## **3. Cách thức, phương pháp tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển KCHT**

Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể tổ chức nghiên cứu, quán triệt các chủ trương, gắn với nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đề cụ thể hóa thành các Chương trình, Kế hoạch phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đơn vị và triển khai thực hiện. Kết quả, đối với mỗi Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Kế hoạch do cấp tỉnh ban hành theo từng giai đoạn đều được các cấp ủy, BTV cấp ủy cấp huyện kịp thời cụ thể hóa, ban hành các văn bản (*Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch...*) trên các lĩnh vực để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Nhìn chung, các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của tỉnh và địa phương, đơn vị đã xác định rõ định hướng, quan điểm, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và xác định rõ lộ trình, nguồn

---

<sup>19</sup>. Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021, số 30/2021/QĐ-UBND ngày 15/7/2021, số 69/2021/QĐ-UBND ngày 08/12/2021, số 35/2021/QĐ-UBND ngày 03/8/2021, số 38/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022...

<sup>20</sup>. Tổ chức hội nghị, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên báo đài, đăng trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị; phát các tài liệu tuyên truyền...

lực, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện ở từng cấp, từng ngành, đơn vị, bảo đảm đồng bộ, có tính khả thi cao; đồng thời, thường xuyên tiến hành rà soát mục tiêu, chỉ tiêu để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, theo từng giai đoạn.

UBND tỉnh đã thành lập các Ban Chỉ đạo<sup>21</sup> để triển khai thực hiện các Chương trình, Nghị quyết quan trọng, do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban và thủ trưởng các cơ quan, địa phương là thành viên; thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để tham mưu, triển khai nhiệm vụ. Ban Chỉ đạo đã xây dựng quy chế làm việc, giao các thành viên tập trung chỉ đạo ngành, địa phương bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình, Nghị quyết để tổ chức thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; định kỳ Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm điểm tiến độ, thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu Báo cáo Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy<sup>22</sup> đề kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các vướng mắc và định hướng giải pháp cho thời gian tiếp theo.

Thường trực Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy định kỳ đã nghe, nắm tình hình tiến độ đối với các dự án lớn, trọng điểm thuộc diện theo dõi và kịp thời cho ý kiến chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nút thắt, với quan điểm “*mọi khó khăn, vướng mắc đều phải có hướng tháo gỡ và phải được tháo gỡ kịp thời*”; đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý nghiêm sai phạm trong thực hiện chủ trương, chính sách về phát triển KCHT.

Công tác xây dựng bộ máy chính quyền tại đô thị được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hàng năm, Sở Nội vụ cùng các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước về xây dựng, đô thị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác quản lý đô thị, quản lý xây dựng<sup>23</sup>. Qua phổ biến, tập huấn đã giúp cho các cán bộ nâng cao được nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý xây dựng, quản lý đô thị và trật tự xây dựng. Hiện nay, bộ máy quản lý đô thị đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố kiện toàn, bố trí nhân sự tập trung tại phòng Quản lý đô thị thành

21. Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển KCHT và đô thị giai đoạn 2011-2015; Quyết định 2038/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 156-NQ/TU ngày 10/8/2021 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Bắc Giang, giai đoạn 2021-2030; Quyết định 2137/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 162-NQ/TU ngày 10/9/2021 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển huyện Việt Yên trở thành thị xã vào năm 2025; Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2025...

22. Báo cáo số 100/BC-SXD ngày 29/5/2015 về kết quả thực hiện “Chương trình phát triển KCHT và đô thị giai đoạn 2011-2015” của Sở Xây dựng (cơ quan Thường trực BCD); Báo cáo số 49-BC/TU ngày 07/3/2021 của Tỉnh ủy sơ kết thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016; Báo cáo số 86-BC/TU ngày 14/6/2021 của Tỉnh ủy tổng kết thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 14/9/2016; Báo cáo số 61-BC/TU ngày 28/4/2021 của Tỉnh ủy tổng kết thực hiện Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 06/5/2016...

23. Theo Đề án 1961 của Chính phủ về “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý về xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức và lãnh đạo chuyên môn đô thị các cấp”; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý với cán bộ, công chức; phổ biến, tập huấn các văn bản quy định mới trong lĩnh vực xây dựng, phát triển đô thị.

phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên, huyện Yên Dũng và phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện. Bên cạnh đó, các Đội Quản lý trật tự giao thông, xây dựng và môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng, môi trường các huyện cũng được kiện toàn, từng bước được trang bị dụng cụ, trang thiết bị cần thiết để làm việc. Nhìn chung cán bộ, công chức, viên chức đều được đào tạo có trình độ phù hợp với công việc được giao, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trong công tác quản lý.

Các sở, ngành quản lý về xây dựng, đô thị đã tích cực tham mưu UBND tỉnh kịp thời ban hành các văn bản quy định về quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, các quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với khu, cụm công nghiệp đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý, công cụ phục vụ công tác quản lý; cùng với đó đã quyết liệt thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, nâng cao năng lực quản lý, giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời, tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, trật tự xây dựng nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những vi phạm, đảm bảo cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được minh bạch, bình đẳng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng ngày càng được thực hiện chặt chẽ, bài bản, có kế hoạch. Vai trò, trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, cơ quan thẩm định, phê duyệt, các nhà thầu, đơn vị sử dụng công trình ngày càng được nâng lên. Công tác đấu thầu cơ bản được thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực. Công tác quản lý đầu tư, quản lý chất lượng, tiến độ, chi phí đầu tư, kiểm soát xử lý nợ đọng XD/CB được thực hiện khá nghiêm túc từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành công trình; tình trạng thực hiện đầu tư vượt tổng mức đầu tư hầu như không còn, nợ đọng XD/CB từng bước được giải quyết; công tác quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị ngày càng được tăng cường, đảm bảo chặt chẽ và đi vào nề nếp. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với những tồn tại, bất cập, tiêu cực trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng các công trình. Nhiều công trình, dự án đã được thực hiện theo hướng cơ giới hóa, giảm tỷ lệ nhân công, áp dụng các giải pháp kỹ thuật hiện đại để rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÂY DỰNG KCHT (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY**

### **1. Kết quả công tác lập và quản lý quy hoạch**

Giai đoạn 2010 đến nay, công tác quy hoạch xây dựng đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo<sup>24</sup> để từng bước nâng cao chất lượng, xác định việc quy hoạch khai thác tối

---

<sup>24</sup>. Ngoài hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản chỉ đạo về quy hoạch xây dựng, như: Thông báo số 719-TB/TU ngày 20/12/2019 của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy; số 731-TB/TU ngày 08/01/2020 của Thường trực Tỉnh ủy; số 134-

đa tiềm năng, thế mạnh địa phương, đảm bảo phù hợp, khoa học, có tầm nhìn dài hạn là động lực cho phát triển kinh tế- xã hội; tư duy về quy hoạch đã từng bước đổi mới hoàn thiện đảm bảo quy hoạch đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và tầng xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng, chất lượng hạ tầng và kiến trúc cảnh quan (như: chiều rộng lô đất ở liền kề tối thiểu 5,5m đối với đô thị và 6m đối với nông thôn, quy định tỷ lệ đất ở không quá 27% quy mô đồ án, quy định bề rộng tối thiểu đường giao thông, vỉa hè, bãi đỗ xe, hạ tầng xã hội trong khu đô thị, khu dân cư, quy định về cây xanh trong đô thị, khoảng cách tối thiểu phía sau giữa 02 dãy nhà liền kề...). Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch được triển khai thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định; quy trình thẩm định quy hoạch được đổi mới và kiểm soát chặt chẽ; thực hiện nghiêm túc việc công khai, xin ý kiến đóng góp rộng rãi, tập trung trí tuệ của các chuyên gia, nhà quản lý, doanh nghiệp và nhân dân, do đó chất lượng các đồ án quy hoạch đã được nâng lên, có tầm nhìn dài hạn và tính khả thi cao.

Về quy hoạch tổng thể: Hoàn thành lập, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015; nhất là sau khi Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 được ban hành, tỉnh Bắc Giang đã chủ động tổ chức nghiên cứu, lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, trong đó, đã tích hợp tổng thể quy hoạch các ngành, lĩnh vực.

Về quy hoạch đô thị: Đến nay, toàn tỉnh có 20 đô thị (gồm: 01 đô thị loại II, 04 đô thị loại IV, 12 đô thị loại V và 03 thị trấn chưa có quyết định công nhận) đều được phủ kín quy hoạch chung đô thị đạt 100%; quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Bắc Giang đạt 100%, quy hoạch chi tiết xây dựng khoảng 80%; các đô thị còn lại tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết xây dựng đạt khoảng 40%. Các đồ án quy hoạch đô thị được quan tâm, bố trí đảm bảo đầy đủ công trình phúc lợi công cộng (như: Bãi đỗ xe tĩnh, công viên, khu văn hóa thể thao, vui chơi giải trí...); các đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại thành phố Bắc Giang đều dành tối thiểu 20% quỹ đất ở để xây dựng nhà ở xã hội, các thị trấn và các khu đô thị nằm gần các KCN dành tối thiểu 15% quỹ đất để xây dựng nhà ở cao tầng, tùy vào tình hình, nhu cầu thực tế để đầu tư nhà ở xã hội cho công nhân và đối tượng thu nhập thấp.

Căn cứ Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở quản lý đầu tư xây dựng, mở rộng địa giới hành chính và phát triển các đô thị động lực, trung tâm vùng theo kế hoạch, UBND tỉnh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép lập, điều chỉnh 05 đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị và đã được chấp thuận chủ trương tại Công văn số 661/TTg-CN ngày 23/7/2022 (gồm: Thành phố Bắc Giang mở rộng; đô thị Hiệp Hòa, Chũ, Việt Yên và Lạng Giang). Đến nay, đô thị Bắc Giang, đô thị Việt Yên, đô thị

Chũ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch<sup>25</sup> và Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đã được phê duyệt nhiệm vụ, đang tổ chức lập quy hoạch; ngoài ra, UBND tỉnh đã phê duyệt 05 đồ án quy hoạch chung đô thị đối với các khu vực dự kiến thành lập thị trấn theo lộ trình thành lập đô thị<sup>26</sup>.

Về quy hoạch giao thông: UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 và phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015, số 618/QĐ-UBND ngày 23/8/2019.

Về quy hoạch công nghiệp: Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; UBND tỉnh đã chủ động rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 đảm bảo nhu cầu phát triển công nghiệp từng thời kỳ; phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 tại Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của UBND tỉnh. Đến nay, Quy hoạch phát triển công nghiệp được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo đó, đã rà soát đưa vào Quy hoạch tỉnh thêm 20 KCN, 24 cụm công nghiệp mới; đến năm 2030, quy hoạch 29 KCN với diện tích khoảng 7.000 ha (trong đó có 12 KCN- đô thị- dịch vụ), quy hoạch 63 CCN với diện tích khoảng 3.006ha.

Các đồ án quy hoạch sau khi được phê duyệt, đều được tổ chức công bố, công khai và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiếp cận và khai thác sử dụng, việc tổ chức cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa đã được quan tâm thực hiện. Đối với Quy hoạch tỉnh được UBND tỉnh<sup>27</sup> và các sở, ngành, địa phương đều ban hành Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện; các địa phương đã quan tâm, xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị, khu dân cư, làm cơ sở để thu hút đầu tư và quản lý xây dựng, góp phần đảm bảo kiến trúc, cảnh quan và môi trường đô thị, tạo động lực trong phát triển kinh tế- xã hội địa phương.

---

25. Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000; Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000; Quyết định số 82/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 10.000.

26. Các đồ án quy hoạch chung đô thị: đô thị Cẩm Lý, huyện Lục Nam đến năm 2040 (Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 14/12/2022); đô thị Lan Mẫu, huyện Lục Nam đến năm 2040 (Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 14/12/2022); đô thị Việt lập, huyện Tân Yên đến năm 2035 (Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 05/9/2022); đô thị Ngọc Thiện (Bi), huyện Tân Yên đến năm 2040 (Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 30/6/2023); đô thị Biền Động, huyện Lục Ngạn đến năm 2035 (Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 16/5/2023).

27. Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quy hoạch tỉnh.

## 2. Kết quả phát triển KCHT công nghiệp

### 2.1. Phát triển KCHT các KCN

- Phát triển KCHT các KCN: Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã thành lập được 09 KCN, với tổng diện tích khoảng 2.238,6 ha; trong đó có 06 KCN đã đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy các KCN đạt khoảng 74,27%; các KCN đã được đầu tư đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông đảm bảo kết nối, lưu thông trong khu; đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước và Nhà máy nước sạch với tổng công suất khoảng 56.000m<sup>3</sup>/ng.đ<sup>28</sup>; đầu tư hệ thống Trạm xử lý nước thải đầu ra đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, tổng công suất xử lý đạt khoảng 48.200m<sup>3</sup>/ng.đ<sup>29</sup>.

- Phát triển KCHT phục vụ các KCN (điện nước, giao thông, thương mại dịch vụ, đô thị...): Hệ thống các tuyến đường giao thông được đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo việc kết nối giao thông đối ngoại của các KCN; hệ thống đường ống cấp nước được xây dựng chờ tới từng KCN để đảm bảo cung cấp nước; các khu dịch vụ phục vụ công nhân KCN dần được hình thành, có 12 dự án khu nhà ở xã hội dành cho công nhân đang được đầu tư, xây dựng phục vụ nhu cầu về nhà ở của công nhân trong KCN<sup>30</sup>.

### 2.2. Phát triển KCHT các cụm công nghiệp

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã thành lập được 55 CCN, với tổng diện tích 2.329ha, trong đó có 35 CCN được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy đạt 40,6%; có 22 CCN đã được đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và 04 CCN đang xây dựng trạm xử lý nước thải. Đối với các CCN thành lập trước đây hạ tầng giao thông chủ yếu bám các trục Quốc lộ và đường tỉnh do đó đường giao thông không phải đầu tư nhiều; về cấp điện cơ bản là do ngành điện đầu tư hoặc doanh nghiệp trực tiếp đầu tư xây dựng đường dây và TBA cấp điện cho dự án; về cấp nước được dùng chung hệ thống cấp nước sạch của khu dân cư. Đối với các CCN được thành lập từ năm 2017 trở lại đây, hoàn toàn là do doanh nghiệp làm chủ đầu tư, do đó hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ đường giao thông nội bộ, cấp điện, cấp, thoát nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc, trạm xử lý nước thải tập trung...; đảm bảo xây dựng CCN khang trang, sạch đẹp, bảo vệ môi trường.

---

28. KCN Quang Châu công suất thiết kế 40.000m<sup>3</sup>/ng.đ; KCN Hòa Phú công suất thiết kế 4.000m<sup>3</sup>/ng.đ; KCN Vân Trung công suất thiết kế 12.000m<sup>3</sup>/ng.đ.

29. KCN Đình Trám công suất thiết kế là 4.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, đã hoàn thành giai đoạn I với công suất 2.000m<sup>3</sup>/ng.đ; KCN Quang Châu công suất 19.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; KCN Song Khê - Nội Hoàng (Khu phía Bắc) công suất thiết kế là 6.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, đã hoàn thành giai đoạn I với công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; KCN Song Khê - Nội Hoàng (Khu phía Nam) công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ng.đ; KCN Vân Trung (phần giao cho Công ty TNHH Fugiang công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; phần giao cho Công ty cổ phần S&G công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ng.đ); KCN Hòa Phú công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; KCN Việt Hàn (đang xây dựng, công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ng.đ).

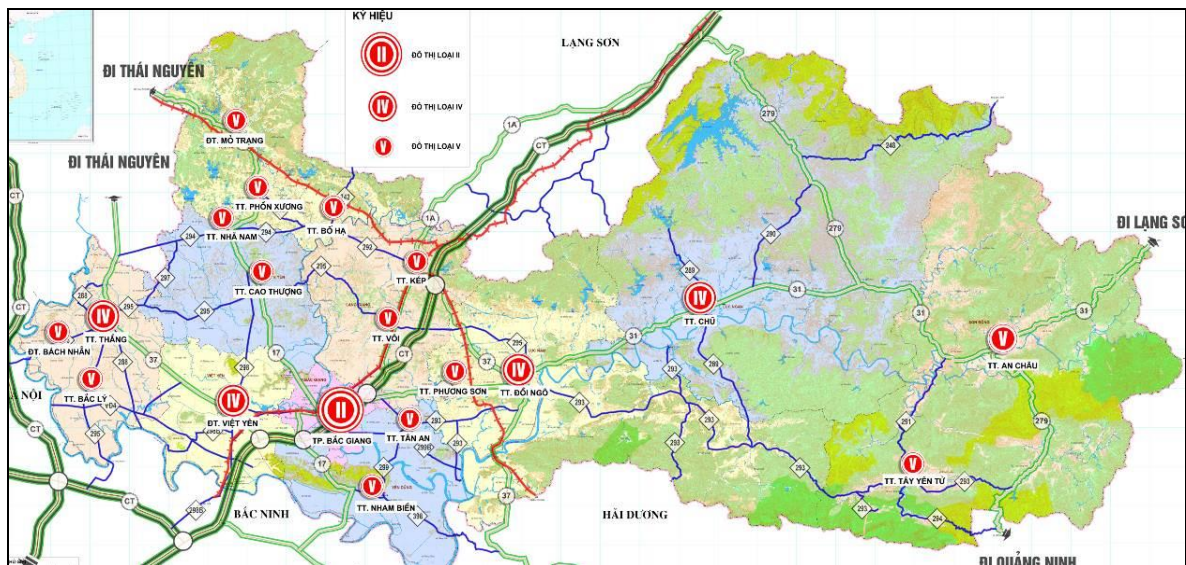
30. 01 dự án hoàn thành xây dựng (Dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng); 04 dự án đang ĐTXD (Dự án Nhà ở xã hội Vân Trung; Dự án Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu đô thị mới thị trấn Nênh; Dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu, huyện Việt Yên; Khu nhà ở xã hội thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng); 07 dự án đã lựa chọn nhà đầu tư, đang triển khai bước chuẩn bị đầu tư; ngoài ra, UBND tỉnh đã giới thiệu 02 địa điểm trên địa bàn huyện Việt Yên để Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam thực hiện ĐTXD thiết chế công đoàn cho công nhân KCN.

### 3. Kết quả phát triển KCHT đô thị

#### 3.1. Hình thành mạng lưới đô thị hợp lý

Từ năm 2010 đến nay, các cấp, các ngành tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa, nâng cao chất lượng đô thị, gắn với thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, kinh tế đô thị. Phát triển hệ thống đô thị hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, có chất lượng môi trường sống tốt, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và theo hướng đô thị thông minh.

Đến nay, toàn tỉnh hiện có 20 đô thị, gồm 17 đô thị có quyết định công nhận loại đô thị theo quy định, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Bắc Giang), 04 đô thị loại IV (thị xã Việt Yên, thị trấn Chũ, Đồi Ngô, Thăng), 12 đô thị loại V (Bách Nhân, Bắc Lý, Vôi, Kép, Cao Thượng, Nhã Nam, Phồn Xương, Mỏ Trạng, Bó Hạ, Phương Sơn, Tây Yên Tử, Biển Động) và 03 đô thị là thị trấn (An Châu, Tân An, Nham Biền) nhưng chưa có quyết định công nhận loại đô thị. Tổng diện tích đất đô thị 50.423 ha. Dân số khu vực đô thị tăng từ 145.000 người (năm 2010) lên 455.300 người, tỷ lệ dân số đô thị tăng từ 9,36% (năm 2010) lên 23,7% đến hết năm 2023<sup>31</sup>.



Hình 1. Hiện trạng hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang năm 2023

#### 3.2. Quản lý phát triển đô thị theo Chương trình, Kế hoạch

Về rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị: Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017. Để triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh và làm cơ sở phát triển đô thị theo Nghị quyết Đại hội XIX, Nghị quyết số 233-NQ/TU và quy định pháp luật, hiện nay UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 tại Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 19/9/2023, làm cơ sở để quản lý theo các

<sup>31</sup>. Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2024 (Số liệu cập nhật đến ngày 31/12/2023).



mục tiêu phát triển đô thị của giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030 nhằm đạt yêu cầu của quy hoạch, kế hoạch đề ra đến năm 2030.

Để thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị theo quy hoạch chung đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị, hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 11 Chương trình phát triển đô thị được lập, phê duyệt và triển khai thực hiện (Việt Yên, Chũ, Đồi Ngô, Phương Sơn, Kép, Vôi, Bồ Hạ, Cầu Gò, Nhã Nam, Cao Thượng, Hiệp Hòa). Trong năm 2023, UBND tỉnh đã tiếp tục phê duyệt đề cương lập mới Chương trình phát triển đô thị Bắc Giang, đô thị Chũ và đô thị Vôi để làm cơ sở phân loại đô thị theo kế hoạch đề ra đến năm 2025.

Về phân loại đô thị: Thực hiện Nghị quyết số 233-NQ/TU, hiện nay UBND thành phố Bắc Giang đang triển khai lập đề án phân loại đô thị loại II (phạm vi ranh giới bao gồm thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng), huyện Lục Ngạn triển khai lập đề án phân loại đô thị loại IV đối với khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ (phạm vi ranh giới gồm 09 xã và thị trấn Chũ hiện hữu).

### 3.3. Kết quả đầu tư phát triển KCHT đô thị

Từ năm 2010 đến nay, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư, phát triển đô thị và dịch vụ đô thị. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 147 dự án khu đô thị, khu dân cư mới đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư (hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư) và lựa chọn được chủ đầu tư<sup>32</sup>; thu hút 14 dự án phát triển nhà ở xã hội; 06 dự án nhà ở, nhà ở kết hợp với công trình thương mại dịch vụ. Một số khu đô thị mới, nhà ở trên địa bàn tỉnh được hình thành đã góp phần làm thay đổi diện mạo kiến trúc, cảnh quan đô thị<sup>33</sup>.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng khung kết nối đô thị: (1). Hạ tầng thoát nước, đã triển khai xây mới và cải tạo, nâng cấp 14 trạm bơm tiêu<sup>34</sup>; (2). Hạ tầng giao thông kết nối các đô thị, triển khai thực hiện 07 dự án<sup>35</sup>; (3). Hạ tầng cấp nước, đã

32. Trong đó: 24 dự án đã hoàn thành; 05 dự án cơ bản hoàn thành; 24 dự án đang thi công xây dựng; 47 dự án đang thực hiện GPMB; 47 dự án đang lên phương án BTGPMB và hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi để trình thẩm định theo quy định. Tổng diện tích 147 dự án khoảng 2.200 ha, tổng mức đầu tư khoảng 33.000 tỷ đồng.

33. Khu số 1, 2, 3, 6, 7 thuộc khu đô thị phía Nam; chung cư Diamond Hill tại lô C01, X03 thuộc khu dân cư số 2; Nhà ở thương mại số 1 thuộc phố đi bộ thuộc Khu đô thị phía Nam; Nhà ở thương mại cạnh công viên Ngô Gia Tự, thành phố Bắc Giang; KĐT phía Tây, phía Đông, TT Vôi, huyện Lạng Giang; Khu dân cư mới phía Đông Bắc, TT Bích Động, huyện Việt Yên; KĐT phía Nam, TT Thắng, huyện Hiệp Hòa; KĐT phía Đông thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam...; Khu nhà ở xã hội thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.

34. Xây mới trạm bơm cống Rụt, xã Song Mai, TP Bắc Giang (tiêu 383ha); nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa (gồm 02 trạm bơm: Văn Sơn tiêu 1.960ha, Châu Xuyên 2 tiêu 700ha) thuộc Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông MêKông (GMS) lần 2, vay vốn ADB; cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trục Tay phục vụ tiêu thoát nước KCN (tiêu 2700ha); Trạm bơm Xuân Hương 1, Ngõ Không 1 thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc; trạm bơm Hữu Nghi; trạm bơm Thanh Cầm (tiêu 267ha, tuổi 75ha), trạm bơm Tân Tiến (tiêu 267ha) thuộc thành phố Bắc Giang; trạm bơm Trúc Núi (tiêu 710ha, tuổi 1.425ha); trạm bơm Khám Lạng (1.075ha). Đang triển khai thi công các trạm bơm: Trạm bơm Ngòi Mân (tiêu 900ha), trạm bơm Cống Chấn (tiêu khoảng 10.500ha) huyện Lục Nam; trạm bơm Giá Sơn.

35. Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL.37 đến cầu Hòa Sơn); dự án xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An QL31-QL1 và tuyến nhánh nối hồ Suối Nứa - hồ Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn, Lục Nam; dự án xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2, nối tuyến nhánh 02 đường Vành đai IV với KCN Yên Phong và QL18, tỉnh Bắc Ninh; dự án Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang; dự án Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu,



đầu tư Nhà máy nước sạch DNP - Bắc Giang tại huyện Lạng Giang một trong những dự án trọng điểm của tỉnh có tổng công suất thiết kế mở rộng lên tới 80.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nâng cấp Nhà máy nước sạch Bắc Giang lên 35.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và thu hút đầu tư một số Nhà máy nước sạch tại Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa... cơ bản đáp ứng nhu cầu nước sạch trên địa bàn theo kế hoạch.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong đô thị: (1). Một số dự án cầu và đường đô thị, đường tránh đô thị<sup>36</sup>; (2). Triển khai một số dự án hạ tầng thoát nước: Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực nội thành thành phố Bắc Giang để đảm bảo tiêu thoát nước hạn chế ngập úng cục bộ, thực hiện các công trình đầu tư lát vỉa hè, hạ ngầm hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thoát nước một số tuyến đường tại các đô thị. (3). Đầu tư nâng cấp hạ tầng y tế: Khối nhà trung tâm 15 tầng Bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện Ung bướu, cải tạo Bệnh viện Y học cổ truyền, tại thành phố Bắc Giang; xây dựng, nâng cấp các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện; thu hút đầu tư một số bệnh viện tư nhân như: Bệnh viện đa khoa quốc tế Hà Nội- Bắc Giang, Bệnh viện mắt quốc tế, tại thành phố Bắc Giang, Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên tại thị xã Việt Yên... (4). Đầu tư hạ tầng giáo dục: Tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, tỷ lệ phòng học kiên cố cả 3 bậc học đạt 100%; chủ động ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học; đã thu hút đầu tư xây dựng một số dự án trường học ngoài công lập như: Trường phổ thông FPT, Trường mầm non Quốc tế ASEAN... tại thành phố Bắc Giang và các đô thị trong tỉnh.

#### **4. Kết quả phát triển KCHT giao thông**

##### **4.1. KCHT đường bộ**

Đến năm 2023, tổng chiều dài đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là 14.584,4 km (Cao tốc dài 39,45 km; Quốc lộ dài 290,6 km; đường tỉnh với tổng chiều dài khoảng 463,55 km; đường huyện dài 797,80 km, đường xã dài 1.674,0 km, đường thôn xóm dài 10.434,0 km và đường đô thị dài khoảng 885km), cụ thể như sau:

---

huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; dự án Đường nối QL37-QL17-Võ Nhai (Thái Nguyên); dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bó Hạ đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế.

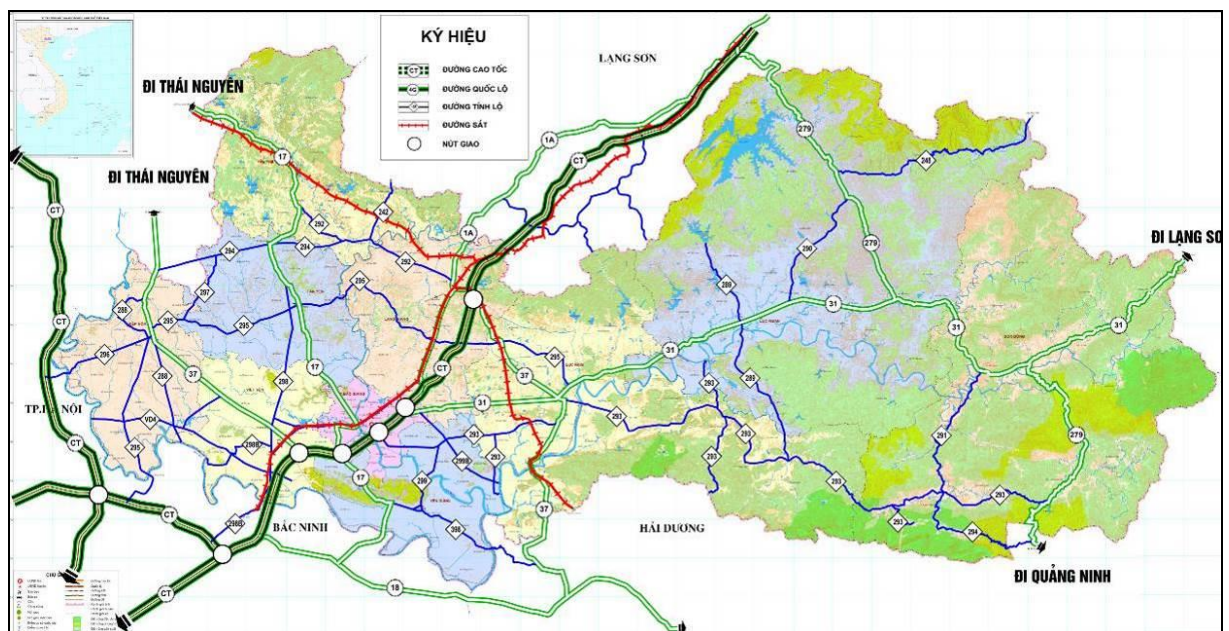
**36.** Hoàn thành cầu vượt đường Xương Giang - nối đường Minh Khai với đường Trần Quang Khải; cầu vượt đường Trần Quang Khải bắc qua sông Thương; cải tạo, mở rộng cầu vượt đường Hùng Vương; cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ; xây dựng cầu Á Lữ; cầu vượt đường vành đai Đông Bắc, qua đường Xương Giang thành phố Bắc Giang; mở rộng đường dẫn lên cầu Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang (đoạn từ cầu Đồng Sơn đi QL17); cải tạo, mở rộng nút giao giữa ĐT293 với đường dẫn lên cầu Đồng Sơn; đường trục chính Khu đô thị Tây Nam (đoạn từ đường Thân Nhân Trung đến QL1A)...

Triển khai một số tuyến đường đô thị như: Tuyến đường từ ĐT298 đi KCN Thượng Lan; tuyến QL17 - KCN Việt Hàn - KCN Đình Trám với QL37; đường ĐH5B nối Việt Yên - Yên Dũng, đường VĐ TT Bích Động với TP Bắc Giang; dự án đường nối đường QL37 với đường ĐT295 (vành đai 1 thị trấn Thắng); đường trục chính đô thị Bắc Nam (đoạn từ thị trấn Thắng đến đường VĐ4). Triển khai các tuyến đường tránh đô thị như: Tuyến QL31 - QL37 (Cầu Mẫu Sơn - Trung đoàn 111); tuyến QL37 - QL 31 (Cầu Sen - Cầu Mẫu Sơn); dự án đường kết nối ĐT 293 và QL 31 (Yên Sơn - Phương Sơn)...

**Bảng II.1. Tổng hợp, so sánh kết quả phát triển KCHT đường bộ tỉnh Bắc Giang đến năm 2023**

Loại đường	Năm 2010		Năm 2015		Năm 2020		Năm 2023	
	Chiều dài (km)	Tỷ lệ cứng hóa	Chiều dài (km)	Tỷ lệ cứng hóa	Chiều dài (km)	Tỷ lệ cứng hóa	Chiều dài (km)	Tỷ lệ cứng hóa
Cao tốc					39,45		39,45	
Quốc lộ	251,80	100%	308,9	100%	290,60	100%	290,60	100%
Đường tỉnh	411,80	90,87%	367,7		404,99	100%	463,55	100%
Đường huyện	694,50	58,87%	743,85	85,0%	758,46	94,1%	797,76	97,24%
Đường xã	2.055,60	29,1%	1.842,48	58,5%	1.846,30	98,14%	1.674,00	98,31%
Đường thôn xóm	6.171,35	38,54%	7.431,86	47,6%	8.051,31	92,33%	10.434,0	88,23%
Đường đô thị	281,70	94,82%	308,18		442,00	95,56%	885,00	100%
<b>Cộng</b>	<b>9.866,75</b>		<b>11.002,97</b>		<b>11.833,11</b>		<b>14.584,36</b>	

*Nguồn: Sở GTVT; các huyện, thị xã, thành phố*



*Hình 22: Sơ đồ mạng lưới giao thông đường bộ tỉnh Bắc Giang*

**a) Đường cao tốc, đường vành đai:**

- Đường cao tốc: Đã hoàn thành nâng cấp, mở rộng QL1 thành cao tốc Hà Nội - Bắc Giang dài 18,3km và Bắc Giang - Lạng Sơn dài 21,4km trên địa bàn tỉnh, theo quy mô 04 làn xe. Hệ thống đường gom cao tốc được đầu tư đồng bộ theo quy mô cấp III. Đã hoàn thành xây dựng nút giao khác mức trực thông giữa đường Vành đai IV địa phận tỉnh Bắc Giang (nay là ĐT.398) với cao tốc Hà Nội - Bắc Giang; hoàn thành mở rộng nút giao liên thông giữa cầu vượt Hùng Vương với cao tốc Hà Nội - Bắc Giang; hoàn thành mở rộng đường gom trái tuyến từ QL.17-QL.37 và nút giao liên thông giữa QL.17, QL.37 với cao tốc Hà Nội - Bắc Giang; hoàn thành mở rộng cầu Như Nguyệt; thi công xây dựng nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn. Xây dựng cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang tại xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên và chuẩn bị đầu tư cầu vượt dân sinh tại xã Vân Trung, huyện Việt Yên; thành phố Bắc Giang đang thực hiện đầu tư đường dẫn và cầu vượt cao tốc tại xã Đông Sơn theo quy hoạch phục vụ kết nối khu đô thị và KCN (xây dựng cầu vượt từ Khu đô thị Tây Nam sang Khu trung tâm Logistics quốc tế thành phố Bắc Giang)...

- Đường vành đai: Hoàn thành đường vành đai IV trên địa bàn tỉnh; Đường vành đai V vùng Thủ đô đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Giang đã được nghiên cứu, xác định hướng tuyến để xây dựng và phục vụ các quy hoạch có liên quan dọc hai bên, hiện đang chờ Bộ Giao thông vận tải đầu tư đồng bộ.

**b) Đường quốc lộ:**

Chủ yếu thực hiện công tác quản lý, bảo trì sửa chữa thường xuyên đối với đường quốc lộ (QL.31, QL.37, QL.279), trong giai đoạn đã triển khai thực hiện:

- Quốc lộ 1: Đã hoàn thành nâng cấp cải tạo QL1 trên địa bàn tỉnh, trong đó có đường cao tốc (nêu trên) và QL1 đoạn Cầu Lường - Tân Dĩnh đã được cải tạo nâng cấp đạt quy mô cấp III.

- Quốc lộ 31 (đoạn thành phố Bắc Giang đi Chũ) được Bộ Giao thông vận tải đầu tư với quy mô cấp III, đã hoàn thành trong năm 2023; đoạn nội thị qua thị trấn An Châu đang được đầu tư triển khai thi công; đoạn còn lại từ Km45+00-Km99+00 chưa có kế hoạch đầu tư, dự kiến dùng nguồn vốn bảo trì năm 2024 để thảm bê tông nhựa trên mặt đường cũ, bổ sung rãnh dọc đoạn từ thị trấn Chũ đi An Châu để đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân.

- Quốc lộ 37 đã hoàn thành cải tạo, nâng cấp đoạn Km83+00-Km88+100 và đoạn Km89+800-Km91+100 với quy mô cấp III và đường đô thị bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh; Bộ Giao thông vận tải đang nghiên cứu lập chủ trương đầu tư giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn vốn trung ương hoặc vốn ODA.

- Quốc lộ 17: Đã hoàn thành xây dựng đoạn nối ĐT398-QL18 (trong đó có cầu Yên Dũng) đảm bảo theo quy hoạch; từng bước xây dựng tuyến tránh TP. Bắc Giang quy mô 04 làn xe (dự án đường nối từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Võ Nguyên Giáp và xây dựng cầu vượt ĐT.295B cơ bản đáp ứng quy hoạch; đã hoàn thành cải tạo, nâng cấp đoạn Km72+500-Km88+00 và đoạn thị trấn Nhã Nam - Phồn Xương với quy mô cấp III bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh và vốn bảo trì

ngân sách trung ương; đoạn công Kem - Tiên Phong (Km54+00-Km60+00) đang được UBND huyện Yên Dũng đầu tư bằng vốn ngân sách huyện với quy mô đường cấp II. Như vậy, đến hết năm 2023, QL.17 đoạn từ đầu tuyến (cầu Yên Dũng) đến hết thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế đáp ứng quy mô cấp III và đô thị, tạo điều kiện thuận lợi về phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu đi lại của Nhân dân; đoạn còn lại từ thị trấn Phồn Xương đến giáp ranh tỉnh Thái Nguyên đã đề nghị Bộ Giao thông vận tải đầu tư mở rộng.

**c) Đường tỉnh:**

- Giai đoạn 2010-2020, đã thực hiện hoàn thành cải tạo, nâng cấp cơ bản các tuyến đường tỉnh như: ĐT.398, ĐT.299B, ĐT.297, ĐT.298, ĐT.296, ĐT.299, ĐT.297, ĐT.295, ĐT.295B (đoạn TP Bắc Giang- Cầu Đáp Cầu); ĐT.398 (đoạn Đồng Việt - QL1), ĐT.292 đoạn Cầu Gò - Mỏ Trạng - Tam Kha, nay là QL.17). Xây dựng một số cầu như: Cầu Yên Dũng, cầu Lãn Chè, cầu Đông Xuyên, cầu Đáp Cầu, cầu Xuân Cẩm kết nối với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hà Nội. Ngoài ra một số công trình cầu đã được xây dựng mới trên các tuyến đường tỉnh. Các tuyến đường tỉnh đã được đầu tư cải tạo nâng cấp, mở mới đáp ứng được quy mô theo quy hoạch, mặt đường đã được nhựa hóa, bê tông hóa 100%, nhiều tuyến đường đầu tư có chiều rộng mặt đường rộng trên 8,0m theo Nghị quyết số 113-NQ/TU của Tỉnh ủy (ĐT.290, ĐT.293, đường Vành đai IV Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Giang, tuyến kết nối ĐT.293 đi cảng Mỹ An...).

- Giai đoạn từ năm 2021 đến nay, tiếp tục triển khai đầu tư, thi công và hoàn thành thêm 08 tuyến đường tỉnh được nâng cấp tối thiểu đạt cấp III<sup>37</sup>.

- Mở mới 11 tuyến đường tỉnh theo quy hoạch GTVT đã được phê duyệt, đảm bảo tối thiểu đạt cấp III<sup>38</sup>: Một số công trình cầu quan trọng:

---

37. ĐT.293 (hoàn thành toàn bộ ĐT.293 với kết cấu mặt đường BTXM; hoàn thành thảm bê tông nhựa đoạn từ thành phố Bắc Giang đến nút giao QL.37 tại xã Khám Lạng, huyện Lục Nam và tuyến nhánh 1 vào chùa Vĩnh Nghiêm); ĐT.289 (hoàn thành nâng cấp quy mô đường cấp III đoạn Đồng Đình- Chũ- hồ Khuôn Thân; riêng đoạn cuối từ Km5+500-Km10+00 thực hiện bảo trì, thảm bê tông nhựa mặt đường cũ); ĐT.294 đoạn Tân Sỏi - Cầu Ka (được đầu tư cải tạo, nâng cấp với quy mô cấp III); ĐT.292 đoạn thị trấn Kép - thị trấn Phồn Xương (được đầu tư cải tạo, nâng cấp với quy mô cấp III); ĐT.299 đoạn thị trấn Nham Biền-Đồng Việt (ĐT.398 cũ) (được đầu tư cải tạo, nâng cấp với quy mô cấp III); ĐT.298 đoạn Đình Nèo-Phúc Lâm (được đầu tư cải tạo, nâng cấp với quy mô cấp III); ĐT.291 đoạn nút giao với QL.31- thị trấn Tây Yên Tử (được đầu tư cải tạo, nâng cấp với quy mô cấp IV); Đoạn tuyến ĐT.291 kết nối với QL.279 đi thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (đoạn từ Km27+600 đến giáp ranh với tỉnh Quảng Ninh) chuẩn bị khởi công; ĐT.295B (đoạn từ nhà máy gạch Tân Xuyên đến đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang) đầu tư cải tạo, nâng cấp với quy mô cấp III; Tuyến Đình Trám-Đồng Sơn-QL.31 (Đoạn Đình Trám-QL.17 đã được UBND huyện Yên Dũng và Việt Yên đầu tư hoàn thành bằng vốn ngân sách huyện; đoạn QL.17-ĐT.293 được đầu tư mở rộng theo quy hoạch đô thị, trong đó có đầu tư mở rộng cầu Đồng Sơn, xây dựng thêm 01 cầu).

38. Dự án Đường nối QL.37-QL.17-ĐT.292 đoạn Việt Yên-Tân Yên-Lạng Giang (ĐT.398B) được đầu tư hoàn thành với quy mô đường cấp III; Dự án Đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên - đoạn từ QL.37 đến cầu Hòa Sơn (ĐT.296C) đang thi công với quy mô đường cấp III; Dự án Đường nối QL.37-QL.17-Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang (ĐT.294B) đang thi công với quy mô đường cấp III; Dự án Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (ĐT.299D) đang thi công với quy mô đường cấp II; Dự án đường dẫn và cầu Hà Bắc 2 kết nối với Bắc Ninh (ĐT.398B) đang thi công với quy mô đường cấp III; Dự án Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An-QL.31-QL.1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa-Khuôn Thân (ĐT.293C) đang thi công đoạn cảng Mỹ An-QL.31-QL.1 với quy mô đường cấp III; Dự án Đường nối ĐT.295-ĐT.290 (ĐT.290B) đầu tư với quy mô đường cấp III; Dự án Đường kết nối từ ĐT.295 đến nút giao QL.37, huyện Lạng Giang (ĐT.298B) đầu tư với quy mô đường cấp III; Dự án ĐT.398: ĐT.398 đoạn Cảnh Thụy-Nham Sơn-KCN Vân Trung, cầu vượt ĐT.295B đầu tư với quy mô

- Xây dựng, mở rộng một số cầu như: Mở rộng cầu Như Nguyệt, xây dựng cầu Đồng Việt, mở rộng cầu Đồng Sơn, cầu Chũ mới, cầu Hà Bắc II, cầu Hòa Sơn, cầu Á Lữ, cầu vượt sông Thương (Bến Hường), cầu Lục Nam mới (tại cảng Mỹ An), cầu vượt từ Khu đô thị Tây Nam sang khu trung tâm Logistics quốc tế thành phố Bắc Giang...

**d) Đối với đường huyện:**

Các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung nguồn lực cải tạo các tuyến hiện trạng và tuyến đường mở mới kết nối khu vực theo quy hoạch và kế hoạch đã ban hành được thể hiện bằng số lượng, quy mô (mặt đường huyện đầu tư đảm bảo rộng ít nhất từ 6m trở lên), tổng mức đầu tư công trình và suất đầu tư tăng so với giai đoạn trước. Một số công trình lớn của huyện như đường nối QL17-QL37 thuộc huyện Yên Dũng và Việt Yên; đường nối đường vành đai huyện Việt Yên với đường Võ Nguyên Giáp thành phố Bắc Giang; đường trục Bắc Nam và đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV (Hà Nội), huyện Hiệp Hòa, các trục đường theo quy hoạch của huyện Yên Dũng; đường kết nối từ ĐT.292 qua KCN An Hà, huyện Lạng Giang đến đường Vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt dự án với quy mô đường cấp III, cùng với các trục đường mở mới của huyện Lạng Giang...

**e) Giao thông nông thôn:**

Kết quả trong giai đoạn 2010-2023, toàn tỉnh đã thực hiện mở mới được hơn 1.813,59km (1.178,83km đường BTXM; 145,09km đường bê tông nhựa; 489,67km đường đất); thực hiện cải tạo, nâng cấp được hơn 328km đường huyện, 674km đường xã và 4.900km đường thôn, ngõ xóm (riêng trong giai đoạn 2017-2019 cứng hóa trên 4.200km), nâng tỷ lệ cứng hóa đường huyện lên 97,24%, đường xã lên 98,31%; đường thôn xóm lên 92,76%. Toàn tỉnh, thực hiện bảo trì hơn 450km đường huyện, 600km đường xã và 1.400km đường thôn, ngõ xóm, nội đồng. Tổng số km đường huyện tăng 103,3km, đường thôn xóm tăng 2.067,41km, đường đô thị tăng 587,49km, trong khi đó đường xã giảm 330,85km so với năm 2010 do một số tuyến đường xã được chuyển thành đường huyện, đường đô thị và đường trục thôn, xóm. Vốn đầu tư cho đường GTNT trong giai đoạn 2010-2023 là hơn 10.800 tỷ đồng (riêng giai đoạn 2017-2019 là gần 4.000 tỷ đồng).

**f) Bến, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ:**

- Bến xe khách: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 11 bến xe (tăng 04 bến so với năm 2010) trong đó có 02 bến loại 3 (bến xe Bắc Giang, bến xe phía Nam huyện Hiệp Hòa); 05 bến loại 4 (bến xe Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Cầu Gồ, Nhã Nam); 02 bến loại 5 (bến xe Cao Thượng, Tân Sơn); 02 bến loại 6 (bến xe Bó Hạ, Xuân Lương). Về cơ bản các bến xe khách đã được đầu tư xây dựng

---

đường cấp III; đoạn từ cao tốc Hà Nội - Bắc Giang đến cầu Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa giáp ranh thành phố Hà Nội (đường Vành đai IV địa phận tỉnh Bắc Giang) đã đưa vào sử dụng; Dự án từ thị trấn Bó Hạ kết nối huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (ĐT.292C) đầu tư với quy mô đường cấp III.

đảm bảo quy chuẩn của bến xe khách, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của Nhân dân và hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên các tuyến vận tải.

- Trạm dừng nghỉ: Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 Trạm dừng nghỉ Song Khê trên tuyến cao tốc Hà Nội-Bắc Giang đang hoạt động nhưng quy mô còn hạn chế.

- Bãi đỗ xe: Hiện nay toàn tỉnh có 25 bãi đỗ xe trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và trong các khu, cụm công nghiệp của tỉnh với tổng diện tích khoảng 80.000m<sup>2</sup> đang hoạt động; ngoài ra, còn có bãi đỗ xe trong các trung tâm thương mại, bệnh viện. Các huyện, thị xã, thành phố đã rà soát, điều chỉnh bổ sung trong các quy hoạch của địa phương trên cơ sở nhu cầu phát triển với 43 bãi đỗ xe, tổng diện tích trên 53,15ha. Hiện đang tập trung thu hút đầu tư phục vụ nhu cầu vận chuyển hành khách và hoạt động vận tải đưa đón công nhân trên địa bàn tỉnh theo Đề án “*Phát triển vận tải hành khách đưa đón công nhân giai đoạn 2021- 2025*” trên địa bàn tỉnh. Trong đó đã thi công nhiều điểm dừng xe đưa đón công nhân trên các tuyến đường quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân và đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

#### **4.2. KCHT giao thông đường thủy và cảng thủy nội địa:**

Từ năm 2010 đến nay, ngoài các cảng hiện có và 04 cảng trên sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận bổ sung vào quy hoạch cảng đường thủy nội địa phía Bắc, tỉnh Bắc Giang đã quy hoạch bổ sung nâng tổng số cảng đường thủy nội địa lên 26 cảng phục vụ kêu gọi đầu tư. Một số cảng đang thực hiện chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư xây dựng gồm: Mỹ An, Thạch Bàn, nhiệt điện An Khánh, Đồng Sơn, Trí Yên, Hòa Phú, cảng xăng dầu Quang Châu, Xuân Hương, cảng cạn ICD Hương Sơn... nhưng tiến độ thực hiện đầu tư còn chậm. Cục đường thủy nội địa Việt Nam đã thực hiện nạo vét một số đoạn trên tuyến đường thủy quốc gia, bổ sung đầy đủ phao tiêu, biển báo đảm bảo an toàn giao thông, lưu thông thuận tiện trên các đoạn tuyến đường thủy nội địa quốc gia qua địa bàn tỉnh; một số cảng, bến hàng hóa đã tiến hành nạo vét vùng nước trước cảng, bến đảm bảo phương tiện ra, vào thuận tiện, an toàn (cảng Mỹ An).

#### **4.3. KCHT giao thông đường sắt:**

Việc thực hiện giải tỏa hành lang an toàn đường sắt, xây dựng hệ thống đường gom dân sinh, xóa bỏ lối đi tự mở, đầu tư nâng cấp đường dân sinh tại các vị trí giao cắt đường sắt... được các địa phương quan tâm thực hiện, điển hình như huyện Lạng Giang xây dựng, cải tạo gần 2,9km đường gom dân sinh tại địa bàn xã thị trấn Kép; thành phố Bắc Giang làm hộ lan, rào chắn trong hành lang đường sắt khu vực phường Xương Giang... tiếp tục phối hợp với ngành đường sắt thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh về đảm bảo trật tự ATGT tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt, đã kiểm soát đóng một số lối đi tự mở, xây gờ giảm tốc. Một số địa phương đã chủ động nghiên cứu phương án cầu vượt đường sắt, thiết kế xây dựng đường giao với đường sắt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật để đảm bảo an toàn giao thông... Ngày 19/01/2023, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-BGTVT cho phép ga Kép được khai thác hoạt động liên vận quốc tế, tạo thuận

lợi cho việc hình thành một đầu mối trung chuyển hàng hóa cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh trong khu vực, giúp giảm chi phí logistics. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành liên quan chủ động phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để khai thác có hiệu quả hoạt động liên vận quốc tế tại ga Kép.

## **5. Kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông**

### **5.1. Vốn đầu tư KCHT KCN:**

Từ năm 2010 đến nay, đã thu hút được 8.933,29 tỷ đồng, trong đó: Vốn NSNN là 84,35 tỷ đồng (chiếm 0,944%), còn lại 8.848,94 tỷ đồng là vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư KCHT các KCN (chiếm 99,056%).

### **5.2. Vốn đầu tư KCHT CCN:**

Từ năm 2010 đến nay, tổng vốn đầu tư cho xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 5.728,4 tỷ đồng; trong đó, ngân sách của tỉnh và huyện là 146,9 tỷ đồng; ngân sách trương ương hỗ trợ 108 tỷ đồng, vốn của doanh nghiệp là 5.473,5 tỷ đồng. Theo đó, nguồn vốn của các doanh nghiệp chiếm chủ yếu 95,55%.

### **5.3. Vốn đầu tư KCHT giao thông:**

Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn từ năm 2010 đến nay (không bao gồm vốn bảo trì và xã hội hóa) là 36.622,94 tỷ đồng, trong đó: Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2010-2015 là 7.848,24 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 là 13.401,4 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021 đến nay là 15.364,3 tỷ đồng.

### **5.4. Vốn đầu tư KCHT đô thị:**

Tổng vốn đầu tư cho phát triển KCHT đô thị từ năm 2010 đến nay là: 96.933,45 tỷ đồng, trong đó: Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2010-2015 là 3.927,05 tỷ đồng (gồm vốn đầu tư khu đô thị mới và phát triển hạ tầng đô thị thành phố Bắc Giang); tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 là: 33.594 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2023 là 50.956,4 tỷ đồng.

*(Theo Biểu số 03: Kết quả thực hiện vốn đầu tư phát triển KCHT 2010-2023)*

## **6. Tổng hợp kết quả đạt được về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông gắn với phát triển kinh tế- xã hội**

### **6.1. Giai đoạn 2011-2015:**

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cả nhiệm kỳ 2011-2015 đạt trên 107 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 25,3%/năm. Nâng cao hiệu quả đầu tư từ NSNN gắn với cơ cấu lại đầu tư công; đã huy động hơn 17,7 nghìn tỷ đồng vốn NSNN, vốn TPCP để tập trung đầu tư các công trình KCHT kinh tế- xã hội, phát triển đô thị; đồng thời tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, vốn trực tiếp nước ngoài cho phát triển KCHT.

Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng làng nghề dân được đầu tư, hoàn thiện theo quy hoạch. Đã có 4/6 KCN theo quy hoạch đi vào hoạt động với trên 80% diện tích đất đã thu hồi, GPMB của các KCN đã được lấp đầy;



các doanh nghiệp trong các KCN đóng góp trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, đóng góp gần 1/4 tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh và khoảng 22% số thu nội địa không tính tiền sử dụng đất. Đã có 31/34 CCN hình thành và đi vào hoạt động với 66,5% diện tích đất được lấp đầy. Tập trung đầu tư hạ tầng điện, 100% các xã trên địa bàn tỉnh được sử dụng điện lưới quốc gia.

Hạ tầng giao thông đã được tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối với các tỉnh xung quanh và các vùng kinh tế động lực. Đã phối hợp triển khai cải tạo, nâng cấp các quốc lộ 1, 31, 37; đầu tư nâng cấp một số tuyến đường tỉnh 293, 398, tăng cường đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống GTNT gắn với xây dựng NTM; đến hết năm 2015, tỷ lệ cứng hóa đường huyện đạt 85%, đường xã đạt 58,5%, đường thôn bản đạt 47,6%.

Về đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị, đến năm 2015 toàn tỉnh đã có 17 đô thị, trong đó thành phố Bắc Giang được công nhận là đô thị loại II, thị trấn Thắng và thị trấn Chũ được công nhận là đô thị loại IV, tỷ lệ dân số đô thị đạt 14,5%, tăng 5,14% so với năm 2010. Đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng một số công sở mới, công trình công cộng lớn, tạo sự thay đổi tích cực diện mạo đô thị.

Hạ tầng các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được tăng cường, nhất là giáo dục, y tế, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đến hết năm 2015, tỷ lệ kiên cố hóa trường học đạt 85%, riêng khối phổ thông đạt 90%; trường đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 80%. Hầu hết cơ sở y tế tuyến xã, tuyến huyện và các bệnh viện chuyên khoa đã được đầu tư nâng cấp.

## **6.2. Giai đoạn 2016-2020:**

Tốc độ tăng trưởng tỉnh Bắc Giang bình quân đạt 14%/năm, thuộc nhóm các tỉnh có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu cả nước; quy mô GRDP năm 2020 đạt 123 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần năm 2015 (đứng thứ 16/63 tỉnh thành). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 230 nghìn tỷ đồng; sử dụng hiệu quả vốn NSNN, huy động hơn 39,1 nghìn tỷ đồng đầu tư các công trình KCHT kinh tế-xã hội, phát triển đô thị. Tập trung ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông đi trước một bước để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các lĩnh vực.

Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và hạ tầng phục vụ các khu, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư đảm bảo đồng bộ, toàn tỉnh có 05 KCN (tỷ lệ lấp đầy đạt 81,7%), 40 CCN (tỷ lệ lấp đầy đạt 66%) với trên 1.300 doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng và đang hoạt động.

Đã đầu tư và phối hợp đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số dự án giao thông trọng điểm, như: Đường cao tốc Bắc Giang- Lạng Sơn, đường vành đai IV Hà Nội, Quốc lộ 17, 37, ĐT293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, ĐT295, cầu Đồng Sơn và đường lên cầu. Tăng cường đầu tư hệ thống giao thông nông thôn, phong trào làm đường giao thông nông thôn phát triển mạnh mẽ chưa từng có trong tiền lệ, chỉ trong hơn 02 năm (cuối 2017 và năm 2018, 2019) toàn tỉnh đã bê tông hóa theo tiêu chuẩn và quy chuẩn 4.231km. Tính



đến hết năm 2020: Tỷ lệ cứng hóa đường huyện đạt 95%, tăng 15%; đường xã đạt 97%, tăng 27%; đường thôn, bản 87%, tăng 32% so với năm 2015.

Đô thị phát triển nhanh, diện mạo đô thị thay đổi rõ nét, ngày càng khang trang, hiện đại hơn. Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã triển khai thực hiện 36 dự án khu đô thị, khu dân cư với tổng mức đầu tư khoảng 8.000 tỷ đồng. Toàn tỉnh có 16 đô thị, trong đó thành phố Bắc Giang là đô thị loại II, thị trấn Thăng và thị trấn Chũ là đô thị loại IV, 13 đô thị loại V. Đến hết năm 2020, tỷ lệ dân số đô thị toàn tỉnh đạt 22,2%. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số khu đô thị, khu dân cư, chung cư cao tầng, trụ sở cơ quan và công trình công cộng phục vụ nhân dân, tạo sự thay đổi tích cực về diện mạo cảnh quan đô thị thành phố Bắc Giang và các thị trấn.

### **6.3. Giai đoạn 2021-2023:**

Mặc dù mới qua nửa nhiệm kỳ và chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 bùng phát trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2022, song việc triển khai thực hiện quyết liệt các cơ chế, chính sách đã đạt những kết quả tích cực về phát triển KCHT, như: Bắc Giang là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh, là tiền đề quan trọng, mở ra cơ hội, không gian, động lực mới thúc đẩy sự phát triển. Kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng nằm trong nhóm dẫn đầu của cả nước. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 14%/năm, quy mô GRDP năm 2023 vượt lên thứ 12 cả nước, tăng 4 bậc so với đầu nhiệm kỳ. Nguồn lực nhà nước được tập trung đầu tư cho các công trình KCHT kinh tế - xã hội thiết yếu (hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục...); đẩy mạnh huy động các nguồn lực ngoài nhà nước phát triển hạ tầng công nghiệp, đô thị, dịch vụ.

Tiếp tục tập trung đầu tư hạ tầng giao thông để tạo động lực thúc đẩy phát triển các lĩnh vực khác; đầu tư và phối hợp đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số dự án giao thông trọng điểm, như: Cải tạo, nâng cấp QL37; Nâng cấp đường gom tuyến cao tốc Hà Nội- Bắc Giang, Dự án Xây dựng cầu Như Nguyệt; Dự án Xây dựng cầu Đòng Việt và đường dẫn lên cầu; Dự án Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An- QL31- QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa- Khuôn Thần; Dự án Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang- Lạng Sơn; dự án đường nối QL37- QL17- ĐT292; dự án đường nối QL37- QL17- Võ Nhại (Thái Nguyên); dự án đường dẫn và cầu Hòa Sơn kết nối huyện Hiệp Hòa với thành phố Phả Yên (Thái Nguyên); Dự án nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293 đến QL17...

Về hạ tầng công nghiệp, đã thành lập thêm 02 KCN, mở rộng diện tích 02 KCN với tổng diện tích thành lập mới và mở rộng 657,3 ha; triển khai lập quy hoạch 22 KCN; đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư thêm 03 KCN mới, mở rộng 01 KCN và sáp nhập 02 CCN vào KCN<sup>39</sup>. Đồng thời,

<sup>39</sup> Đang hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư KCN Yên Sơn - Bắc Lũng (300ha), KCN Đòng Phúc, KCN Phúc Sơn; mở rộng KCN Việt Hàn 148ha; Sáp nhập CCN Tăng Tiến diện tích 37ha vào KCN Vân Trung và sáp nhập CCN Tân Hưng diện tích 49,7ha vào KCN Tân Hưng.

đã thành lập được 11 cụm công nghiệp với tổng diện tích 555 ha do các doanh nghiệp làm chủ đầu tư.

Tập trung cao chỉ đạo đẩy mạnh công tác quy hoạch, phát triển đô thị; sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính các đô thị. Từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2023, đã hoàn thành công nhận huyện Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV và thành lập thị xã Việt Yên; thành lập 02 thị trấn Phương Sơn, Bắc Lý; tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 21,69% năm 2020 lên 23,7%. Tập trung thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở; một số khu đô thị mới, nhà ở hoàn thành đã cải thiện không gian, cảnh quan đô thị. Các địa phương tiếp tục bố trí nguồn vốn đầu tư công xây dựng hạ tầng khung, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị. Bộ mặt, không gian, kiến trúc, cảnh quan ngày càng đẹp và hiện đại; môi trường được cải thiện, chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên.

#### **6.4. Tổng hợp kết quả từ 2010 đến 2023:**

Việc tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về phát triển KCHT giai đoạn từ năm 2010 đến nay đã đạt những kết quả tích cực, các cấp, các ngành đã có sự tập trung cao, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển các KCHT trọng yếu như giao thông, đô thị, công nghiệp; kêu gọi, thu hút các nguồn lực đầu tư KCHT ngày càng lớn và đa dạng (tổng vốn đầu tư cho 03 lĩnh vực giai đoạn 2011-2023 đạt 139.761 tỷ đồng). KCHT công nghiệp và các hạ tầng hỗ trợ công nghiệp đã được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, góp phần đưa công nghiệp trở thành động lực phát triển của tỉnh (đến năm 2023, tăng 04 KCN được thành lập so với năm 2010, diện tích tăng 942,47ha; tăng 29 CCN được thành lập so với năm 2010, diện tích tăng 1.796,7ha). Mạng lưới giao thông được phát triển theo hướng đồng bộ, nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, đường vành đai, đường trục kết nối được tập trung đầu tư xây dựng, mở ra không gian phát triển mới, kết nối giữa các vùng miền; giao thông nông thôn có bước phát triển đột phá cả về chiều dài cứng hóa, quy mô và chất lượng đầu tư; hạ tầng vận tải tiếp tục được quan tâm đầu tư (năm 2023 so với năm 2010, đường cao tốc đầu tư mới 39,45km; đường quốc lộ tăng khoảng 39km; đường tỉnh được nâng cấp hệ thống hiện trạng và mở mới 52km, hệ thống đường huyện, xã và thôn xóm tăng 3.984km, đường đô thị tăng 603km; mật độ giao thông đường bộ của tỉnh Bắc Giang lớn hơn bình quân cả nước). Phát triển một số khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị hiện hữu theo hướng văn minh, hiện đại, thu hút kinh tế đô thị, giúp kinh tế của tỉnh có bước phát triển đột phá (năm 2023 so với 2010, tăng 03 đô thị, nâng 01 đô thị lên loại II, thêm 04 đô thị loại IV, diện tích đất đô thị tăng 36.239ha gấp hơn 3,5 lần so với 2010, tỷ lệ dân số đô thị tăng 14,34%). Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch ngày càng được quan tâm, nâng cao chất lượng và thực hiện chặt chẽ; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư KCHT từng bước được nâng lên; công tác quản lý đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật xây dựng tiên tiến, quản lý chất lượng, chi phí xây dựng, quản lý khai thác công trình được chú trọng, tăng cường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

KCHT được đầu tư ngày một hoàn thiện, đồng bộ đã giúp kinh tế- xã hội của tỉnh có bước phát triển đột phá, từ một tỉnh kinh tế kém phát triển, giai đoạn từ năm 2015 đến nay tốc độ tăng trưởng bình quân của tỉnh đạt 14%/năm, quy mô

nền kinh tế tăng nhanh, năm 2023 đạt 181.970 tỷ đồng (giá hiện hành) gấp 8,3 lần so với năm 2010, đứng thứ 12 cả nước, GRDP bình quân đầu người 3.950 USD, tăng 6,078 lần so với năm 2010. Theo kết quả công bố chỉ số PCI của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) xếp hạng chỉ số về cơ sở hạ tầng<sup>40</sup> của các tỉnh, thành phố trong cả nước, tỉnh Bắc Giang lần lượt xếp thứ hạng 45 (năm 2015), thứ 22 (năm 2020) và vươn lên xếp thứ **10** (năm 2022, sau lần lượt các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hà Nội, Đồng Nai, Đà Nẵng, Hải Phòng, Bắc Ninh, Cần Thơ) điều đó cho thấy, KCHT của tỉnh đã có sự phát triển vượt bậc, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút đầu tư và phát triển kinh tế- xã hội.

(Theo Biểu số 4-1: Kết quả phát triển KCHT các giai đoạn từ 2010-2023; Biểu 4-2: Kết quả thực hiện các Nghị quyết, Kết luận về phát triển KCHT)

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

##### 1.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Về chiến lược phát triển: Từ đầu nhiệm kỳ 2010-2015 đến nay, Tỉnh ủy đã đánh giá và nhận định đúng tình hình, xác định phát triển KCHT là một đột phá chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội. Trong đó, KCHT giao thông phải được tập trung đầu tư đi trước một bước để khai phá, mở ra không gian, động lực phát triển mới, ưu tiên sử dụng nguồn vốn NSNN; phát triển KCHT công nghiệp là cơ sở để đưa công nghiệp trở thành động lực chính cho tăng trưởng của tỉnh; mở rộng, phát triển KCHT đô thị để thúc đẩy phát triển dịch vụ, kinh tế đô thị, nâng cao đời sống nhân dân. Giai đoạn 2010-2015, trong điều kiện kinh tế của tỉnh còn phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp thì việc phát triển KCHT nông thôn, nhất là giao thông nông thôn gắn với xây dựng NTM là một chủ trương, quyết sách đúng đắn đưa kinh tế của tỉnh vượt qua tình trạng chậm phát triển trước năm 2015.

- Về chủ động đi trước một bước, kịp thời trong ban hành chủ trương, chính sách: Từ năm 2010 đến nay, Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã chủ động định hướng từ sớm, ban hành kịp thời nhiều chủ trương, chính sách lớn, quan trọng, mang tính đột phá về phát triển KCHT, đảm bảo đầy đủ hành lang pháp lý và tập trung, quyết liệt trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện như: **Giai đoạn 2011-2015**, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/01/2011 về Chương trình phát triển KCHT và đô thị giai đoạn 2011-2015 (trước khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 về xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020); trong điều kiện kinh tế của tỉnh còn phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp thì việc ban hành Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 về xây dựng NTM, đẩy mạnh phát triển giao thông nông thôn là một chủ trương, quyết sách đúng đắn để

<sup>40</sup>. Chỉ số Cơ sở hạ tầng trong PCI được xây dựng dựa trên các kết quả điều tra về cảm nhận của doanh nghiệp về chất lượng cơ sở hạ tầng trên khắp các tỉnh, thành phố và các nguồn dữ liệu đã được công bố. Chỉ số Cơ sở hạ tầng bao gồm bốn chỉ số thành phần: (1) các khu/cụm công nghiệp; (2) đường giao thông; (3) dịch vụ tiện ích cơ bản về hạ tầng (viễn thông, năng lượng); và (4) tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin.

đưa kinh tế của tỉnh vượt qua tình trạng chậm phát triển trước năm 2015. **Giai đoạn 2016-2020**, Tỉnh ủy đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề đẩy mạnh phát triển KCHT gồm: Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về giao thông, số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 về đô thị, Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 về công nghiệp. **Đặc biệt là giai đoạn 2021-2025**, Tỉnh ủy đã tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển KCHT, như: Lãnh đạo, triển khai việc lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 từ sớm (Kết luận số 227-KL/TU ngày 09/9/2019 của BTV Tỉnh ủy về đề cương, nhiệm vụ và tiến độ lập Quy hoạch tỉnh) và Bắc Giang là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh mở ra cơ hội, không gian, động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; ban hành Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 về phát triển công nghiệp, kịp thời, tận dụng tốt cơ hội thu hút dòng vốn đầu tư FDI, tham gia chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, góp phần đưa công nghiệp trở thành trụ cột, động lực chính phát triển kinh tế của tỉnh; ban hành các Nghị quyết, Kết luận tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng KCHT giao thông, sắp xếp mở rộng địa giới, nâng cao chất lượng các đô thị.

- Về tầm nhìn không gian phát triển: Ngoài việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển hệ thống KCHT nội tỉnh, Tỉnh ủy đã chủ động, kịp thời có những chủ trương quan trọng về mở rộng hợp tác, kết nối không gian phát triển vùng Thủ đô Hà Nội, khu vực trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; chủ động trao đổi, hợp tác, liên kết với các tỉnh lân cận về phát triển KCHT, nhất là hạ tầng giao thông nhằm mở rộng không gian phát triển, như: (i). với thủ đô Hà Nội để kết nối sân bay Nội Bài; (ii). với Quảng Ninh, Hải Dương để kết nối với cảng, biển; (iii). với Lạng Sơn để kết nối hành lang kinh tế, cửa khẩu Hữu Nghị; (iv). với Bắc Ninh, Thái Nguyên để kết nối công nghiệp, dịch vụ, du lịch... nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, miền và các nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển kinh tế- xã hội.

- Về sự đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo: Tập trung phát hiện những khó khăn, vướng mắc, nút thắt cản trở sự phát triển trong cơ chế, chính sách và nảy sinh trong thực tiễn để chỉ đạo tháo gỡ kịp thời hoặc đề xuất giải quyết, với tinh thần *“mọi khó khăn, vướng mắc đều phải có hướng tháo gỡ và phải được tháo gỡ kịp thời”*, cụ thể như việc tỉnh đã chủ động xin cơ chế đặc biệt của Trung ương đồng ý bố trí ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng cầu Như Nguyệt nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn về điểm nghẽn, nút thắt nhiều năm không chỉ của địa phương mà của đất nước, được trung ương đánh giá cao; tạo ra hiệu ứng, lan tỏa để Trung ương có những chính sách tương tự trên toàn quốc.

- Sự tập trung, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo: Đối với các chủ trương, chính sách lớn, UBND tỉnh đều thành lập các Ban Chỉ đạo để tổ chức thực hiện; hàng năm, Tỉnh ủy giao nhiệm vụ trọng tâm cho người đứng đầu và lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch và quyết liệt đeo bám thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo rõ việc, rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ giải pháp, rõ nguồn lực, rõ trách nhiệm để triển khai thực hiện; định kỳ kiểm điểm, đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ gắn với đánh giá cán bộ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và việc triển khai thực hiện

chủ động, tích cực của các sở, ngành, địa phương và toàn thể Nhân dân, các chủ trương, chính sách phát triển KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) đã được tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án lớn đều cơ bản đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, góp phần quan trọng thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh qua các giai đoạn từ 2010 đến nay, là cơ sở để tỉnh Bắc Giang có bước phát triển đột phá, nằm trong nhóm các tỉnh tăng trưởng kinh tế đứng đầu cả nước và là tiền đề cho tỉnh tiếp tục phát huy, vững tin phấn đấu, thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

- Chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo về nguồn lực phát triển KCHT: Huy động đa dạng nhiều nguồn lực cho đầu tư, vừa tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, vừa huy động các nguồn tài trợ, vốn đầu tư của doanh nghiệp và phát huy nguồn nội lực ở địa phương. Trong đó, việc phát huy nội lực, khơi dậy khát vọng phát triển và nguồn lực yếu tố con người là quyết định, cụ thể như: Tỉnh đã định hướng, bố trí ngân sách tập trung cho KCHT giao thông huyết mạch, hạ tầng thiết yếu quan trọng khác là “*vốn môi*” để thu hút nguồn lực khác “*lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*”; thu hút tối đa nguồn lực từ doanh nghiệp để đầu tư KCHT khu, cụm công nghiệp và đô thị. Ngoài ra, tỉnh đã rất thành công trong việc huy động nguồn lực của nhân dân xây dựng đường giao thông, hạ tầng nông thôn trong phong trào xây dựng NTM.

## **1.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện:**

- Cấp ủy, chính quyền các cấp đều vào cuộc một cách mạnh mẽ, đồng loạt: Trên cơ sở các Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông; các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đã kịp thời xây dựng Kế hoạch để cụ thể hóa, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển của từng đơn vị, địa phương, phân công rõ từng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện. Việc xây dựng phát triển KCHT đã trở thành các phong trào rộng khắp, với sự tham gia tích cực của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và toàn thể Nhân dân, điển hình như các phong trào xây dựng NTM.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao các chỉ số năng lực của tỉnh: Từ năm 2010 đến nay, nhất là giai đoạn 2021-2023, cấp ủy, chính quyền tỉnh đã tăng cường chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao các chỉ số năng lực của tỉnh, đến nay đã đạt nhiều kết quả ấn tượng, các chỉ số về cải cách hành chính, môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Bắc Giang nằm trong tốp đầu và là điểm sáng của cả nước, tạo ra môi trường thông thoáng, thân thiện, hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

- Quy hoạch đã được chú trọng, có nhiều đổi mới: Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo rút kinh nghiệm, tổng hợp những ưu điểm về quy hoạch qua từng thời kỳ để từng bước nâng cao chất lượng quy hoạch, cụ thể như căn cứ chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 1249-TB/TU ngày 30/8/2022, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 4962/UBND-XD ngày 06/10/2022 về việc thực hiện lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong đó: Quy định quy

hoạch khu đô thị, dân cư, khu nhà ở đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, xã hội, tránh manh mún, bấp bênh, kém phát triển; quy định chiều rộng lô đất liền kề đô thị và nông thôn phù hợp với điều kiện, kết hợp phát triển kinh tế, thống nhất với quy chế quản lý kiến trúc đô thị; quy hoạch tỷ lệ đất ở không quá 27% quy mô đồ án; các trục giao thông chính đi qua khu đô thị, dân cư phải bố trí công trình công cộng, thương mại tạo các điểm nhấn; đường giao thông phải đảm bảo bề rộng tối thiểu (lòng đường, vỉa hè) phù hợp theo từng khu vực; quy định chỉ tiêu tối thiểu bãi đỗ xe đô thị; quy định về hạ tầng xã hội (cơ quan, trường học, nhà cao tầng, nhà ở xã hội, nhà văn hóa, cây xanh đô thị, khoảng cách sau 2 dãy nhà...) trong các đồ án quy hoạch đô thị.

- Huy động nguồn vốn đầu tư cho phát triển KCHT: Nguồn vốn đầu tư được huy động đa dạng và có quy mô ngày càng lớn; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của trung ương, ưu tiên vốn ngân sách cho đầu tư KCHT giao thông để tạo động lực đột phá cho phát triển kinh tế; tăng cường thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp cho phát triển KCHT khu, cụm công nghiệp và đô thị, nhà ở. Ngoài ra, các nguồn vốn ODA, TPCP, BOT, BT và nguồn lực trong nhân dân như góp tiền của, công sức, hiến đất làm đường... đã được huy động, sử dụng có hiệu quả.

Trong xây dựng NTM thì GTNT phải đi trước một bước, tuy nhiên điều kiện NSNN còn hạn chế do đó phải huy động các nguồn lực từ nhân dân. Tỉnh đã có cách làm sáng tạo, hiệu quả bằng việc ban hành chính sách hỗ trợ xi măng làm đường GTNT, trở thành phong trào thi đua, khuyến khích người dân đóng góp sức người, sức của theo hình thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm, đảm bảo phát huy dân chủ, công khai minh bạch, theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”, đồng thời đảm bảo nâng cao chất lượng công trình do có sự tham gia kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

- Đổi mới cách làm trong đầu tư công: Để xây dựng kế hoạch đầu tư công, từ đầu năm 2021, tỉnh đã chỉ đạo rà soát toàn bộ kế hoạch các dự án trên các lĩnh vực cần đầu tư của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn; tiến hành chọn lọc các dự án, công trình lớn, trọng điểm có vai trò đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội để tập trung đầu tư trong giai đoạn 2021-2030; tiếp tục chọn lọc các công trình quan trọng nhất để đưa vào kế hoạch cần ưu tiên đầu tư hoàn thành trong giai đoạn 2021-2023. Về nguồn vốn, đã huy động nguồn thu từ tiền sử dụng đất từ cấp huyện điều tiết tập trung về tỉnh, tạo ra sự ganh đua giữa các địa phương trong việc tăng nguồn thu từ tiền sử dụng đất được để lại đầu tư; ngoài ra, để tránh tình trạng địa phương đầu tư dàn trải, lãng phí, tỉnh đã chủ trương định hướng các huyện, thị xã, thành phố phải tập trung đầu tư các dự án lớn, trọng điểm trong kế hoạch (như: thị xã Việt Yên, huyện Yên Dũng tập trung ngân sách cấp huyện để đầu tư các đoạn đường nối Quốc lộ 17 với QL37, kết nối các KCN trên địa bàn...).

Trong triển khai thực hiện công tác bồi thường, GPMB các dự án: Việc quy định cụ thể hóa Luật Đất đai và tổ chức thực hiện có nhiều đổi mới, sáng tạo như: Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 quy chế dân chủ trong thu hồi đất đảm bảo công khai, dân chủ; Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND qua 02 lần được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND và Quyết

định số 70/2021/QĐ-UBND đã giải quyết được nhiều vướng mắc trong công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ; tái định cư; quy định chi tiết về thẩm quyền của các cơ quan, mẫu hóa các văn bản, hồ sơ để thuận tiện trong quá trình thực hiện. Ban hành một số chính sách có ưu điểm vượt trội so với các tỉnh lân cận như: thưởng cho các hộ gia đình, cá nhân đồng ý bàn giao mặt bằng sớm (*tối đa 40.000 đồng/1m<sup>2</sup> đất nông nghiệp; 50.000.000 đồng/01 hộ có nhà ở bị thu hồi và phải di chuyển chỗ ở*); hỗ trợ đối với tài sản là công trình trên đất không đủ điều kiện được bồi thường; giao đất ở có thu tiền đối những hộ gia đình có nhiều thế hệ, cặp vợ chồng cùng sinh sống trên thửa đất ở bị nhà nước thu hồi. Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, về cơ bản được đại đa số người dân đồng tình, ủng hộ, nhất trí cao; đồng thời, vận động có hiệu quả việc người dân tích cực hiến đất làm đường, làm rãnh dọc ngầm hai bên đường để mở rộng đường giao thông...

### **1.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được**

Tỉnh Bắc Giang nằm ở vị trí khá thuận lợi, nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; có hệ thống giao thông với hệ thống đường bộ, đường sắt và đường sông đảm bảo kết nối thuận lợi với cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng nội địa Gia Lâm, cảng nước sâu Cái Lân, cảng Hải Phòng, các cửa khẩu quốc tế trên biên giới Lạng Sơn và các tỉnh trong khu vực.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn tập trung cao, bám sát chỉ đạo của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh, quyết liệt, sâu sát, sáng tạo, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phát triển KCHT, nhất là hạ tầng công nghiệp, đô thị, giao thông và đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

Các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã cơ bản nghiêm túc quán triệt, phổ biến, tuyên truyền và kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Đảng, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; tích cực triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước bằng các cơ chế chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện phát triển KCHT.

Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh luôn phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng, ủng hộ, tích cực hưởng ứng các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về xây dựng KCHT, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

## **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

### **2.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Công tác phân tích, dự báo để đề ra mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KCHT giai đoạn 2010-2015 có nội dung chưa sát tình hình, điều kiện thực tế của địa phương, chưa lường hết những khó khăn, quy mô một số dự án đề xuất quá lớn trong khi nguồn lực thực tế để triển khai còn hạn chế, dẫn đến một số chỉ tiêu nhiệm vụ chưa đạt theo kế hoạch như: Số đô thị đến năm 2015 đạt 17 đô thị, tỷ lệ dân số đô thị 12,8% (chỉ tiêu theo Nghị quyết là 33 đô thị, tỷ lệ dân số đô thị 14-16%); một số dự án chưa hoàn thành do thiếu vốn để triển khai (như dự án Cầu Lãn Chè; dự án Nhà máy nước số 2, Nhà máy xử lý rác thải, Sân vận động trung

tâm thành phố Bắc Giang; thu hút 1 đến 2 Nhà máy nhiệt điện...); chưa hoàn thành KCN Việt Hàn, Châu Minh- Mai Đình, quy hoạch thêm 1 đến 2 KCN mới.

- Việc cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ có nơi còn chưa nghiêm túc, kịp thời, nhất là ở cấp cơ sở; công tác kiểm tra, giám sát, sơ tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ còn chưa thường xuyên.

## **2.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện**

- Việc quán triệt, triển khai thực hiện các Chương trình, Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch ở một số địa phương còn chậm, hiệu quả chưa cao; chưa quan tâm công tác sơ kết, tổng kết, kiểm điểm đánh giá việc thực hiện để kịp thời xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ.

- Công tác bồi thường, GPMB vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai các dự án công nghiệp, đô thị, giao thông.

- Công tác quy hoạch vẫn còn nhiều hạn chế: Quy định pháp luật về quy hoạch giai đoạn trước đây còn nhiều loại quy hoạch chưa được tích hợp như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch các ngành, lĩnh vực, sản phẩm... dẫn tới việc chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu tính đồng bộ, không vận hành đúng cơ chế thị trường (quy hoạch ngành, sản phẩm), chất lượng quy hoạch hạn chế (giao thông hẹp, chưa có tầm nhìn dài hạn; đô thị manh mún, thiếu đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, công nghiệp chủ yếu bám theo các trục đường giao thông...), sử dụng không hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho triển khai thực hiện quy hoạch.

- Do nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho công tác lập quy hoạch xây dựng còn hạn chế; việc thực hiện xã hội hoá, tiếp nhận kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân để lập quy hoạch xây dựng là phù hợp quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng nhằm đẩy nhanh tiến độ phù hợp quy hoạch; tuy nhiên, quy mô các đồ án quy hoạch còn nhỏ, dẫn tới việc triển khai các dự án khu đô thị, khu dân cư còn manh mún, thiếu đồng bộ.

- Chưa quan tâm vấn đề quy hoạch vật liệu, đất san lấp dẫn đến thiếu đất san lấp cho các dự án KCHT lớn, nhiều thời điểm thiếu đất xảy ra tình trạng khai thác trái phép, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng dự án và cơ hội phát triển.

- Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, ảnh hưởng toàn cầu, làm thay đổi nhanh chóng đời sống con người, trong đó hạ tầng số, hạ tầng công nghiệp bán dẫn... có vai trò đặc biệt quan trọng, là giải pháp đột phá để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, việc định hướng, nghiên cứu, triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển các hạ tầng này chưa được quan tâm một cách xứng đáng để chuẩn bị các điều kiện đón đầu trong giai đoạn tới, như: Quy hoạch tỉnh chưa định hướng nhiều đến phát triển công nghiệp bán dẫn, chưa định hướng phát triển các khu công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu triển khai ngành công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh.



- Về phát triển hạ tầng công nghiệp:

+ Về phát triển công nghiệp: Bắc Giang là tỉnh đi sau về phát triển công nghiệp nhưng việc nghiên cứu, chất lọc những kinh nghiệm của những tỉnh đi trước trong phát triển công nghiệp chưa được quan tâm; xác định công nghiệp là động lực chính để thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh nhưng một số hạ tầng cho công nghiệp chưa được đi trước một bước, như: hạ tầng điện cho sản xuất công nghiệp phát triển chậm hơn tốc độ phát triển của công nghiệp, dẫn đến tình trạng thiếu điện sản xuất trong những năm gần đây, quy hoạch các KCN còn lạc hậu, thiếu hạ tầng logistic, dịch vụ trong KCN, quy mô hạn chế chưa đúng với mô hình phát triển công nghiệp- dịch vụ, KCN sinh thái...

+ Việc quy hoạch và xây dựng phát triển các KCN còn chưa đồng bộ với các quy hoạch hạ tầng khác, nhiều dự án KCN đã thực hiện đầu tư xây dựng và chuẩn bị đi vào hoạt động nhưng các hạ tầng bên ngoài như giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, hạ tầng xã hội phục vụ phát triển công nghiệp (trường học, bệnh viện, nhà ở cho công nhân, chợ...) thực hiện còn chậm, chưa đồng bộ; đã ảnh hưởng đến cơ hội thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào các KCN; dự án hạ tầng KCN triển khai chậm do các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường phải thực hiện tại Trung ương mất nhiều thời gian.

+ Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa được chặt chẽ. Công tác hỗ trợ triển khai một số dự án hạ tầng KCN, CCN ở cấp huyện, cấp xã chưa hiệu quả; đôi khi chưa kịp thời giải quyết khó khăn nhất là công tác đền bù, GPMB. Chỉ tiêu CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn chưa đạt theo mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

+ Các quy định pháp luật về quản lý phát triển cụm công nghiệp chưa đồng bộ, thay đổi nhiều, quá trình triển khai gặp rất nhiều khó khăn, như việc thành lập CCN trong thời gian vừa qua, phải thực hiện 2 thủ tục song song, vừa thành lập CCN theo Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, vừa chấp thuận chủ trương đầu tư theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

+ Một số CCN do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư trước đây chưa được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật đường giao thông nội bộ, cấp điện, cấp, thoát nước, viễn thông... dẫn đến các doanh nghiệp trong CCN phải tự liên hệ đầu nối trực tiếp ra đường tỉnh hoặc Quốc lộ, gây mất an toàn giao thông; một số CCN chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

- Trong công tác phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng đô thị:

+ Việc lập quy hoạch chung một số đô thị còn chậm, chất lượng còn chưa cao. Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết còn chưa phủ kín; chất lượng một số quy hoạch chưa đảm bảo, phải điều chỉnh nhiều lần.

+ Hạ tầng đô thị đầu tư thiếu đồng bộ, nhất là hệ thống thoát nước, thu gom, xử lý nước thải, đường điện, hệ thống viễn thông hầu như chưa được ngầm hóa; hiện tượng ngập úng vẫn xảy ra. Chưa quan tâm đúng mức đến hệ thống cây xanh đô thị, tỷ lệ cây xanh nhiều đô thị còn thấp, thiếu bản sắc, đặc

trung cho từng khu vực đô thị, từng tuyến phố; nhiều khu đô thị thiếu thiết chế văn hóa, thể thao, các địa điểm vui chơi, giải trí...

+ Vấn đề ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí và tiếng ồn ngày càng gia tăng. Phần lớn hệ thống nước thải không được xử lý, riêng thành phố Bắc Giang mới có nhà máy xử lý nước thải, các thị trấn hầu như chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khối lượng chất thải rắn đang gia tăng nhanh chóng.

+ Chưa quan tâm đến việc quy hoạch, bảo vệ, dự trữ nguồn nước sạch để cung cấp cho các đô thị, dân cư đảm bảo lâu dài, bền vững.

+ Việc phát triển KCHT theo hướng đô thị nén, tăng tỷ lệ nhà cao tầng, nhằm tiết kiệm quỹ đất dành cho cây xanh, xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội... chưa được quan tâm đúng mức; hình thành nhiều dự án khu đô thị nhỏ nên không gian phát triển đô thị còn manh mún, bị chia cắt làm ảnh hưởng tới mỹ quan không gian tổng thể của toàn đô thị. Công tác dự báo nhu cầu xã hội về đất ở còn chưa sát với thực tế, dẫn tới nhiều khu đô thị mới chậm lấp đầy.

+ Tài nguyên đất bị khai thác để xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, gây ra úng ngập, suy thoái nguồn tài nguyên nước; chiếm dụng đất nông nghiệp, ảnh hưởng đến vấn đề an toàn lương thực.

+ Việc định hướng phát triển đô thị chưa chú trọng nghiên cứu đến các quy luật phát triển và hình thành đô thị, đánh giá động lực và tính khả thi phát triển của các đô thị, như: Đầu giai đoạn 2016-2020 định hướng thị trấn Thăng và thị trấn Chũ hướng tới tiêu chí đô thị loại III, mà chưa quan tâm định hướng đô thị Việt Yên. Tuy nhiên, quá trình phát triển cho thấy đô thị Việt Yên hội tụ nhiều lợi thế, có động lực để phát triển sớm do địa bàn tập trung nhiều KCN, thu hút việc làm, phát triển dịch vụ, đô thị, đến nay đã đạt đô thị loại IV, được công nhận là thị xã và hướng tới đô thị loại III.

+ Công tác phát triển đô thị vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, chỉ tiêu tỷ lệ dân số đô thị 23,7% thấp hơn nhiều mức trung bình toàn quốc (cùng kỳ đạt khoảng 40,5%), số lượng đô thị chưa đạt theo mục tiêu đề ra.

+ Chưa tạo được sức hút chuyên dịch dân cư từ nông thôn ra thành thị để tăng dân số cơ học. Phát triển đô thị còn dàn trải, hạ tầng khung đô thị, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ; hạ tầng xã hội, thương mại dịch vụ còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

+ Công tác quản lý đô thị chưa được quan tâm đúng mức, vi phạm trật tự xây dựng, lấn chiếm vỉa hè, lòng đường còn xảy ra ở nhiều nơi; vấn đề quản lý trật tự an toàn xã hội ở đô thị, ùn tắc giao thông trong các đô thị đang và ngày càng trở nên bức xúc...

- Về kết cấu hạ tầng giao thông:

+ Việc ban hành chủ trương, chính sách về phát triển KCHT giao thông trên địa bàn tỉnh có lúc, có thời điểm còn chậm, chưa đảm bảo quan điểm giao thông phải đi trước một bước; chủ trương huy động sức mạnh nguồn lực của

người dân thực hiện cứng hóa (chủ trương hỗ trợ xi măng cứng hóa giao thông nông thôn) là chủ trương đúng cho giai đoạn 2010-2015 nhưng được ban hành chậm; Chủ trương về phát triển KCHT còn mang tính cào bằng, dàn trải... do vậy việc cứng hóa và đầu tư KCHT giao thông vào các cấp đường theo quy hoạch được phê duyệt đạt tỷ lệ thấp (giai đoạn 2010-2015).

+ Công tác phối hợp với các tỉnh xung quanh đã được quan tâm về mặt chủ trương, tuy nhiên việc phối hợp cụ thể hóa trong triển khai còn hạn chế (chưa thống nhất về quy hoạch, kế hoạch đầu tư công, bố trí nguồn vốn đầu tư, thời gian triển khai giữa hai địa phương) để cùng thực hiện, do vậy một số tuyến sau khi đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng chưa được kết nối kịp thời, chưa phát huy tối đa được hiệu quả đầu tư góp phần phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, như: Cầu Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa kết nối với Hà Nội, Cầu Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa kết nối với Thái Nguyên; Đường Suối Nứa- Mỹ An kết nối với Lạng Sơn.

+ Việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân còn bất cập, chưa tuân thủ quy định về hành lang an toàn đường bộ (trên các tuyến đường tỉnh và quốc lộ), do vậy khi thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo các tuyến đường chi phí BT-GPMB chiếm tỷ trọng lớn, làm tăng tổng mức đầu tư dự án.

- Kết quả thực hiện một số giải pháp huy động nguồn lực còn một số hạn chế như: Việc khai thác nguồn vốn Trung ương đầu tư các tuyến Quốc lộ, đường vành đai V, hạ tầng đường thủy nội địa, đường sắt; sử dụng vốn vay thương mại, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; thu hút nguồn vốn theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Về quy hoạch, mạng lưới giao thông:

+ Hệ thống giao thông quốc gia trên địa bàn tỉnh (đường sắt, đường thủy, đường bộ) khai thác còn hạn chế; chưa đồng bộ hóa giữa đầu tư kết nối với hệ thống giao thông nội tỉnh, nâng cấp, mở rộng và khai thác; hệ thống giao thông tỉnh, giao thông công cộng, hạ tầng cảng thủy nội địa, cảng cạn, ga hàng hóa chưa được quan tâm đầu tư.

+ Hoạt động vận tải thủy chưa phát huy được lợi thế, thiếu các cảng, bến thủy đang là một điểm nghẽn, gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Bắc Giang.

+ Hướng giao thông kết nối Bắc Giang với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc theo trục ngang về phía Tây, kết nối với cao tốc Hà Nội- Thái Nguyên và cao tốc Nội Bài – Lào Cai (theo hướng QL 37, vành đai IV, V) chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thu hút phát triển chuỗi các khu, cụm công nghiệp và giao lưu kinh tế.

+ Mật độ đường tại khu vực các huyện miền núi phía Đông tỉnh (Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam) và phía Bắc tỉnh (Yên Thế, Lạng Giang) còn thấp, chưa thuận lợi để thúc đẩy kinh tế nông nghiệp tập trung.

+ Địa bàn tỉnh còn nhiều điểm bị chia cắt bởi sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam làm hạn chế giao thương với tỉnh Bắc Ninh, thủ đô Hà Nội, giữa các huyện trong tỉnh với nhau.

+ Đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn chưa mở rộng được cầu Xương Giang, chưa mở rộng đồng bộ đường gom cao tốc theo quy hoạch, một số hầm chui dân sinh kích thước nhỏ; QL.37 đoạn Kép - ngã tư Thân - cầu Cẩm Lý, cầu Cẩm Lý, QL.279... chưa được đầu tư. Hệ thống quốc lộ vẫn còn 04 cầu hạn chế tải trọng, 02 cầu yếu và cầu đường sắt Cẩm Lý (Lục Nam) vẫn đi chung với đường bộ.

+ Quy mô các tuyến đường quan trọng có tính động lực và kết nối đối ngoại còn nhỏ, mới đạt cấp III đồng bằng; trong khi Kết luận số 55-KL/TU ngày 07/3/2021 của BTV Tỉnh ủy yêu cầu tối thiểu mặt đường rộng 18m, 04 làn xe (trừ dự án Xây dựng cầu Đông Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang). Đường tỉnh 293 là tuyến đường huyết mạch, có mật độ giao thông lớn nhưng còn điểm cầu Lục Nam (tại thị trấn Đồi Ngô) có mặt cắt nhỏ vẫn làm điểm nghẽn.

+ Đường GTNT cơ bản đáp ứng yêu cầu trước mắt; tuy nhiên, quy mô đầu tư nhìn chung còn hạn chế, chưa đảm bảo tầm nhìn dài hạn, chưa dự báo, đánh giá đúng nhu cầu khai thác, sử dụng trước mắt và lâu dài.

+ Việc quản lý, bảo trì, duy tu, mở rộng đường GTNT chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều tuyến đường đã cứng hóa giai đoạn trước, sau một thời gian khai thác sử dụng mặt đường đã hư hỏng, xuống cấp dẫn đến phát sinh nhu cầu kinh phí đầu tư do quy mô đầu tư hạn chế, trong khi có nhiều phương tiện quá tải lưu thông.

+ Các tuyến đường sắt qua địa bàn tỉnh chưa có kế hoạch cải tạo, nâng cấp; việc chỉnh trang khu vực nhà ga Bắc Giang và chuẩn bị các điều kiện cho việc di chuyển ga vận tải hàng hóa ra ngoài trung tâm thành phố, chuyển đổi ga Bắc Giang thành ga hành khách chưa có kết quả; việc tách đường sắt và đường bộ trên cầu Cẩm Lý (Lục Nam) chưa triển khai thực hiện; công tác giải tỏa hành lang an toàn đường sắt, xây dựng hệ thống đường gom dân sinh kết quả còn hạn chế; hạ tầng xếp dỡ và kết nối với hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy hầu như chưa có chuyển biến.

+ Tiến độ thực hiện các bến, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ còn chậm.

### **2.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

#### ***a) Nguyên nhân khách quan***

- Bắc Giang là tỉnh miền núi, xuất phát điểm về kết cấu hạ tầng thấp, địa hình bị chia cắt, dân cư sống rải rác, đô thị phân bố không đều, dẫn đến khó khăn cho việc đầu tư phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông; quy mô, tiềm lực nền kinh tế của tỉnh chưa lớn mạnh, nên nguồn lực đầu tư cho xây dựng KCHT kinh tế - xã hội hạn chế, giai đoạn trước các dự án lớn chủ yếu do Trung ương đầu tư; việc GPMB gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng và hiệu quả của dự án, nhất là các dự án phát triển đô thị và KCN.

- Từ năm 2010 đến nay, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, nhất là trong những năm gần đây tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, kinh tế thế giới có nhiều biến động và tăng trưởng chậm; kinh tế trong nước còn khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong năm 2020, 2021, đầu năm 2022 tác động và ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống xã hội và tiến độ triển khai thực hiện các dự án KCHT.

- Một số tỉnh xung quanh (Lạng Sơn, Bắc Ninh, và thành phố Hà Nội) chưa quan tâm kịp thời cùng đầu tư các tuyến đường kết nối để đảm bảo đồng bộ phát huy hiệu quả đầu tư dự án như: Cầu Hà Bắc I chưa có chủ trương đầu tư, đường nối lên cầu Hà Bắc II thuộc tỉnh Bắc Ninh đang thực hiện GPMB; đường kết nối phía Lạng Sơn với dự án Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL.31 - QL.1 (hiện đang thực hiện lập dự án).

- Một số văn bản pháp luật có nội dung còn chưa cụ thể, thiếu thống nhất, còn chồng chéo, trên thực tế phát sinh những tình tiết phức tạp khó triển khai, áp dụng.

- Nhận thức của một bộ phận người dân về phát triển đô thị, các quy định pháp luật liên quan chưa đầy đủ; còn đưa ra những yêu cầu, đòi hỏi không hợp lý, nhất là trong công tác bồi thường, GPMB, làm ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các dự án.

#### ***b) Nguyên nhân chủ quan***

- Giai đoạn trước đây, Ngân sách địa phương hạn hẹp, bố trí dàn trải chưa đáp ứng yêu cầu về đầu tư KCHT kỹ thuật, hạ tầng xã hội; công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch còn hạn chế, quy hoạch chưa được đi trước và chưa có đủ để phục vụ công tác quản lý; công tác tham mưu, đề xuất và việc vận dụng chính sách nhà nước vào tình hình cụ thể của địa phương còn hạn chế; thời gian đầu của quá trình hình thành các khu, cụm công nghiệp mới chỉ quan tâm thu hút doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh, chưa quan tâm nhiều đến công tác đầu tư đồng bộ KCHT nên còn nhiều bất cập, nhất là việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định; việc chỉ đạo, mở rộng các đô thị chưa được quan tâm nên quỹ đất phát triển đô thị còn ít, dân số đô thị phát triển chậm; hệ thống KCHT giao thông chất lượng còn thấp, thiếu các tuyến giao thông kết nối, tạo đột phá cho phát triển kinh tế- xã hội.

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo của một số cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa thật sự sâu sát, chưa quyết tâm cao, quyết liệt chỉ đạo việc khó, phức tạp; chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; một số chủ trương, chính sách địa phương còn thiếu năng động, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Việc cụ thể hóa triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị và cơ chế, chính sách của Trung ương vào thực tế còn thiếu sáng tạo, chưa toàn diện. Tổ chức thực hiện một số nội dung còn thiếu quyết liệt; sự phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ, hiệu quả không cao; chưa phát huy được sức mạnh của các thành phần kinh tế. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát còn hạn chế; kỷ luật, kỷ cương một số nơi chưa nghiêm.

- Tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn, năng lực tham mưu của một số cán bộ, công chức còn hạn chế; chậm đổi mới về tư duy, chưa chủ động nghiên cứu, tham mưu trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Cấp ủy một số địa phương chưa quan tâm đúng mức, đầu tư nguồn lực và thời gian cho tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng KCHT phục vụ cho công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động chỉ đạo, điều hành.

- Bố trí cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch, phát triển đô thị ở một số địa phương còn chưa phù hợp, chưa đúng với chuyên môn nghiệp vụ; trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng, quản lý đô thị, trật tự xây dựng còn hạn chế, chậm đổi mới, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.

- Công tác phối hợp với các tỉnh xung quanh đã được quan tâm về mặt chủ trương, tuy nhiên chưa cụ thể hóa (chưa thống nhất về thời gian triển khai, bố trí nguồn vốn đầu tư, kế hoạch đầu tư công giữa hai địa phương) do vậy một số dự án cần, đường sau khi đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng chưa phát huy tối đa được hiệu quả đầu tư góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

#### **IV. BÀI HỌC RÚT RA**

Từ kết quả nghiên cứu, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay, rút ra một số bài học sau:

*Thứ nhất*, về nhận thức, tiếp tục thống nhất xác định phát triển KCHT là một đột phá chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội nhanh, bền vững, trọng tâm là KCHT giao thông, công nghiệp, đô thị; trong đó, kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng điện phải tập trung đầu tư đi trước một bước, hạ tầng công nghiệp và đô thị phát triển phải đồng bộ, hiện đại hơn tạo động lực cho phát triển kinh tế- xã hội, phù hợp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo hài hòa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, quốc phòng; đồng bộ và hài hòa giữa thành thị với nông thôn, đồng bằng với miền núi, giữa hệ thống KCHT quốc gia, khu vực với nội tỉnh; đồng thời, quan tâm đến bảo vệ và phục hồi môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả đất đai, tài nguyên. Trong đó:

- Kết cấu hạ tầng công nghiệp:

+ Cần quan tâm đến phát triển mô hình công nghiệp- dịch vụ, công nghiệp sinh thái...; bố trí đồng bộ diện tích đất dịch vụ phục vụ công nghiệp, logistic trong các KCN.

+ Hạ tầng điện phải đi trước một bước để phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp, khắc phục tình trạng thiếu điện sản xuất; thời gian tới cần coi trọng phát triển năng lượng xanh, điện sạch, điện tái tạo... phục vụ cho công nghiệp là động lực chính cho phát triển kinh tế của tỉnh.

+ Tiếp tục quan tâm đầu tư KCHT phục vụ công nghiệp như giao thông kết nối các khu, cụm công nghiệp, trạm dừng đón công nhân; hệ thống hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải, rác thải, cây xanh, nhà ở lưu trú công nhân trong các

KCN; công trình dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục, thiết chế văn hóa, thể thao, nhà ở xã hội xung quanh các khu, cụm công nghiệp.

+ Đặc biệt quan tâm nghiên cứu, định hướng, chuẩn bị các điều kiện đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp bán dẫn, hạ tầng số, các trung tâm nghiên cứu triển khai, khu công nghệ cao... để đón đầu xu hướng phát triển ngành công nghiệp này trên địa bàn tỉnh, tạo đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội.

- Kết cấu hạ tầng đô thị:

+ Quan tâm đến việc đầu tư, mở rộng đô thị hợp lý, phát triển đô thị nén, tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường; chú trọng về cây xanh đô thị đảm bảo tỷ lệ, quy định chi tiết về trồng cây xanh trong đô thị (chủng loại, đường kính...) tạo ra bản sắc, đặc trưng cho từng khu vực, từng tuyến phố. Thu hút đầu tư hạ tầng xã hội dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục, thể thao... tạo điểm nhấn và tăng cường quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị.

+ Quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng khung đô thị đảm bảo đồng bộ về cấp nước và xử lý nước thải đô thị; chú trọng bảo vệ và dự phòng các nguồn nước sạch cho lâu dài (như: Hồ Cẩm Sơn, hệ thống sông, hồ trên địa bàn); đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải, bố trí quỹ đất xây dựng Nhà tang lễ cho khu vực đô thị.

+ Đặc biệt quan tâm đến bố trí bãi đỗ xe, giao thông công cộng trong đô thị để kịp thời ứng phó với tình trạng ùn tắc giao thông đang ngày càng gia tăng.

- Kết cấu hạ tầng giao thông:

+ Phải đồng bộ kết nối giữa hệ thống giao thông quốc gia trên địa bàn (đường bộ, đường sắt, đường thủy) với giao thông nội tỉnh, khai thác hiệu quả; tập trung đầu tư các cảng cạn (ICD), trạm dừng nghỉ, ga hàng hóa, cảng thủy nội địa, giao thông đường sắt... nâng cao hiệu quả vận tải, khai thác tốt tiềm năng đường thủy và hệ thống giao thông quốc gia trên địa bàn.

+ Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh xung quanh trong việc cụ thể hóa chủ trương, thống nhất về quy hoạch, kế hoạch đầu tư công, bố trí nguồn vốn và thời gian triển khai các dự án cầu, đường để đảm bảo hoàn thành cùng nhau, kết nối thông suốt, phát huy tối đa được hiệu quả đầu tư, góp phần phát triển kinh tế- xã hội của mỗi địa phương.

+ Việc đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường hiện trạng trên địa bàn cần tiếp tục phát huy công tác vận động nhân dân hiến đất làm đường, làm rãnh thoát nước ngầm 2 bên đường để mở rộng mặt đường, tiết kiệm kinh phí GPMB.

*Thứ hai*, về quy hoạch phải được chủ động đi trước một bước, có tầm nhìn, định hướng dài hạn làm cơ sở để phát triển hệ thống KCHT; trên cơ sở Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cần thường xuyên rà soát, cập nhật, định hướng, đảm bảo đồng bộ quy hoạch hệ thống KCHT với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và xu hướng, thực tiễn phát triển của đất nước, khu vực và điều kiện thực tế của tỉnh.

*Thứ ba*, tăng cường rà soát, nghiên cứu sửa đổi hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách, giải pháp trên các lĩnh vực để thu hút, huy động mọi nguồn lực cho phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư trong nước, vừa tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, vừa thu hút các nhà đầu tư và khơi dậy nội lực ở địa phương, tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về phát triển KCHT kinh tế - xã hội; Trong đó, tiếp tục phát huy cách làm hay, sáng tạo về huy động nguồn lực, thực hiện đầu tư công đã triển khai thực hiện:

- Tiếp tục có chính sách điều tiết, tập trung nguồn thu từ tiền sử dụng đất của cấp huyện về tỉnh; rà soát, chọn lọc các dự án, công trình lớn, trọng điểm có vai trò đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh trong kế hoạch đầu tư công để tập trung đầu tư trong giai đoạn 2021-2030; tiếp tục chọn lọc các công trình quan trọng nhất để đưa vào kế hoạch cần ưu tiên đầu tư hoàn thành từ nay đến hết năm 2025 và trong giai đoạn 2026-2030. Đồng thời, định hướng các huyện, thị xã, thành phố phải tập trung đầu tư các dự án lớn, trọng điểm trong kế hoạch, góp phần hoàn thành các dự án KCHT đúng thời điểm, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Đối với chính sách hỗ trợ xi măng làm đường GTNT trong giai đoạn hiện nay tạm thời không tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện đối với cấp huyện, cấp xã có thể khuyến khích nghiên cứu, áp dụng để tiếp tục đầu tư, nâng cấp đối với khu vực còn khó khăn, hạn chế về đường GTNT.

*Thứ tư*, phải chú trọng tổng kết thực tiễn, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả. Chủ động phối hợp với các Bộ - ngành, kiên trì đề xuất Trung ương sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách không còn phù hợp và kiến nghị cho tỉnh thực hiện thí điểm những cơ chế, chính sách mới đầu tư về KCHT, tận dụng thời cơ đưa tỉnh phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

*Thứ năm*, Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể các cấp phải tích cực tuyên truyền đến người dân để tạo sự đồng thuận, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và toàn dân tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết, các chủ trương, chính sách về phát triển KCHT; linh hoạt trọng chỉ đạo, điều hành, kịp thời điều chỉnh các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn; xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai từng nhiệm vụ cụ thể, gắn với giải pháp nguồn lực và rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân liên quan, nhất là người đứng đầu.

*Thứ sáu*, tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thực hiện phân cấp triệt để, ủy quyền mạnh mẽ gắn với việc phân công, giao nhiệm vụ rõ ràng; đồng thời thường xuyên làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn, nhằm sớm phát hiện những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn và chấn chỉnh, xử lý vi phạm.



## **Phần thứ ba**

# **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KCHT (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG THỜI GIAN TỚI**

## **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Dự báo tình hình thế giới, trong nước từ nay đến hết nhiệm kỳ 2020-2025, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cũng sẽ còn có nhiều khó khăn, thách thức như: Khoa học - công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ; mô hình phát triển kinh tế dựa trên thâm dụng tài nguyên, nguồn lực đang chuyển đổi sang nền kinh tế dựa trên hiệu quả, sáng tạo với các xu hướng xanh và số là thời cơ, thuận lợi tiềm năng của nước ta. Tuy nhiên, kinh tế thế giới suy giảm; cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra gay gắt; tranh chấp chủ quyền, biển đảo phức tạp; cuộc xung đột quân sự giữa Nga – Ukraine; giữa Israel – Hamas và các lệnh trừng phạt của Mỹ, Phương Tây đối với Nga có thể kéo dài, tác động đến địa chính trị, địa kinh tế, an ninh năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, có thể đe dọa nghiêm trọng đến sự ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta. Cùng với sự phát triển chung của cả nước, việc tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nền kinh tế của tỉnh ngày càng chịu ảnh hưởng lớn của các yếu tố trong nước và thế giới; sau nhiều năm tăng trưởng cao, dự báo kinh tế của tỉnh có thể phát triển ở mức thấp hơn; bên cạnh đó, các nút thắt của môi trường đầu tư, kinh doanh liên quan đến các vấn đề pháp lý, thể chế, quy hoạch, đất đai... nếu không kịp thời tháo gỡ sẽ là lực cản cho sự phát triển của tỉnh.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG**

**1.** Tiếp tục quán triệt, thống nhất quan điểm: Xác định phát triển kết cấu hạ tầng là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung ưu tiên, tạo đột phá chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, kết cấu hạ tầng giao thông phải được tập trung đầu tư đi trước một bước để mở ra không gian, động lực phát triển mới; phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp là nhiệm vụ quan trọng, tạo động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế; phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại để phục vụ, nâng cao đời sống Nhân dân. Mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông - công nghiệp - đô thị đồng bộ, hiện đại, bền vững, bảo đảm tính kết nối hài hòa, nhịp nhàng nhằm phát huy tối đa hiệu quả.

**2.** Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kết cấu hạ tầng, trọng tâm là kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng

bộ tỉnh lần thứ XIX, được cụ thể hóa trong các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy<sup>41</sup>.

Thực hiện rà soát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các Chương trình, Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch về phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, đối chiếu với mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh trong thời gian tới để xác định các nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện hoàn thành theo kế hoạch đã được hoạch định. Bám sát Quy hoạch Quốc gia, Quy hoạch Vùng, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt và điều chỉnh, yêu cầu phát triển của giai đoạn mới để tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng liên thông, đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm và ưu tiên lĩnh vực có tính đột phá, căn bản.

Đưa công tác đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thành nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong Chương trình, Kế hoạch công tác hàng năm của ngành, địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Tăng cường kiểm tra, giám sát để đảm bảo các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai, áp dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả góp phần phát triển kinh tế- xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đề ra.

**3.** Tổ chức rà soát, đánh giá những tồn tại, hạn chế về phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp, đô thị, giao thông theo báo cáo kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn từ năm 2010 đến nay, để đề xuất các giải pháp khắc phục triệt để; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm khai thác tiềm năng, thu hút nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực của đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, công chức quản lý xây dựng và phát triển đô thị; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với năng lực tổ chức thực hiện và đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu ở địa phương, tạo thuận lợi trong đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính, liên thông giữa các thủ tục trong đầu tư nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế ngoài nhà nước tham gia. Xây dựng cơ chế điều phối, nâng cao chất lượng, thực thi nghiêm chính sách, pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, huy động và sử dụng nguồn lực đất đai; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng các công trình dự án.

**4.** Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các công trình, dự án quan trọng, tác động liên huyện, liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn có trọng tâm, trọng điểm, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ngân

---

<sup>41</sup> Kết luận số 55-KL/TU ngày 07/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030; Kết luận số 103-KL/TU ngày 09/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

sách, các địa phương trong phát triển kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư kết cấu hạ tầng công nghiệp, đô thị.

**5. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp và tập trung, ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị theo hướng kết nối đồng bộ, hiện đại, bền vững, cụ thể:**

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đi trước một bước, phát triển các trục giao thông động lực, kết nối với các tỉnh lân cận, kết nối khu vực liên huyện trong tỉnh tạo ra các hành lang kinh tế, kết nối giữa các khu, cụm công nghiệp và đô thị; tăng cường liên kết giữa giao thông đường bộ - đường thủy - đường sắt, tập trung đầu tư hạ tầng logistics, cảng sông, cảng cạn, trạm dừng nghỉ, bến, bãi đỗ xe.

- Nâng cao chất lượng phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững, đảm bảo đồng bộ (về dịch vụ, logistics, cấp điện cho sản xuất, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải...) trong các khu, cụm công nghiệp, kết hợp với đầu tư hạ tầng xã hội, thiết chế văn hoá, dịch vụ phục vụ công nghiệp theo mô hình công nghiệp - đô thị - dịch vụ; quan tâm đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển các ngành công nghiệp mới như: hạ tầng năng lượng xanh, tái tạo; hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ số; hạ tầng công nghiệp bán dẫn.

- Tập trung phát triển hạ tầng đô thị theo hướng có chọn lọc, phát triển đô thị nén, đô thị kiểu mẫu, đô thị xanh, thông minh tại các khu vực trung tâm. Quan tâm đầu tư hạ tầng khung đô thị, thoát nước, xử lý nước thải, chống ngập úng tại đô thị; gắn với hạ tầng dịch vụ, hạ tầng xã hội, các thiết chế văn hoá, nâng cao chất lượng, phát triển đô thị bền vững.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị về phát triển KCHT**

Tăng cường quán triệt, tuyên truyền tiếp tục thực hiện các Chương trình, Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy; các cơ chế, chính sách về phát triển KCHT, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, Nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của phát triển KCHT giao thông, công nghiệp, đô thị đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nâng cao đời sống Nhân dân; tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân tham gia phối hợp, chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước để đẩy mạnh phát triển đô thị, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các đột phá chiến lược về hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách; rà soát, nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy định, cơ chế chính sách để tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt hiện nay; đề ra các giải pháp đột phá thu hút đầu tư, huy động nguồn vốn, thúc đẩy phát triển giao thông, công nghiệp, đô thị và kinh tế đô thị; làm tốt công tác dự báo phát triển thị trường bất động sản để có định hướng phù hợp, khả thi, hiệu quả. Vận dụng sáng tạo các chủ trương, cơ chế, chính sách của

Trung ương đề xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển địa phương phù hợp, tạo động lực và đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường nghiên cứu các giải pháp, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đẩy mạnh phát triển KCHT kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp. Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, thật sự có năng lực và các dự án đầu tư chất lượng, phù hợp với yêu cầu và định hướng phát triển bền vững của tỉnh. Đổi mới tư duy, phương pháp, nâng cao hiệu quả, tháo gỡ nút thắt về GPMB, với sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian thực hiện các dự án để sớm đưa công trình vào sử dụng, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; thi đua nâng cao năng lực cạnh tranh của các sở, ngành, địa phương; thực hiện tốt phong trào *“thi đua đẩy mạnh phát triển KCHT, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”*.

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường. Tăng cường công tác tham mưu, triển khai thực hiện của cơ quan chuyên môn về xây dựng kết cấu hạ tầng (*công nghiệp, đô thị, giao thông*). Xây dựng bộ máy chính quyền đô thị vững mạnh, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị. Chú trọng nâng cao năng lực Chủ đầu tư, các Ban Quản lý dự án, đơn vị tư vấn, giám sát, nhà thầu thi công. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về quy hoạch, xây dựng, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường.

Tiếp tục thực hiện các chính sách sáng tạo, có nhiều ưu điểm về thu hồi đất, bồi thường, GPMB đảm bảo theo quy định pháp luật về đất đai, như chính sách dân chủ, khen thưởng trong BT, GPMB; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phục vụ phát triển kinh tế- xã hội.

## **2. Giải pháp nâng cao chất lượng về lập và quản lý quy hoạch**

Triển khai hiệu quả và kịp thời nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch liên quan như quy hoạch vùng huyện, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị bảo đảm phù hợp thực tiễn, đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh, làm tốt việc công khai quy hoạch để thu hút đầu tư, triển khai thực hiện các dự án.

Quan tâm đến phát triển mô hình công nghiệp- dịch vụ, công nghiệp sinh thái, công nghiệp- đô thị- dịch vụ...; bố trí diện tích đất thương mại- dịch vụ trong các đề án quy hoạch các KCN đảm bảo tỷ lệ 10% theo quy định.

Đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, có tầm nhìn dài hạn; chú trọng việc phát triển đô thị gắn với nét đặc trưng riêng của từng vùng, bố trí các công trình cảnh quan, kiến trúc để tạo điểm nhấn đô thị; quy hoạch đủ các công trình công cộng, phúc lợi xã hội (dịch vụ thương mại, nhà ở xã hội, bãi đỗ xe, công viên, văn hóa thể thao, khu vui chơi...) đảm bảo bán kính phục vụ. Gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch đô thị với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo. Bố trí, huy động các nguồn vốn cho công tác quy hoạch đô thị, nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; hạn chế tối đa việc điều chỉnh quy hoạch, làm ảnh hưởng đến tính tổng thể, bền vững của quy hoạch. Nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và đô thị.

Tiếp tục thực hiện nghiêm việc thực hiện lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Văn bản số 4962/UBND-XD ngày 06/10/2022, trong đó: Quy định quy hoạch khu đô thị, dân cư, khu nhà ở đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, xã hội, tránh manh mún, bám dọc tỉnh lộ, quốc lộ; quy định chiều rộng lô đất liền kề đô thị và nông thôn phù hợp với điều kiện, kết hợp phát triển kinh tế, thống nhất với quy chế quản lý kiến trúc đô thị; quy hoạch tỷ lệ đất ở không quá 27% quy mô đồ án; các trục giao thông chính đi qua khu đô thị, dân cư phải bố trí công trình công cộng, thương mại tạo các điểm nhấn; đường giao thông phải đảm bảo bề rộng tối thiểu (lòng đường, vỉa hè) phù hợp theo từng khu vực; quy định chỉ tiêu tối thiểu bãi đỗ xe đô thị; quy định về hạ tầng xã hội (cơ quan, trường học, nhà cao tầng, nhà ở xã hội, nhà văn hóa, cây xanh đô thị, khoảng cách sau 2 dãy nhà...) trong các đồ án quy hoạch đô thị.

Nghiên cứu, tổ chức lập Quy hoạch hệ thống xử lý nước thải chung trên địa bàn toàn tỉnh.

Nghiên cứu phương án giao thông theo Quy hoạch tỉnh đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông quốc gia trên địa bàn tỉnh (đường bộ, đường sắt, đường thủy) khai thác hiệu quả, đảm bảo quy mô, cấp đường có tầm nhìn dài hạn, nâng tính kết nối giữa các KCN, CCN, đô thị.

Thời gian tới cần đặc biệt quan tâm, kịp thời quy hoạch vật liệu, đất san lấp đảm bảo nhu cầu cho các dự án KCHT lớn trong từng giai đoạn, đáp ứng tiến độ, chất lượng dự án.

### **3. Phát triển KCHT công nghiệp**

Tập trung chỉ đạo, tháo gỡ các nút thắt, đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các KCN được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận mở rộng, thành lập mới. Phát triển công nghiệp hướng tới mô hình “*Hệ sinh thái công nghiệp*”, gắn kết KCN với khu đô thị, dịch vụ có KCHT kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng thu hút đầu tư các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở trong nước. Chú trọng phát triển hệ thống dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng các KCN, CCN hiện có; rà soát, cập nhật quy hoạch đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và điều kiện thực tiễn của tỉnh; thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN, CCN theo quy hoạch đảm bảo hạ tầng đồng bộ về giao thông, thoát nước mặt và xử lý nước thải công nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; hệ thống cấp điện, cấp nước; hạ tầng xã hội và dịch vụ... Phát triển hạ tầng giao thông, kho bãi logistics, kho cảng tổng hợp và cảng thủy nội địa gắn với phát triển các KCN, CCN.

Thời gian tới cần coi trọng phát triển năng lượng xanh, điện sạch, điện tái tạo; có giải pháp cụ thể phát triển hạ tầng điện để phục vụ cho công nghiệp, khắc phục tình trạng thiếu điện sản xuất.

Tiếp tục quan tâm đầu tư KCHT phục vụ công nghiệp như giao thông kết nối các khu, cụm công nghiệp, trạm dừng đón công nhân; hệ thống hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải, rác thải, cây xanh, nhà ở lưu trú công nhân trong các KCN; công trình dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục, thiết chế văn hóa, thể thao, nhà ở xã hội xung quanh các khu, cụm công nghiệp.

Quan tâm nghiên cứu, định hướng, chuẩn bị các điều kiện đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp bán dẫn, hạ tầng số, các trung tâm nghiên cứu triển khai, khu công nghệ cao... để đón đầu xu hướng phát triển ngành công nghiệp này trên địa bàn tỉnh, tạo đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội. Cần đẩy mạnh việc kết nối, ký kết thỏa thuận với các trường đại học uy tín trên cả nước để phối hợp đào tạo, phát triển nguồn lao động trong ngành công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

#### **4. Phát triển KCHT đô thị**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng tỷ lệ đô thị hóa và phát triển kinh tế đô thị; huy động nguồn lực, hoàn thành xây dựng thị trấn Chũ trở thành thị xã, mở rộng địa giới hành chính thành phố Bắc Giang (sáp nhập toàn bộ huyện Yên Dũng).

Tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống đô thị từng bước đồng bộ, hiện đại, đảm nhiệm tốt chức năng trung tâm, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng văn minh, văn hóa đô thị, quản lý đô thị theo phương thức mới trên nền kỹ thuật số. Phát triển, hoàn thiện một số hạ tầng kỹ thuật khung đô thị về giao thông, cấp nước sạch, tiêu thoát nước đô thị tránh ngập úng, xử lý nước thải, xử lý rác thải, nghĩa trang... đáp ứng yêu cầu nâng cấp, mở rộng và nâng cao chất lượng đô thị.

Quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng khung đô thị đảm bảo đồng bộ về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đô thị; chú trọng bảo vệ và dự phòng các nguồn nước sạch cho lâu dài (như: hồ Cẩm Sơn, hệ thống sông, hồ trên địa bàn); đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải, bố trí quỹ đất xây dựng Nhà tang lễ cho khu vực đô thị.

Quan tâm đến việc đầu tư, mở rộng đô thị hợp lý, tăng cường phát triển đô thị nén, tiết kiệm quỹ đất, bảo vệ môi trường; chú trọng về tổ chức hệ thống cây xanh đô thị đảm bảo tỷ lệ, quy định chi tiết về trồng cây xanh trong đô thị (chủng loại, đường kính...) tạo ra bản sắc, đặc trưng cho từng khu vực, từng

tuyến phố. Thu hút đầu tư hạ tầng xã hội dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục, thể thao... tạo điểm nhấn và tăng cường quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Tổ chức rà soát, xây dựng phương án tiêu thoát nước tại các đô thị để giải quyết triệt để vấn đề ngập úng; nghiên cứu quy hoạch tổng thể phương án thu gom, xử lý nước thải trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt là tại các đô thị, đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển các đô thị.

Đặc biệt quan tâm đến bố trí bãi đỗ xe, giao thông công cộng trong đô thị để kịp thời ứng phó với tình trạng ùn tắc giao thông đang ngày càng gia tăng.

## 5. Phát triển KCHT giao thông

Tập trung phát triển các đường giao thông mang tính kết nối, mở rộng không gian mới để phát triển công nghiệp, dịch vụ, kết nối giữa các KCN, CCN, đô thị; đảm bảo quy mô, cấp đường có tầm nhìn dài hạn. Quan tâm mở mới một số tuyến đường nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội các xã còn khó khăn trên địa bàn các huyện: Yên Thế, Lục Nam, Sơn Động, nhất là huyện Lục Ngạn mới (sau khi thành lập thị xã Chũ). Thực hiện cấm mốc quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng, nâng cấp các tuyến đường trong giai đoạn sau năm 2030. Mở rộng quy mô, nâng cấp các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn đảm bảo kết nối và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội; Tiếp tục phát triển đường thủy nội địa và đường sắt đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, chia sẻ hợp lý thị phần với vận tải đường bộ. Phát triển dịch vụ logistic và tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng cạn trên địa bàn tỉnh.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án giao thông trọng điểm đang thực hiện trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và thi công các dự án dự kiến đầu tư bằng nguồn vốn tăng thu giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo nâng mật độ, quy mô, chất lượng công trình phục vụ giao thông đi lại kết nối nội bộ, kết nối vùng thuận lợi và phát triển công nghiệp, đô thị, du lịch, an ninh quốc phòng; góp phần hoàn thành nội dung Biên bản hợp tác của tỉnh Bắc Giang với các tỉnh...

Khẩn trương đầu tư các tuyến đường kết nối với hệ thống giao thông quốc gia trên địa bàn (đường bộ, đường sắt, đường thủy); tập trung đầu tư các cảng cạn (ICD), trạm dừng nghỉ, ga hàng hóa, cảng thủy nội địa, các tuyến đường kết nối các KCN với nhau... nâng cao hiệu quả vận tải, khai thác tối đa tiềm năng đường thủy và hệ thống giao thông quốc gia trên địa bàn. Nghiên cứu việc triển khai các tuyến đường sắt, đường bộ ngầm và trên cao để tránh các đô thị, KCN trong thời gian tới.

Đối với các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ hiện trạng cần tiếp tục tập trung nguồn lực để đầu tư nâng cấp, mở rộng, trước mắt là mở rộng đường tỉnh 293, mở rộng cầu Lục Nam trên tuyến đường 293, đường vành đai IV; ngoài việc mở rộng cần quan tâm đến nâng cao chất lượng KCHT giao thông như: Thảm mặt đường, hệ thống an toàn giao thông, các điểm nút giao cắt...

Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh xung quanh trong việc cụ thể hóa chủ trương, thống nhất về quy hoạch, kế hoạch đầu tư công, bố trí nguồn vốn và thời gian triển khai các dự án cầu, đường để đảm bảo hoàn thành cùng nhau, kết nối thông

suốt, phát huy tối đa được hiệu quả đầu tư, góp phần phát triển kinh tế- xã hội của mỗi địa phương. Thoả thuận với tỉnh Quảng Ninh để tiếp tục cùng nghiên cứu phương án, giải pháp mở tuyến đường hầm kết nối huyện Sơn Động với tỉnh Quảng Ninh để rút ngắn quãng đường kết nối với biển.

Quá trình đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường hiện trạng trên địa bàn tiếp tục phát huy việc vận động nhân dân hiến đất làm đường, hiến đất làm rãnh thoát nước ngầm 2 bên đường để mở rộng mặt đường, tiết kiệm kinh phí GPMB.

Quan tâm đẩy mạnh phát triển hạ tầng dịch vụ vận tải như: Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng đón, trả khách; nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực vận tải, mạng lưới vận tải, trạm dừng nghỉ, các tuyến đường đưa đón công nhân... nhằm tối đa hoá hiệu quả.

Đối với chính sách hỗ trợ xi măng làm đường GTNT tùy theo điều kiện đối với cấp huyện, cấp xã có thể khuyến khích nghiên cứu, áp dụng để tiếp tục đầu tư, nâng cấp đối với khu vực còn khó khăn, hạn chế về đường GTNT.

Quan tâm, đầu tư cho công tác quản lý, bảo trì, duy tu hệ thống đường GTNT; khuyến khích các địa phương có giải pháp đầu tư nâng cấp, mở rộng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác đường GTNT.

## **6. Giải pháp huy động vốn, thực hiện đầu tư công**

- Đa dạng hóa phương thức huy động nguồn lực, phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; tập trung bố trí nguồn lực cho các dự án hạ tầng dùng chung, công trình có tính chất đột phá, có tác động lan tỏa; phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công được giao gắn với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn.

- Huy động đa dạng nhiều nguồn lực cho đầu tư, vừa tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, vừa huy động các nguồn tài trợ, vốn đầu tư của doanh nghiệp và phát huy nguồn nội lực ở địa phương; ưu tiên vốn ngân sách cho đầu tư KCHT giao thông kết nối, hạ tầng thiết yếu quan trọng khác là “vốn môi” để thu hút nguồn lực khác; tăng cường thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp cho phát triển KCHT khu, cụm công nghiệp và đô thị; quan tâm thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ODA, TPCP, BOT, BT và nguồn lực trong nhân dân để đầu tư phát triển KCHT.

- Tiếp tục có chính sách điều tiết, tập trung nguồn thu từ tiền sử dụng đất của cấp huyện về tỉnh; rà soát, chọn lọc các dự án, công trình lớn, trọng điểm có vai trò đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh trong kế hoạch đầu tư công để tập trung đầu tư trong giai đoạn 2021-2030; tiếp tục chọn lọc các công trình quan trọng nhất để đưa vào kế hoạch cần ưu tiên đầu tư hoàn thành từ nay đến hết năm 2025 và trong giai đoạn 2026-2030. Đồng thời, định hướng các huyện, thị xã, thành phố phải tập trung đầu tư các dự án lớn, trọng điểm trong kế hoạch, góp phần hoàn thành các dự án KCHT đúng thời điểm, phát huy hiệu quả đầu tư.



## Phần thứ tư

### ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

#### I. ĐỐI VỚI TRUNG ƯƠNG

##### 1. Đối với Quốc hội

- Sớm ban hành Luật Năng lượng tái tạo, tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp khai thác tiềm năng trong lĩnh vực này.

- Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư năm 2020 thì thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh KCHT KCN, khu chế xuất là Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch các KCN (KCN) gắn với nhu cầu sử dụng đất đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh và được các Bộ, ngành Trung ương cho ý kiến chấp thuận, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh, trong đó đã thể hiện rõ vị trí, quy mô, ranh giới các KCN của địa phương. Do đó, đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 31 và Điều 32 Luật Đầu tư phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh KCHT KCN, khu chế xuất cho UBND cấp tỉnh để rút ngắn thời gian thực hiện các dự án.

##### 2. Đối với Chính phủ

- Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan sớm tham mưu ban hành quy định tách công tác BT, GPMB thành dự án độc lập để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư KCHT.

- Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, sớm có biện pháp tháo gỡ những khó khăn, bất cập liên quan tới các dự án bất động sản thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

##### 3. Đối với Bộ, ngành Trung ương

###### 3.1. Bộ Công Thương:

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ ngành đề xuất với Chính phủ sớm ban hành Nghị định quy định về cơ chính sách khuyến khích điện mặt trời mái nhà để tháo gỡ khó khăn và cơ chế chính sách, hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển điện mặt trời; cơ chế chính sách hỗ trợ về tài chính nhằm thu hút các nguồn lực, nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển điện mặt trời mái nhà.

- Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam quan tâm hơn nữa trong công tác đầu tư đối với tỉnh Bắc Giang, nhất là đầu tư các TBA 110kV để đáp ứng được chất lượng điện, đặc biệt là nguồn điện cấp cho các khu, cụm công nghiệp.

###### 3.2. Bộ Giao thông vận tải:

Quan tâm, sớm có kế hoạch bố trí vốn đầu tư các công trình đường Quốc lộ (đặc biệt là cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 37 đoạn từ Chí Linh, Hải Dương đi thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, Bắc Giang), đường vành đai V trên địa bàn tỉnh

Bắc Giang; nghiên cứu xem xét, xây dựng tuyến đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao (trên cơ sở tuyến Yên Viên- Đồng Đăng) kết nối với Bắc Giang.

### 3.3. Bộ Xây dựng:

- Tại Khoản 4, Điều 14 của Luật Kiến trúc năm 2019 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành. Tuy nhiên, theo khoản 5, Điều 9 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định UBND tỉnh có thể phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành đối với quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn (không quy định việc thông qua HĐND cùng cấp), dẫn đến việc trình HĐND thông qua quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn còn chưa rõ. Đề đồng bộ trong việc quản lý kiến trúc trên địa bàn, đề nghị Bộ Xây dựng tổng hợp, báo cáo tham mưu Chính phủ kiến nghị sửa đổi khoản 4, điều 14 của Luật Kiến trúc năm 2019 theo hướng giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành.

- Đề nghị Bộ Xây dựng sớm tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Quy hoạch đô thị-nông thôn và tham mưu xây dựng các văn bản hướng dẫn để có cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất.

## II. ĐỐI VỚI TỈNH ỦY

1. Hiện nay, các Nghị quyết lãnh đạo phát triển KCHT trọng yếu về công nghiệp, giao thông, đô thị đã được Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy ban hành đảm bảo toàn diện, làm cơ sở để các cấp, các ngành triển khai thực hiện; Tuy nhiên, qua tổng kết cho thấy nội dung yếu tố con người trong quản lý, thực hiện phát triển KCHT, việc nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ xây dựng và quản lý đô thị mặc dù đã được xác định trong các Nghị quyết nhưng chưa thật sự được nhấn mạnh, rõ nét, nhất là trong giai đoạn hiện nay tỉnh đang đẩy mạnh việc sắp xếp, thành lập các đô thị và các chính quyền đô thị. Nhằm đáp ứng nhu cầu về công tác quản lý đô thị đối với lãnh đạo các cấp, công chức trong giai đoạn phát triển mới, đề nghị BTV Tỉnh ủy giao Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng “*Đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn về đô thị các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2025-2030*” để làm căn cứ triển khai thực hiện trong thời gian tới.

2. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, ban hành Kết luận chỉ đạo Ban cán sự đảng UBND tỉnh tập trung thực hiện một số chủ trương sau:

- Chỉ đạo các cấp tăng cường bố trí nguồn ngân sách hàng năm cho công tác lập quy hoạch xây dựng, nhằm đẩy nhanh tiến độ phủ kín quy hoạch xây dựng, đảm bảo đồng bộ, làm cơ sở thu hút đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng.

- Về quy hoạch KCN cần phải bố trí diện tích đất thương mại- dịch vụ trong các đồ án quy hoạch KCN đảm bảo tỷ lệ khoảng 10% theo quy định.

- Quan tâm, tăng cường lãnh đạo việc nghiên cứu, định hướng, chuẩn bị các điều kiện đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp bán dẫn, hạ tầng số, các trung tâm

nghiên cứu triển khai công nghiệp bán dẫn, khu công nghệ cao... để đón đầu xu hướng phát triển ngành công nghiệp này, tạo đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

- Xem xét, đề xuất cơ chế hỗ trợ một phần kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố đầu tư công trình trọng điểm về giao thông trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo nghiên cứu, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay; bài học kinh nghiệm và đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 2865/UBND-BCSD ngày 14/6/2024 và Báo cáo số 2859/BC-BCSD ngày 14/6/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh)./.*

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương (*báo cáo*),
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công Thương (*báo cáo*),
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*báo cáo*),
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*),
- Các ban xây dựng Đảng tỉnh,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Trường Chính trị tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT- XH tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các Sở: XD, GTVT, CT, NN&PTNT, KH&ĐT, TC, TN&MT,
- Lưu: VT, BCSD, XDTuần.

**T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG**

**ỦY VIÊN**

**Lê Ô Pích**

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1	BCH	Ban Chấp hành
2	BTV	Ban Thường vụ
3	HĐND	Hội đồng nhân dân
4	UBND	Ủy ban nhân dân
5	UB MTTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
6	KT-XH	Kinh tế xã hội
7	KCHT	Kết cấu hạ tầng
8	NTM	Nông thôn mới
9	ĐTXD	Đầu tư xây dựng
10	GTVT	Giao thông vận tải
11	GTNT	Giao thông nông thôn
12	TNGT	Tai nạn giao thông
13	BTN	Bê tông nhựa
14	BTXM	Bê tông xi măng
15	BT	Bê tông
16	KCN	Khu công nghiệp
17	CCN	Cụm công nghiệp
18	NSNN	Ngân sách Nhà nước
19	TPCP	Trái phiếu Chính phủ
20	GPMB	Giải phóng mặt bằng

**CÁC BẢNG BIỂU PHỤ LỤC**

1. Biểu 01. Các văn bản chủ trương của Đảng lãnh đạo phát triển KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị.
2. Biểu 02. Các văn bản cơ chế, chính sách của HĐND, UBND tỉnh về phát triển KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị.
3. Biểu 03. Tổng hợp nguồn vốn đầu tư KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị từ năm 2010-2023.
4. Biểu 04-1. So sánh các chỉ tiêu KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị từ năm 2010-2023.
5. Biểu 04-2. Biểu các chỉ tiêu phát triển KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị theo các Nghị quyết của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 13/5/2022 của Tỉnh ủy về “*Tổ chức nghiên cứu, tổng kết thực tiễn một số lĩnh vực của tỉnh từ nay đến năm 2025*”.
2. Nghị quyết số 37 - NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “*Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*”.
3. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khoá X, XI và các Nghị quyết của Trung ương có liên quan đến phát triển KCHT công nghiệp, giao thông, đô thị.
4. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
5. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 “*Về xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*”.
6. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII (2010); lần thứ XVIII (2015); lần thứ XIX (2020).
7. Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
8. Các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông giai đoạn 2010-2023.

## MỤC LỤC

Đặt vấn đề.....	1
1. Sự cần thiết nghiên cứu, đánh giá, tổng kết.....	1
1.1. Vai trò của kết cấu hạ tầng và công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn .....	1
<i>a) Vai trò của kết cấu hạ tầng</i> .....	1
<i>b) Vai trò của công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn</i> .....	2
1.2. Sự cần thiết nghiên cứu, đánh giá, tổng kết.....	3
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá, tổng kết thực tiễn.....	4
2.1. Mục tiêu.....	4
2.2. Nhiệm vụ .....	4
3. Đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu, tổng kết thực tiễn .....	5
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	5
3.2. Phạm vi nghiên cứu.....	5
3.3. Phương pháp nghiên cứu.....	5
Phần thứ nhất.....	6
THỰC TRẠNG KẾT CẤU HẠ TẦNG (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2010 .....	6
1. Vị trí địa lý và thực trạng kinh tế-xã hội của tỉnh năm 2010 có tác động đến KCHT .....	6
1.1. Vị trí địa lý tỉnh Bắc Giang .....	6
1.2. Thực trạng kinh tế-xã hội của tỉnh Bắc Giang năm 2010 .....	6
2. Thực trạng KCHT công nghiệp năm 2010.....	7
2.1. KCHT KCN năm 2010.....	7
2.2. KCHT cụm công nghiệp năm 2010 .....	8
2.3. KCHT phục vụ công nghiệp năm 2010 .....	9
2.4. Đánh giá chung hiện trạng KCHT công nghiệp năm 2010.....	9
3. Thực trạng về KCHT đô thị tỉnh Bắc Giang năm 2010.....	10
3.1. Về hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang năm 2010.....	10
3.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị năm 2010 .....	10
3.3. Đánh giá chung KCHT đô thị năm 2010 .....	11
4. Thực trạng về KCHT giao thông tỉnh Bắc Giang năm 2010 .....	11
4.1. Giao thông đường bộ năm 2010.....	11
4.2. Đường thủy nội địa năm 2010.....	12
4.3. Đường sắt năm 2010 .....	12
4.4. Đánh giá chung thực trạng KCHT giao thông năm 2010 .....	13

Phần thứ hai.....	15
<b>KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY .....</b>	<b>15</b>
<b>I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO .....</b>	<b>15</b>
1. Việc ban hành các chủ trương, chính sách về phát triển KCHT (công nghiệp, đô thị, giao thông) từ năm 2010 đến nay .....	15
1.1. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2011-2015 .....	15
a) Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy .....	15
b) Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2011-2015 .....	17
1.2. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2016-2020 .....	18
a) Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy .....	18
b) Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2016-2020 .....	20
1.3. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2021-2023 .....	21
a) Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy .....	21
b) Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2021-2023 .....	24
2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách về phát triển KCHT	25
3. Cách thức, phương pháp tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển KCHT	25
<b>II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÂY DỰNG KCHT (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY</b>	<b>27</b>
1. Kết quả công tác lập và quản lý quy hoạch.....	27
2. Kết quả phát triển KCHT công nghiệp .....	30
2.1. Phát triển KCHT các KCN.....	30
2.2. Phát triển KCHT các cụm công nghiệp .....	30
3. Kết quả phát triển KCHT đô thị.....	31
3.1. Hình thành mạng lưới đô thị hợp lý.....	31
3.2. Quản lý phát triển đô thị theo chương trình, kế hoạch .....	31
3.3. Kết quả đầu tư phát triển KCHT đô thị.....	32
4. Kết quả phát triển KCHT giao thông .....	33
4.1. KCHT đường bộ.....	33
a) Đường cao tốc, đường vành đai: .....	35



b) Đường quốc lộ:	35
c) Đường tỉnh:	36
d) Đối với đường huyện: .....	37
e) Giao thông nông thôn:.....	37
f) Bến, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ:.....	37
4.2. KCHT giao thông đường thủy và cảng thủy nội địa:.....	38
4.3. KCHT giao thông đường sắt: .....	38
5. Kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông.....	39
6. Tổng hợp kết quả đạt được về phát triển KCHT công nghiệp, đô thị, giao thông gắn với phát triển kinh tế- xã hội .....	39
6.1. Giai đoạn 2011-2015:.....	39
6.2. Giai đoạn 2016-2020:.....	40
6.3. Giai đoạn 2021-2023:.....	41
6.4. Tổng hợp kết quả từ 2010 đến 2023: .....	42
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG .....	43
1. Kết quả đạt được và nguyên nhân.....	43
1.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo: .....	43
1.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện: .....	45
1.3. Nguyên nhân của kết quả đạt được .....	47
2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân .....	47
2.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo .....	47
2.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện .....	48
2.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế .....	52
a) Nguyên nhân khách quan.....	52
b) Nguyên nhân chủ quan.....	53
IV. BÀI HỌC RÚT RA .....	54
Phần thứ ba.....	57
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KCHT (CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ, GIAO THÔNG) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG THỜI GIAN TỚI.....	57
I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH.....	57
II. PHƯƠNG HƯỚNG .....	57
III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU .....	59
1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị về phát triển KCHT	59

2. Giải pháp nâng cao chất lượng về lập và quản lý quy hoạch.....	60
3. Phát triển KCHT công nghiệp.....	61
4. Phát triển KCHT đô thị .....	62
5. Phát triển KCHT giao thông .....	63
6. Giải pháp huy động vốn, thực hiện đầu tư công .....	64
Phần thứ tư .....	65
ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.....	65
I. ĐỐI VỚI TRUNG ƯƠNG.....	65
1. Đối với Quốc hội.....	65
2. Đối với Chính phủ.....	65
3. Đối với Bộ, ngành Trung ương.....	65
3.1. Bộ Công thương: .....	65
3.2. Bộ Giao thông vận tải: .....	65
3.3. Bộ Xây dựng: .....	66
II. ĐỐI VỚI TỈNH ỦY.....	66
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	68
CÁC BẢNG BIỂU PHỤ LỤC.....	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	70